Số 3
tháng 9, 1917

L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LUẬN-THUYẾT

TRƯỜNG ĐẠI-HỌC

Có lắm tiếng lắm chữ đọc đến như gợi ra trong trí ta những cảnh-tượng nhớn-nhao. Chữ « Đại-học » cũng là một chữ như thế. Nói đến tên Đại-học mà ta tưởng-tượng đến một cái lâu-đài nhớn, nguy-nga trong một góc phồ-phường, ngày ngày những ông giáo đạo-mạo, sách cặp đầy tay, lên lên xuống xuống trên bực đá ; học-trò lũ năm lũ ba, tuổi trạc đôi mươi, rang tay nhau vừa đi vừa nghị-luận trong đường phố ; bước chân vào thì văng-vẳng những tiếng diễn-thuyết, buồng này giảng triết-lý, buồng kia luận văn-chương, nhời ông giáo tự trên diễn-đài xuống như muốn thu-thập cả tinh-thần của bọn thiếu-niên ngồi đây...

Từ ngày quan Toàn-quyền Sarraut nghị-định đặt trường Đại-học Đông-dương, thì tiếng « Đại-học » thịnh-hành không biết chừng nào ; cái cảnh-tượng trang-nghiêm như trên kia thường phảng-phất trong thần-trí ta, càng ngày càng to, càng ngày càng rõ, như muốn thành-hình vậy.

Quốc-dân đối với trường Đại-học sắp lập này cũng mong mỏi, cũng khát-khao như đương khi đại-hạn ước trận mưa rào. Chưa ai rõ thể-thức trường thế nào mà ai cũng đã nao-nức muốn vào học. Người mong chóng tốt-nghiệp trung-học, kẻ mưu bỏ hẳn công-việc làm, để quyết-chí vào Đại-học cho cam. Cũng khả vị là nhiệt-thành vậy.

Nhưng cái vấn-đề về sự cao-đẳng giáo-dục ở nước ta, không phải lấy một cái lòng nhiệt-thành xuông mà giải được. Phải hiểu tôn-chỉ sự học, phải thuộc tinh-thể quốc-dân, phải biết vì cớ gì mà Nhà-nước lập trường Đại-học, vì nhẽ gì mà bọn ta nên mong-mỏi, cùng cứ lý-tưởng thì sự cao-đẳng giáo-dục ở nước ta bây giờ phải như thế nào mới gọi được là hoàn-toàn. Đó là mấy đoạn trong cái vấn-đề nhớn, chúng tôi định nghiên-cứu trong bài này.

Có nhẽ đến khi số báo này xuất-bản, trường Đại-học đã lục-tục mở cửa để tiếp-đón bọn thiếu-niên anh-tuấn của nước ta. Đến bây giờ thì thể-lệ chương-trình nhà trường thế nào tất đã công-bố cho mọi người biết. Vậy chúng tôi không bàn làm gì những điều thuộc về sự sếp-đặt nhà trường, thiết-tưởng ngày nay ức-thuyết sao bằng ngày mai biết thực, mà cái ngày mai ấy cũng không xa-xôi gì nữa, đã sắp tới nơi rồi.

Trước hết thử hỏi cái mục-đích sự cao-đẳng giáo-dục là thế nào? Cái mục-đích ấy có hai đường: một là dạy cho những người đã đến tuổi thành-nhân, đã có một cái phổ-thông học-thức đều đều, biết các nghệ-thuật có ích-lợi cho sự sinh-hoạt của loài người ta trong thế-giới bây giờ; hai là đoàn-luyện tinh-thần, rèn-tập trí-tuệ, gây dựng nhân-cách, mở-mang tư-tưởng, cho được đủ tư-cách làm người trong đời văn-minh tiến-hóa này. Mục-đích trên là mục-đích gần mà cần-cấp ngay; mục-đích dưới là mục-đích xa mà cao-thượng hơn. Nhưng phàm sự cao-đẳng-giáo-dục phải gồm cả hai mục-đích ấy mới gọi được là hoàn-toàn. Người ta phải có cái trí-lực mạnh mới học-vấn được, mà học-vấn phải chủ thành nghề-nghiệp có ích-lợi cho xã-hội; vậy hai đằng thực là liên-lạc với nhau, không thể dời nhau được. Song hai mục-đích ấy cũng khó lòng mà đồng-thời đạt tới được. Nếu chủ sự trí-thức thì đường nghệ-nghiệp không được tinh; nếu vụ sự thực-học thì đường tư-tưởng tất phải kém. Đời người hữu-hạn, sự học vô-hạn, phi bực thiên-tài không thể lấy cái hữu-hạn mà theo đuổi cái vô-hạn đến kỳ-cùng vậy.

Tất phải kén chọn mà bắt đầu tự cái cần hơn trước.

Như ở nước ta ngày nay, thì sự học nào là cần hơn nhất?

Ông cha ta khi xưa, nung sử nâu kinh, nghiên-tinh đàm-tử, trong mấy mươi đời, kể về đường tinh-thấu, về đường trí-thức, cũng chẳng kém gì ai. Có nhẽ lại chuyên-trọng bề trí-thức hơn các nước khác. Nhưng vì chuyên-trọng quá, không mấy nỗi mà mắc phải cái tật hư-văn, cái vạ cử-nghiệp; hai cái thực đã có một phần to trong sự tiến-hóa chậm của dân ta. Cả nước đều học làm văn, thì không những không thành được văn-chương hay, mà cái giá-trị của văn-chương cũng giảm bớt đi. Cả nước đều mưu sự thi-cử, thì không những sự thi-cử không đủ kén chọn được nhân-tài, mà nhân-tài cũng vì đấy tiêu-mòn đi mất. Ấy tình-thế sự học ở nước ta khi xưa như thế, cái ảnh-hưởng dẫu đến ngày nay cũng vẫn còn. Lại thêm tôn-chỉ sự học sai-nhầm, nên cái họa hư-văn cử-nghiệp lại càng thâm lắm nữa. Tôn-chỉ ấy không phải là không cao, nhưng đem đối-chiếu với sự-thực thì thực là xa-cách quá chừng. Các cụ ta ngày xưa lấy cái lý-tưởng ông « thánh-nhân » làm mục-đích cho sự học. Các cụ tin rằng thánh-nhân đời xưa sở-dĩ là thánh-nhân cũng là bởi đã biết học phải đường mà tới được; người ta ai cũng

có tư-cách ông thánh-nhân cả, miễn là biết học cho phải đường, sớm trưa tất có ngày tới được. Vậy thì cả công-phu sự giáo-dục phải chỉ chủ vào một việc : là phát-siển cái ông « tiềm-lực chi thánh-nhân » ở trong mỗi người ra ; người sáng-suốt thì công-phu ấy chóng, người ngu-tối thì công-phu ấy lâu, nhưng thế nào cũng là có kết-quả được ít nhiều mà bổ-ích cho sự đạo-đức trong xã-hội. Phải chịu rằng một cái lý-tưởng như thế thực là hay mà thực là cao, nhưng xét kỹ cũng chẳng qua là một cái hư-tưởng mà thôi. Các cụ ta hết lòng hết sức tin cái hư-tưởng ấy, bao nhiêu tinh-lực chú vào một cái hư-tưởng ấy, không biết rằng « thánh-nhân » không phải là một chất hóa-học, muốn thêm vào bớt ra, cái nguyên-chất nó vẫn không thay đổi ; « thánh-nhân » thực là một khối hồn-nhiên, có thế nào mới kết-tinh lại được, sai một li tất giải-tán ra ngay. Như thế thì không phải là ai cũng có tư-cách thánh-nhân, vì không thể thánh-nhân một nửa, một phần được. Trong mấy mươi đời, dân ta sinh-trưởng trong cái hư-tưởng ấy, đời nọ truyền cho đời kia. Suốt quốc-dân, từ đứa trẻ mới cắp sách đi học cho đến ông túc-nho đã thuộc lòng kinh-sử, không ai là không chú-mục vào thờ cái hình-ảnh rất tôn rất nghiêm, rất đáng kính đáng trọng là hình-ảnh ông thánh-nhân đời xưa ; không ai là không mong mỏi có ngày tới đến được. Thấy khóa-sinh nhà quê lúc cao-hứng cũng tự sánh mình với vua Nghiêu vua Thuấn, thì còn gì « ngông » bằng ! Ấy sự cao-đẳng giáo-dục của ta ngày xưa chỉ chủ nuôi cái « ngông » ấy ở trong lòng. « Ngông » hay, « ngông » cao-thượng, nhưng vẫn là « ngông » ! Đã mang cái « ngông » ấy ở trong lòng thì sao có chịu tự-hạ học-tập những nghề-nghiệp thiết-yếu cho đời người ? Đã là ông « hậu-bổ thánh-nhân » thì sao có đành phận làm người thường ?

Ấy một cái lý-tưởng rất hay hiểu nhầm mà có thể lưu-tệ đến vô-cùng vậy.

Thử xét tình-thế nước ta về đường chính-trị, về đường kinh-tế, về đường trí-thức nữa ; bởi sao mà ta kém còi, ta trậm tiến như thế ? Chẳng phải là bởi ta đã quá mê một cái lý-tưởng quá cao, sức người không thể tới kịp được, mà vì đây những bỏ những nghề-nghiệp thiết-yếu cho đời người, dư ? Người ta học để phú quốc cường dân, ta học để mong làm ông thánh-nhân ; cái mục-đích của ta không phải là không cao, nhưng hư-không biết chừng nào ! Các nước trừ một bọn thượng-lưu mới dám mang cái hi-vọng tối-cao ấy ở trong lòng, còn từ bực trung-lưu dở xuống chỉ chăm-chỉ những việc thiết-yếu cho đời, thêm sung-sướng ích-lợi cho xã-hội. Cuộc văn-minh ngày nay phần nhiều là công-nghiệp của những hạng trung-lưu trong các nước biết trọng sự thực-học thực-nghiệp, vụ cho nước giàu người mạnh, dân khôn của nhiều. Bọn trung-lưu ấy thì

nước ta tuyệt-nhiên không có. Tự người thường dân dở lên, ai cũng mong-mỏi được liệt vào hạng thượng-lưu cả, hạng ấy tất-nhiên là có ít; bao nhiêu người không thể tới kịp được cũng tự cho mình là « nhỡ » cả, cái số người « nhỡ » ấy không biết bao nhiêu mà kể. Trong một nước đặt những người « nhỡ » cả, đặt những người không an-phận, tự cho mình là thất-sở cả, thì trách sao mà nước không mạnh, người không giầu, dân không khôn, của không khéo, việc chính-trị không chỉnh-đốn, cuộc kinh-tế không phát-đạt?

Ấy tình-thế nước ta từ xưa đến nay như thế, căn-nguyên sâu xa như vậy, phải xét cho tường mới biết được ngày nay nên học như thế nào cho phải đường.

Quyết là nên theo đường thực-nghiệp, mà kíp học-tập lấy những nghệ-thuật yêu-cần cho sự sinh-hoạt của người ta trong thế-giới bây giờ. Thế-giới này là thế-giới sinh-tồn-cạnh-tranh, nước nào giầu mạnh là nước ấy được phần hơn, dân nào nghèo hèn là dân ấy phải chịu thiệt. Sự cạnh-tranh tuy gồm cả tinh-thần vật-chất, nhưng bề vật-chất xem ra cần-cấp cho ta hơn, vì về phần ấy ta xưa nay vẫn nhãng bỏ, sự thiệu-thốn cần phải cứu-bổ ngay.

Bởi vậy mà trong hai mục-đích của sự cao-đẳng-giáo-dục như ta đã kể trên kia, cái mục-đích thứ nhất là cái ta nên theo đuổi trước nhất. Hiện nay không gì cần bằng dạy cho bọn thiếu-niên nước ta những nghề-nghiệp có ích-lợi ngay cho nước, những nghề-nghiệp ấy thực là cái chốt của sự văn-minh thuộc về vật-chất. Nước ta đã thiếu cái văn-minh ấy nhiều, nên chóng mà bổ-khuyết lấy, mới mưu được cuộc sinh-tồn, sự tiến-hóa trong đời bây giờ. Ta nên gây lấy một bọn người thông-hiểu các nghề-nghiệp mới, có học-thức, có tư-cách, cần-mẫn, siêng năng, để giúp cho sự kinh-doanh mọi việc nhớn trong nước. Bọn ấy rồi sẽ là cái mầm cho một hạng trung-lưu-xã-hội về sau này. Các nhà kỹ-sư, nhà cai-trị, nhà doanh-nghiệp, nhà tư-bản, nhà pháp-luật, nhà chính-trị, nhà y-học của ta sau này sẽ do trong bọn người ấy mà ra cả. Bọn ấy sẽ đảm-nhiệm một phần việc to trong xã-hội nước ta. Việc khó nhất đương buổi bây giờ là việc đổi cũ ra mới, thay hình-dung, cải diện-mạo cho cái cõi Việt-nam cổ-địa này, cùng mọi việc trừ-cách tệ-tập, thâu nhặt điều hay, sẽ là cái phận-sự riêng của bọn trung-lưu ấy. Bọn ấy thực là gồm cái hi-vọng tối-thiết của quốc-dân ta; bọn ấy tức là cái tương-lai của ta vậy.

Quan Toàn-quyền Sarraut lập ra trường Đại-học này cũng là chủ một mục-đích như thế. Trong bụng ngài quyền-cố đến dân ta, tất tự nghĩ rằng: Ta xét dân này cũng không phải là một dân đê-liệt lắm. Xưa kia nó đã từng có một cái văn-minh rực-rỡ, một cuộc lịch-sử vẻ-vang. Bởi sao

mà ngày nay nó tiến-hóa chậm như thế? Bởi nó không biết cái thuật sinh-tồn trong thế-giới bây giờ. Bởi nó không quen những nghề-nghiệp làm cho đời nay thịnh-vượng hơn đời trước. Nó có văn-chương, có mĩ-thuật, có luân-lý, có triết-học, nhưng nó không biết dùng điện-khí, không biết lấy mỏ than, không biết chế máy-móc, không biết lập công-trình. Nó biết khéo dạy nhau trong gia-đình, trong xã-hội, nhưng rất là vụng những phép kinh-doanh, khroé buôn-bán, đường quyền-lợi, mặt cạnh-tranh. Ta đã nhận trách sang khai-hóa cho lũ nó, nên dạy cho chúng nó những phép cùng thuật ấy, khiến cho có ngày quản-trị được quyền-lợi. khai-khẩn được tài-nguyên, gây-dựng được công-nghệ, mở-mang được buôn-bán. Vả xứ Đông-dương này là xứ giầu, của chìm của nổi chẳng thiếu gì, ta nên dạy cho người bản-xứ biết lợi-dụng những của ấy, cho thêm giầu-có lên, để trước là làm nổi những công-việc nhớn nhao ở trong nước, sau là « chiến-tranh-chi-hậu » có thể giúp Mẫu-quốc được ít nhiều để tỏ chút lòng ân-ái nặng...

Ấy trong bụng quan Toàn-quyền tự nghĩ như thế mới định lập ra một trường Đại-học chuyên dạy các khoa thực-học; chủ-ý ngài muốn cho sự học cao-đẳng mới này chỉ vụ lấy thiết-thực, khiến cho gây được những người hữu-dụng ngay. Thực là hợp với lòng sở-nguyện của quốc-dân ta cũng chỉ ước ao chóng được người có thể giúp cho dân cho nước trong việc cải-lương về đường chính-trị, về đường kinh-tế.

Bởi vậy mà ta nên hết lòng nhiệt-thành hoan-nghênh trường Đại-học này, mong rằng trường ấy sẽ đạt tới mục-đích, cho thỏa cái ý tốt của người sáng-lập, thỏa cái lòng thành của kẻ hưởng-thụ. Đến ngày nước ta được nhiều ông quan giỏi, thầy nghề tài, tay buôn khôn, nhà công khéo, thì chi mà chẳng chóng được giầu-có thịnh-vượng, chuộc lại bội-phần cái vạ hư-văn cử-nghiệp ngày xưa? Đến ngày trong quốc-dân ai làm việc gì thuộc việc nấy, mỗi người có một phận-sự, một chức-trách riêng, không có cái hạng người dở-dang nhố-nhăng như xưa nữa, thì cuộc tiến-hóa tất không bị ngăn-trở mà được tuần-tự, cái tiền-đồ sẽ rộng mở cho nước ta thênh thang mà sáng sủa biết chừng nào! Bao nhiêu những bọn thiếu-niên ngày nay ở nhà trường ra sô nhau vào các sở công sở tư mà làm những công-việc hạ-lại, tự cam chôn mình trong đống giấy lộn, mai này sẽ được ra đua tài đua sức mà học tập những nghề thuật hay có ích cho nhà, có ích cho nước. Cha mẹ cho con đi học cũng được thỏa dạ rằng từ nay kết-quả sự học không phải đến « thông-ngôn » là cùng nữa, có thể mong cho con một mai làm ông chủ nhà máy, ông trưởng tầu buôn, khai-khẩn những rừng-ruộng mênh-mông, mở-mang những công-nghệ thịnh-vượng. Nghĩ đến cái tiền-đồ rực-rỡ ấy, ai là người cầm lòng được mà chẳng hăm-hở muốn vào ngồi ngay ghế trường Đại-học, học lấy những bí-thuật làm cho

nước giầu dân mạnh, để đem ra mà giúp nước giúp dân trong buổi gây dựng này?

Bởi bấy nhiêu nhẽ mà lòng nhiệt-thành của quốc-dân ta đối với trường Đại-học sắp mở này, không phải là không chính-đáng, thực là một triệu-chứng rất hay.

Nếu nhờ trường Đại-học này mà tiền-đồ nước ta quả được như lòng ta hi-vọng trên kia thì ta đội ơn quan Toàn-quyền SARRAUT biết bao nhiêu mà kể. Cuộc tương-lai của ta là công hiện-thời của ngài: cuộc tương-lai ta được vẻ-vang là bởi ngài mà ta được hưởng, bởi cái trác-kiến của ngài biết lo liệu trước sau cho ta, bởi lòng quảng-đại của ngài đoái thương đến lũ hậu-tiến muốn cầm tay mà đưa giắt đến cõi văn-minh. Ơn nghĩa ấy dù nước non thay đổi, lòng dân ta cũng không bao giờ quên.

Nhưng lệ thường kẻ chịu ơn là không biết bao giờ đủ, chửa được ơn này đã muốn xin ơn nữa. Người ân-nhân phải có lòng kiên-nhẫn mới làm tai nghe được hết những nhời yêu-cầu sôc nổi của lũ dân thường nhẹ dạ mà quá tham.

Bởi cái lệ thường đó mà bọn ta tuy nay đã sắp được hưởng cái ơn cao-đẳng giáo-dục, trong bụng hãy còn chưa được thập-phần mãn-nguyện. Bọn ta còn hi-vọng cao hơn một chút nữa. Vẫn tự biết rằng hiện nay mà mong-mỏi hơn nữa, là chờm-hớp những sự cao-xa quá-đáng, lấy cái chính-sách thực-tiễn mà xét thì chưa đủ lưu-tâm đến vội. Nhưng sở-dĩ làm sao mà bọn ta phát-khởi ra lòng hi-vọng ấy, tưởng cũng là một sự nên bầy tỏ cho chính-phủ lượng-xét mà biết cái khuynh-hướng chung của bọn trí-thức trong nước này.

Nếu cái nhiệm-vụ của sự cao-đẳng giáo-dục chỉ là dạy cho người ta biết những nghệ-thuật thiết-yếu trong đời bây giờ, thì trường Đại-học sắp mở này thực là đối-phó với cái nhiệm-vụ ấy một cách đầy-đủ mà rồi-rào. Nhưng sự cao-đẳng giáo-dục còn có một mục-đích nữa, như ta đã nói trên kia, là gây dựng cho người ta một cái nhân-cách tương-đương với sự tiến-hóa của văn-minh ngày nay. Truyền-thụ cho cái học-thức còn chưa đủ, cốt nhất là phải luyện tập cho thành người. Một nhà danh-sĩ đã có câu nói rằng: « Cái óc khéo luyện là một cái đồ-dùng tuyệt-diệu, dù muốn dùng ra việc gì cũng được. Không những cái óc ấy ứng dụng ra được nhiều cách hơn là cái thói quen hủ-lậu, nhưng có cái óc ấy mới sứng-đáng cái nghĩa hoàn-toàn cao-thượng của người ta. » Cứ như thế thì sự học luyện-trí còn quan-trọng hơn sự học tập-nghề nhiều.

Nói thế tất có người bác lại rằng: Các ông không thể trách nước Đại-Pháp không luyện cái óc người An-nam cho các ông. Nước Đại-Pháp dù có muốn cũng không thể được. Cái óc của các ông là kết-quả của mấy nghìn năm đào-thải, mấy trăm năm nho học; bây giờ đem luyện-tập

cho hợp với văn-minh ngày nay, cho ngang với trình-độ người Pháp, thì sao được ? Các ông đòi cái đó là đòi một sự không bao giờ, không thể nào cho được.

Ấy chính bởi thế mà chúng tôi không dám yêu-cầu như thế. Chúng tôi vẫn biết rằng phàm sự « đổi óc » là sự rất khó : cái não-chất một dân một nước phải mấy nghìn năm mới thành, thì cũng phải đến mấy trăm năm mới biến được. Bởi vậy mà chúng tôi không dám xin nước Đại-pháp biến chúng tôi thành người Pháp : xin như thế thực là một sự « ngông » chẳng kém gì cái « ngông » của ông cha chúng tôi ngày xưa đua nhau mà mong-mỏi đến bực « thánh-nhàn ».

Ví bằng cái đạo-học cũ của chúng tôi mà thích-hợp với thời, mà còn thể duy-trì được, thì chúng tôi chỉ dám xin với nước Đại-Pháp dạy cho các nghệ-thuật cần-dùng trong đời bây giờ, còn thì cứ để cho theo cái tinh-thần trí-thức cũ, cho khỏi sai-lạc với cái tổ-truyền trong nước. Nhưng hại thay ! cái tổ-truyền ấy ngày nay không được vững-bền như xưa nữa ; cái tổ-truyền ấy cũng phải ra sung-đột với những tư-tưởng mới mà mỗi ngày một mòn-mỏi đi. Nho-học là đồ ăn nuôi cái tinh-thần cũ, nay cũng mỗi ngày một suy-vi đi, không thể cứu-vớt được nữa, thì cái tinh-thần ấy sống sao được ?

Hiện nay tinh-thần ấy đã suy-biến lắm rồi. Nước chúng tôi nhờ ơn Đại-pháp bảo hộ, về đường vật-chất đã tiến-bộ được nhiều. Nhưng về đường trí-thức, xem còn chậm-chạp lắm ; về đường đạo-đức thì hình như có thoái mà không có tiến. Đã hay rằng tiến-bộ không thể đều được ; cái *phẩm* suy là sự đại-giá tất-nhiên của cái *lượng* thịnh, các nhà tây nho cũng đã từng nhận như thế. Nhưng mà sự suy-đổi về đường trí-thức, về đường đạo-đức ở nước Nam đương bây giờ, là bởi một cái nguyên-nhân xa hơn nữa : là bởi nước chúng tôi ngày nay chưa có một cái học cao-đẳng để thế vào nho-học đã gần mất.

Cái học cao-đẳng ấy chúng tôi muốn xin nước Đại-pháp ân-tứ cho chúng tôi. Từ khi cái tinh-cờ của lịch-sử đưa chân người Pháp sang cõi Đông-dương này, chúng tôi vẫn cảm-phục hâm-mộ cái tinh-thần của đại-quốc. Trung-gian hai bên cũng từng lắm phen ngộ-nhận nhau. Nhưng gần đây thực đã hiểu rõ nhau rồi. Kể từ khi bên Âu-châu gây ra cuộc binh-lửa kinh-thiên động-địa này, chúng tôi được biết cái tinh-thần nước Pháp xuất-hiện ra rực-rỡ vẻ-vang là chừng nào ; bèn tỉnh-ngộ trong lòng mà tự-nghĩ rằng : Thầy ta đây, không phải thầy ta đâu.

Bởi vậy mà chúng tôi ước ao cho cái văn-hóa của đại-quốc ảnh-hưởng sâu vào học-giới chúng tôi, để giúp chúng tôi khởi-phục lại cái tinh-thần cũ. Chúng tôi không dám mong thu-thập được cái tinh-thần của đại-quốc,

nhưng chúng tôi mong rằng hai cái sẽ hỗn-hợp dung-hòa với nhau mà đoàn-kết thành một khối thiên-nhiên, tức là cái cựu-hồn của nước Nam đã nhận được ánh-sáng khí-nóng của văn-hóa nước Đại-pháp vậy.

Ấy trong lòng chúng tôi mong-mỏi những sự xa-sôi như thế.

Nhà nước đã sẵn lòng dạy cho chúng tôi thành người tài nghề giỏi việc ; xin trọn-vẹn cái công-đức ấy mà luyện cho chúng tôi thành người có nhân-cách sứng-đáng, biết sống, biết tư-tưởng theo một lý-tưởng cao, tức cũng là lý-tưởng của Đại-pháp đó . . .

Nạn-giả nghe thế, tất nói rằng : Xem thế thì ý các ông muốn nhà-nước cũng đặt trường Đại-học giống như bên Tây mà dạy người An-nam cái học-thuật cao-đẳng của Đại-pháp. Lòng ước-ao ấy cũng khả nguyện, nhưng còn sớm quá. Người An-nam hiện chưa đủ tư-cách mà nhận được cái học-thuật cao-đẳng ấy. Nay nhà-nước đã mở trường chuyên-môn, nên kíp theo cho chóng biết các nghề cần-dùng trước đã. Còn cái học thuần về trí-thức thì bao giờ dạy được bây giờ sẽ hay. Và trường Đại-học thực-nghiệp sắp mở này không phải là một công-trình nhỏ ; phải lâu năm mới thành-lập được. Bao giờ cái mục-đích thứ nhất của sự cao-đẳng giáo-dục là sự tập nghề đã đạt tới, bây giờ sẽ lưu-tâm đến cái mục-đích thứ nhì là sự luyện-trí, cũng không chậm. Phàm thực-hành phải tuần-tự, không thể vội-vàng được.

Chúng tôi không phải là không hiểu các nhẽ ấy, mà bản-tâm quyết không phải là ước-ao được một trường Đại-học như các trường Đại-học bên Âu-châu. Chúng tôi tự biết sự ước-ao ấy quá-đáng mà không hợp nhẽ. Nhưng chúng tôi thường nhận sự học chuyên môn mà không có một cái phổ-thông-trí-thức cao-cao thì cũng chưa được là hoàn-toàn. Gây-dựng được thật nhiều những tay nghề thật giỏi, thì còn gì hay bằng, nhưng cốt nhất là những người ấy phải có cái trí-thức, cái nhân-cách tương-đương với nghề riêng mình thì nghề ấy mới thực là có ích lợi cho nước. Cái trí-thức ấy, cái nhân-cách ấy, làm thế nào mà tô-tạo cho được ? Thiết-tưởng chỉ có một cách là gây cho người An-nam một cái phổ-thông học-thức hợp với tính-cách với trình-độ dân này. Có cái phổ-thông học-thức ấy thì hiệu-lực của cái chuyên-môn học-thức kia tất được tăng lên bội-phần. Tức như nhời nhà danh-sĩ nói cái óc có luyện thực là một đồ dùng tuyệt-diệu, đem ra ứng-dụng việc gì cũng có lợi.

Nhưng phàm công-cuộc nhớn không thể đồng-thời mà thành-tựu được. Nay nhà-nước mở trường Đại-học ta hoan-nghênh này, là đã bước được một bước nhớn vào con đường thực-hành những công-cuộc có ích cho sự khai-hóa dân ta. Lo gì mà chẳng có ngày bước được hết con đường ấy ?

PHẠM QUỲNH.

TRƯỜNG HẬU-BỔ CŨ VỚI TRƯỜNG PHÁP-CHÍNH MỚI

Cứ nghị-định quan Toàn-quyền ngày 8 tháng 7 năm 1917, thì Đại-học-cục sẽ có mấy trường cao-đẳng như sau này : Trường Y-học Dược-học, trường Thú-y, trường Bách-công, trường Nông-lâm-học, trường Thương-nghiệp-học, trường Hàng-hải và ngư-nghiệp-học, trường Pháp-Chính, trường Sư-phạm.

Trong mấy trường ấy, cái thể-chế mới lạ nhất tất chỉ có trường Pháp-Chính, dạy pháp-luật và chính-trị. Vì trường Pháp-Chính sẽ do trường Hậu bổ bây giờ — tức ngoài Bắc ta đổi dị-danh là trường « Sĩ-hoạn »,tên có thực mà không nhã — biến-cải đi mà lập thành ra. Vậy nên bàn riêng mấy nhời về trường Hậu-bổ cùng trường Pháp-Chính, và xét xem sự biến-cải ấy ra làm sao?

Hiện cái thể-chế trường Hậu-bổ ngày nay thực là không ứng-hợp với mục-đích trường một chút nào. Bây giờ trường đã sắp đổi, bình-phẩm cái cách dạy học trong trường tưởng cũng không ích-lợi gì, nhưng cứ thực mà nói thì cái cách dạy ấy không lấy gì làm lương-hảo lắm. Đào-tạo những người sắp có trách-nhiệm ra cai-trị dân mà cái chương-trình cũng sâm-si với lớp nhất lớp nhì các trường Pháp-Việt, thì quả là một sự đáng lạ thay. Các ông hậu phải tự-hạ vào ngồi ghế học-trò, tưởng học được cái bí-thuật của nghề trị-dân, ai ngờ cũng bất-ngoại mấy món thường của các cậu « Hàng-Vôi », các cô « Hàng-Cót » : âm-tả, địa-dư, bốn phép của số-học, ba loài trong tạo-vật, chi-gian đó mà thôi. Mà cái « cao-đẳng học-thức » ấy, rồi đến sau các ngài xuất-chính cũng là thuộc về vô-dụng cả. Bởi sao mà sự học trường Hậu-bổ đến nỗi thất-cách như thế ? Bởi hai điều nhầm to : một là dùng cách dạy trẻ con mà dạy người nhớn ; hai là dạy bằng tiếng Pháp cho những người chưa biết đủ tiếng Pháp. Dùng cách dạy trẻ con mà dạy người nhớn thì không gì hại bằng. Bắt học thuộc lòng, bắt đọc ứng-khẩu, nạn từng nghĩa, biện từng câu, đó là cái phương-pháp thi-hành với những trẻ mười-lăm mười-ba tuổi. Học-trò trường Hậu-bổ phần nhiều là xuất-thân cử-nhân, tú-tài, âm-sinh, đều là những người vào tuổi thành-nhân cả. Đối với những người ấy mà thi-hành cái phương-pháp kia thì sao có hợp ? Đến như dùng tiếng Pháp mà dạy những người ấy thì lại là sai cách nữa. Các bực cử-tú khi vào học Hậu-bổ, chữ tây chửa biết hơn học-trò lớp nhì lớp ba trường Pháp-Việt ; như thế mà theo học pháp-luật chính-trị bằng tiếng Pháp thì thế sao được ? Bởi vậy nhà-trường không dám dạy các môn cao-đẳng ấy, chỉ bắt chuyên-trị chữ Pháp trong suốt ba năm. Đến khi chữ Pháp đã hơi thông-thông thì kỳ-hạn học đã hết rồi : bây giờ

thi một bài ám-tả, bài luận con-con, thế là tốt-nghiệp. Thử cộng cái học-thức chuyên-môn về chính-trị pháp-luật của các ông hậu bây giờ thì thấy tổng-số cũng không cao hơn số không mấy tí. Thành ra rút lại trong thời-kỳ ở nhà trường chỉ học một món chữ tây, cái kết-quả sau khi tốt-nghiệp là đủ ứng-đối hoặc thảo tờ bẩm tờ trình bằng chữ Pháp, thực không tương-đương với công-phu học. Cũng có ông ở nhà-trường ra đã biết nềm cái phong-thú của văn-chương tây, như quan giáo kia mới đỗ tốt-nghiệp giáo-ban ở trường Hậu-bổ trong Kinh, bổ về dạy học trong một phủ đường trong, châm bài luận Pháp-văn của học-trò, muốn khuyên học-trò nên chăm học, có phê vào vở một câu tuyệt-cú ràng : *Tâchez de mouvementer votre rame, sinon votre barque sombrera !* — Ấy cái kết-quả sự học của các trường Hậu-bổ như thế.

Thường thiết-nghĩ phép dạy trường Hậu-bổ chỉ có một cách tiện-lợi : là dùng cái lối « nói truyện », lối diễn-thuyết bình-dị, không phải dạy thành lớp, thành bài như các trường-học thường. Vì mục-đích trường Hậu-bổ là gì ? Là tuyển thành lấy những người sành nghề làm quan. Như thế thì chi bằng lấy những bực lịch-luyện trong quan-trường ta, cùng những tay thông-hiểu trong hàng các quan cai-trị tây ra mà giảng-dụ cho bọn hậu-tiến cái thuật trị-dân trong xứ này ? Nên đặt ra từng kỳ diễn-thuyết, chọn lấy mấy ông quan giỏi như trên kia, hoặc bất-cứ ông nào : quan Sứ Đông hay quan Sứ Đoài, quan Thượng Nam hay quan Thượng Bắc, hay là những viên có tư-cách trong hàng phủ-huyện, một tháng mấy lần tựu-trường nói truyện mấy giờ với học-trò : ông thì giảng chung về phép trị-dân, ông thì nói riêng về cách biện việc, ông thì kể những sự minh kinh-lịch trong khi làm quan, ông thì bầy những vấn-đề mình phải quyết trong khi hành-chính. Thầy trò ngày nay tức là « đường » « thuộc » ngày mai, kẻ tiến-bối người hậu-tiến trực-tiếp với nhau, tình thân-mật biết chừng nào mà học thiết-thực biết bao nhiêu ! Học trò thì mỗi tuần, nửa tháng hay một tháng chỉ phải làm một bài luận (bất-cứ bằng chữ Pháp, quốc-ngữ, hay chữ nho, tùy tài, tùy tiện) về một vấn-đề chính-trị, trọng nhất là phát-biểu ý-kiến riêng, không cần văn-chương hay. Nhưng đó mới là cái học chuyên-môn về nghề làm quan ; ông quan còn cần phải có một cái học phổ-thông nữa. Cái học phổ-thông ấy gồm các môn lịch-sử, địa-dư, văn-chương, triết-lý, v. v., cũng sẽ dạy bằng lối giảng-nghĩa diễn-thuyết cả ; ông giáo tây sẽ kèm một ông giáo ta thông-hoạt, diễn-giảng điều gì truyền dịch ra tiếng ta cho học-trò nghe. Đã nghiệm phàm học-trò nhớn mà biết ít chữ tây, dạy bằng tiếng an-nam nói cao đến đâu nghe cũng hiểu, mà diễn bằng tiếng tây điều rất tầm-thường có khi không vỡ ; đó cũng là một nhẽ tự-nhiên vậy...

Ấy đại-khái ý riêng về phép dạy học trường Hậu-bổ như thế. Nhưng đó mới là một bức phác-họa trong tưởng-tượng đã lâu ngày, nhân bàn về trường Hậu-bổ, kể qua mấy nhời để gây một môi nghị-luận chung.

Nhưng hiện nay nhà nước sắp lập cuộc Đại-học, sắp mở trường Pháp-Chính, thì những sự khuyết-điểm của trường Hậu-bổ ngày nay tất sẽ được bổ-cứu một cách hoàn-toàn hơn.

Hiện chưa biết rõ thể-chế trường Pháp-Chính thế nào, nhưng có thể dự-bàn về cái tôn-chỉ nhà trường đại-khái như sau này :

Thứ nhất là trường Pháp-Chính không chủ dạy làm quan ;

Thứ nhì là trường Pháp-Chính sẽ gồm học-trò cả Bắc-Trung-Nam tam-kỳ để dạy cho có tư-cách nhà hành-chính, nhà tư-pháp ;

Thứ ba là học-trò Bắc-kỳ Trung-kỳ, muốn ra làm quan phải tốt-nghiệp nhà trường, rồi vào Kinh ứng-thí riêng.

Xin bàn qua mấy nhời về ba điều ấy.

Trước hết cứ xét chung ba điều mà so-sánh với trường Hậu-bổ cũ thì biết hai trường khác nhau là chừng nào, mà đổi trường nọ ra trường kia thực là bỏ cái cũ mà lập cái mới vậy.

Trường Hậu-bổ chủ dạy làm quan, trường Pháp-Chính không chủ dạy làm quan. Sự biến-cải mục-đích ấy thực là một cái ưu-điểm hơn trước. Nếu nhà trường chủ dạy làm quan thì học-trò tất chỉ mang một cái quan-niệm ở trong lòng : là mong chóng ra làm quan, coi nhà trường cũng sự học như một nơi trú chân, một việc tạm thời, không có quan-trọng gì, vì mục-đích ở sự làm quan, không ở sự học. Như thế thì học còn có ích-lợi gì ? Không những không có ích-lợi gì, mà lại là một sự ngăn-trở cho nhiều người vì kém chữ tây phải lạo-đạo nơi trường-ốc lâu năm không thành-nghiệp.

Trường Pháp-Chính về sau này chỉ chủ dạy cho người bản-quốc biết những điều thiết-yếu về pháp-luật chính-trị. Mục-đích sự học là ở trong sự học, không phải ở ngoài sự học. Học-trò tốt-nghiệp ở nhà trường ra tất phải thông-thuộc các việc công, thấu hiểu nhẽ chính-trị, dù cho sung vào chức-việc gì trong cục-chế nhà nước cũng có thể đương được. Như thế thì tuy sự học ở nhà trường không có cái mục-đích cận-lợi, mà thành ra các viên-chức giỏi giúp được việc nhà nước rồi cũng sẽ do đấy mà ra cả. Nghe đâu quan Toàn-quyền định cho những người học-trò tốt-nghiệp ở trường Pháp-Chính ra được cái đặc-quyền bổ ngay chức tham-biện các tòa Nhà-nước : thực là một sự thưởng-lệ rất hay. Người nào làm việc giỏi lại có thể mong được sung những chức việc xưa nay vẫn để riêng cho các viên tham-biện người Pháp : vì sau việc chiêu-chanh hàng quan-lại Pháp tất khó được đông đủ như trước, vậy Nhà-nước muốn rộng mở cho người

An-nam ta được tham-dự các việc. Có sức học, lại có việc làm tương-đương với sức học, thực là được thỏa lòng bọn thiếu-niên hiếu-học của nước ta.

Gồm học-trò cả tam-kỳ lại cũng là một sự cải-cách hay. Hiện ở Hà-nội có trường «Sĩ-hoạn», trong Kinh có trường Hậu-bổ, học-trò tốt-nghiệp ra được bổ phủ, huyện, huấn, giáo. Ở Nam-Kỳ thì quan-trường An-nam không có nữa, phủ, huyện là những chức danh-dự để thưởng cho những người giúp việc nhà nước giỏi. Nhưng tại Sài-gòn cũng chưa có trường nào dạy phép cai-trị. Như thế thì mục-đích trường Pháp-Chính của Đại-học-cục sau này đã không phải là chỉ dạy làm quan, còn gì bằng gồm cả học-trò ba xứ lại mà cho theo một chương-trình học chung? Dù là người Trung-kỳ, Nam-kỳ, Bắc-kỳ, thì cũng là người An-nam cả, cái trình-độ tất cũng sàm-si như nhau, nên cho cùng nhau mà hưởng-thụ cái cao-đẳng giáo-dục của nhà nước sắp đặt ra cho suốt cõi Đông-dương. Cái học-thức thành được bởi sự giáo-dục ấy, rồi sau tùy tình-thế mỗi xứ, ứng dụng ra việc gì cũng được. Như thế thì sự hợp-nhất trong việc giáo-dục chỉ có lợi mà không có hại. Vả lâu nay ba cõi nhớn trong nước Nam ta, vẫn cách-biệt nhau, hầu như không biết đến nhau nữa; vậy dịp này thực là một dịp hay để nối lại cái giây thân-mật cũ, tự Đức Cao-hoàng ta hồi dựng nước đã buộc người xứ Nam với người xứ Bắc, kẻ đường trong với kẻ đường ngoài.

Những sự cải-cách quan-trọng nhất của trường Pháp-Chính là thuộc về phép kén-chọn các viên-chức trong quan-trường ta. Trừ xứ Nam-kỳ không kể, ở Bắc-kỳ cũng Trung-kỳ, các hàng phủ-huyện đều do trường Hậu-bổ mà ra cả, cái kết-quả sự học trường Hậu-bổ thì như ta đã kể trên kia thực là không đủ làm được ông quan. Khi trước học-trò trường Hậu-bổ toàn là những người khoa-mục, cái cựu học đã nhiều, nên tuy sự học ở trường không ra gì, cũng đủ làm được ông quan theo lối cũ. Nhưng gần đây cái trình-độ của nho-học mỗi ngày một thấp đi, không đủ sức mà cứu-bổ cho sự học thiếu-thốn của nhà trường. Nhà nước cũng đã từng nhận biết rằng bọn cựu học sắp hết rồi, nên ở trường Hậu-bổ Hà-nội có đặt thêm một ban cho những bọn tân học vào học. Đó tức là cái bước thứ nhất vào con đường cải-cách ngày nay. Nhưng cái cách dạy ở ban tân-học ấy cũng vẫn còn khuyết-điểm nhiều, vì vẫn là thuộc vào thể-chế trường Hậu-bổ. Vậy thế tất phải đổi cái thể-chế ấy đi thì sự cải-cách mới có thể thành công được.

Đó là cái công-việc của trường Pháp-Chính vậy. Tuy mục-đích trường không phải là dạy làm quan, nhưng cũng là chỉ dạy những sự mà phàm người muốn ra làm quan cần phải biết, không thể không biết được. Pháp-luật, kinh-tế, chính-trị, lý-tài, phàm người có trách giữ quyền-lợi cho dân trong đời bây giờ có thể mang-nhiên không biết những môn học ấy không? Bọn tiến-bối không biết, còn có thể thứ được: những người sau này mới bắt đầu vào quan-trường mà không biết thì thực là một sự lỗi to. Trường

Pháp-Chính chủ dạy các khoa học chuyên-môn ấy; ai muốn vào quan-trường phải qua trường Pháp-Chính là một sự bắt-đắc-bất-nhiên vậy. Nhưng tốt-nghiệp trường Pháp-Chính chưa đủ ra làm quan ngay được, là bởi nhiều nhẽ. Ông quan trong xã-hội nước ta là một nhân-vật đặc-biệt. Theo lý-tưởng mới thì quan là người công-bộc trong nước; theo lý-tưởng cũ thì quan là phụ-mẫu dân. Hai phương-diện ấy đều là quá-đáng cả. Cứ triết-trung mà xét thì quan đối với Nhà-nước là đại-biểu cái quyền cai-trị, đối với dân là bực tôn-trưởng phải trông nom dạy bảo cho kẻ trị-hạ. Như thế thì ông quan thực là có cái nghĩa-vụ rất trọng. Muốn làm chọn nghĩa-vụ ấy phải là người có học-thức, thuộc cái phép làm quan, đã cô-nhiên rồi; nhưng cốt lại phải có nhân-cách sứng-đáng mới được. Trước nhất phải là người đã đứng tuổi, tự ba mươi dở lên, vừa có cái « hạnh » ông quan, lại vừa có cái « giạng » ông quan nữa. Vì cái « quan-giạng » cũng là thuộc về tư-cách yêu-cần của nhà làm quan. Nghe nói hồi kỳ thi trường Hậu-bổ, có quan công-sứ chán Hội-đồng, khi sát-hạch xong, nhìn lượt các học-trò, rồi cười mà nói rằng: « Các thầy học cũng khá, nhưng còn kém hẳn « quan-giạng » nhiều, chưa đủ tư-cách làm ông quan trị dân ». Nhời phê-bình thực là sác-đáng vậy.

Ở trường Pháp-Chính ra thì cái học-thức đã là hoàn-toàn rồi, còn thiếu cái tư-cách riêng nhà làm quan. Muốn sát-hạch cái tư-cách ấy, cần phải đặt một khoa thi riêng, để kén chọn người nào hợp cách mới cho xuất-chính. Nước ta vốn là nước quân-chủ, quyền cất-đặt quan xưa nay vẫn thuộc về vua. Bởi vậy Chính-phủ Bảo-hộ muốn giữ tình thân-mật với Triều-đình ta, lại muốn cho bọn quan-lại mới xuất-thân học-trò được thêm chút danh-dự cho trọng tư-cách nhà làm quan, bèn định đặt khóa thi ấy ở Kinh, ba năm một lần, như thi hội, để Hoàng-thượng giám-đốc. Vậy học-trò tốt-nghiệp trường Pháp-Chính, hoặc đã đi làm tham-biện các sở, hoặc mới ở nhà trường ra, muốn vào quan-trường, chỉ phải nghiên-cứu thêm một ít hán-học, cần-dùng cho việc hành-chính, rồi đến khóa thi vào ứng-thí trong Kinh. Hễ trúng-tuyển, Hoàng-thượng sẽ ban cho chức phủ-huyện, cùng huy-chương phẩm-phục theo nghi-lễ cũ, rồi người xứ nào giao về quan Thủ-hiến xứ ấy lựa bổ. Thế là vừa hợp với điển-chương cũ của nước nhà, vừa ứng với tình-thế mới ngày nay. Sự cải-cách ấy không những là không phiền mà lại giữ được giá-trị cho quan-trường, không thành một cạnh-trường kích-liệt như xưa nữa.

Nhiều người thấy ngày nay bọn quan-lại ta thường phạm nhiều điều tệ-lạm cùng áp-chế kẻ ngu-dân, giữ cái ý-kiến rằng nên giảm bớt giá-trị, giảm bớt thế-lực bọn ấy đi, cho không thể nhiễu dân được nữa. Có người bàn nên theo cái thể-chế quan-lại trong Lục-tỉnh, mà coi phủ-huyện cũng như người làm việc của nhà nước, không để cho có quyền-thế riêng. Nói

thế là không hiểu cái tình-thế các dân xứ Bắc-kỳ Trung-kỳ. Cái lòng tôn-trọng ông quan đã in sâu vào trong não-chất người dân ta. Coi ông quan không những là người có quyền cai-trị mình, mà lại còn là người có quyền dạy bảo mình nữa. Lòng tôn-trọng ấy không phải là không hay: nhờ đó mà dân ta dễ cai-trị, gặp ông quan tốt dễ thành sự-nghiệp hay. Nó là một tính-chất thiên-nhiên, không thể nhất-đán phá-đổ đi được. Nói rằng vì dân quá trọng quan nên quan dễ bắt nạt dân, muốn quan khỏi bắt nạt dân nên hạ giá quan cho dân khinh quan, thì cái kế ấy cũng khí thô-lược quá. Chi bằng ta thuận cái tính-chất tự-nhiên của người dân mà trong sự giáo-dục kẻ làm quan nên dạy cho biết cái phận-sự, cái trách-nhiệm, cái nghĩa-vụ của mình đối với kẻ trị-hạ, phải hết lòng hết sức mà làm cho trọn cái nghĩa-vụ, cái trách-nhiệm, cái phận-sự ấy mới đáng địa-vị kẻ tôn-trưởng, bực thượng-lưu trong xã-hội?

Đó là cái nhiệm-vụ tối-cao của trường Pháp-Chính sau này. Bọn tân quan-lại ta vừa chịu được cái học-vấn của nhà-nước bảo-hộ, vừa nhận được quyền cai-trị tự nơi Đế-quyền trong nước, tiến-đồ sự-nghiệp vẻ-vang biết chừng nào! Phải trên vì nước dưới vì dân mới sứng-đáng cái danh-dự ấy vậy.

PHẠM QUỲNH

(Nhân việc tổ-chức trường Pháp-Chính, tòa Chính-trị ở phủ Toàn-quyền có hỏi ý-kiến mấy bực tai-mắt trong quan-trường ta. Mới rồi tiếp được thư giả-nhời của quan Tuần Thái-bình, Phạm-văn-Thụ đại-nhân. Xin xem ở mục « Tạp-trở » có dịch thư ấy cùng kèm mấy nhời bàn thêm của ông Nguyễn-bá-Trác.)

VĂN-HỌC BÌNH-LUẬN

BÀN VỀ BỘ TIỂU-THUYẾT « VUA BỂ »[1]

Cái phạm-vi của tiểu-thuyết thật là không có nhất-định : có khi rất hẹp, mà có khi rất rộng ; có khi chỉ chủ một người, chỉ khu trong một nhà, một xóm, có khi gồm cả thế-giới. Đều là tùy cái chủ-ý của người làm sách vậy. Song các nhà tiểu-thuyết thời nay thường hay chọn mỗi người một khu vừa-vừa nho-nhỏ trong không-gian thời-gian, một cảnh con-con trong kho sự-thực, mà cố mô-tả cho thực tường. Bởi đó mà phần nhiều sách tiểu-thuyết đã thành những bài nghiên-cứu rất tinh-tường về nhân-tâm thế-sự. Nhưng ít người dám khái-nhiện mà rộng trông đến khắp một dân một nước, cho đến khắp một thế-giới, để cố ý thu lấy cái hình-ảnh thực. Vì chưng cái phong-trào chuyên-môn thời nay đã lan đến cả cõi văn-chương, vùng tiểu-thuyết. Các nhà chước-tác đều sợ những đầu bài rộng quá, ai nấy muốn giữ lấy một thái-ấp riêng, khác nào như trong các khoa-học vậy. Họa may còn mấy nhà trí cao-thượng, lòng quảng-đại, có tài cai-quát sự-thực, mà hay ưa những cảnh nhớn-nhao hơn những việc nhỏ-nhặt. De Vogüe tiên-sinh vốn thuộc vào bọn cao-thượng ấy. Dù bình-phẩm về văn-chương, dù bàn-bạc về truyện đương thời, dù cứu xét những vấn-đề quan-trọng đời nay, bao giờ cũng một lòng băn-khoăn lo-nghĩ đến nhân-thân số-mệnh người ta. Cho nên trong văn-học-giới, tư-tưởng-giới nước Pháp thời nay, tiên-sinh thực đã giữ một địa-vị rất cao, mà đã có một phần to trong cái phong-trào từ-bi bác-ái xướng tự mấy nhà đại văn-hào nước Nga, rồi truyền khắp Âu-châu, như cơn gió mát thổi qua một thế-giới đương nồng-nàn những khí cạnh-tranh. Tiên-sinh vốn không phải là một nhà tiểu-thuyết. Trong suốt toàn-tập tiên-sinh chỉ có vài ba bộ tiểu-thuyết, thì thường là soạn tự ngày mới vào văn-xã, tức là tự ngày còn trẻ, chưa hiển-danh. Duy có bộ « Vua bể » này là tập sau rốt, đến cuối đời mới soạn. Trung-gian chước-thuật rất nhiều, nhưng toàn là văn luận-thuyết cả. Vậy trừ ra mấy bộ đầu, tất chưa được hoàn-toàn lắm, bộ tiểu-thuyết sau này thực là vào hạng « tối-hậu-văn » của tiên-sinh vậy.

Như ta nói trên kia về cái phạm-vi của tiểu-thuyết, thì cái lối văn tiên-sinh thực là lối rộng mà không phải lối hẹp, lối tổng-hợp mà không phải lối phân-tích, lối khái-luận mà không phải lối nghiên-cứu, hay muốn dùng tiếng họa-học thì gọi là lối *phá-bút*, không phải lối *tả-thực* vậy. Mỗi lối đều hay ra một đường, nhưng muốn xét một quyển sách, trước nên biết người làm sách hay lối nào thì không sợ hiểu nhầm được.

Vậy cái lối văn rộng thời bởi tư-tưởng rộng, mà tư-tưởng rộng thì tưởng-tượng cũng rộng. Cho nên bộ tiểu-thuyết « Vua bể » này thực là gồm cả hai thế-giới : thế-giới mới với thế-giới cũ,

(1) *Le Maître de la Mer*, roman par EUGÈNE MELCHIOR DE VOGÜE.

hai lý-tưởng, lý-tưởng cũ với lý-tưởng mới, cùng cả tinh-thần của mấy dận mấy nước, mà họp làm một cuộc đời rất cao-thượng, rất phong-thú ở giữa thời-đại thô-bỉ này.

Truyện là truyện ba người, hai trượng-phu với một mĩ-nhân, nhưng không phải là truyện « giai-nhân-tài-tử » tầm-thường vậy. Hai trượng-phu là con hai giống, mỗi người đại-biểu một thế-giới, mỗi người mang một tinh-thần, giữ một chủ-nghĩa khác nhau, mà phải ra ganh đua với nhau, trước người mĩ-nhân đứng xét-đoán như cái thưởng tuyệt-trần cho kẻ tài-năng. Một người là người Mĩ, một người là người Pháp, mà mĩ-nhân thì bố là người Anh, mẹ là người Ý ; cứ xem một cái tính-tộc ba người chủ-động trong truyện thì biết cái phạm-vi truyện này rộng là chừng nào. Mà chủ-ý truyện là đối hai thế-giới, hai văn-minh để trừu-tượng lấy một thế-giới, một văn-minh hoàn-toàn hơn. Nhà tiểu-thuyết đây phải thêm một nhà tư-tưởng nữa mới đạt được cái mục-đích rộng như thế.

Như thế thì kể rộng cũng đã là rộng lắm vậy thay !

Nhan truyện là « Vua bề ». Ông « vua bề » đây là người chủ-động thứ nhất trong truyện, tức là một nhà đại tư-bản nước Mĩ, giầu nhất trong thế-giới, chủ một công-ti tầu buôn giữ hết hải-quyền trong hoàn-cầu, cho nên gọi là « Vua bề ». Tên ông là Archibald Robinson. Người chủ-động thứ hai là quan-ba Louis de Tournoël của lục-quân nước Pháp, mới coi một đội quân thám-hiểm ở Phi-châu, khai được một cõi đất rộng sắp sáp-nhập vào bản-đồ nước Pháp. Quan ba là một tướng trẻ tuổi mà rất can-đảm nhiệt-thành, mới nhân công nhớn ấy được hiển-danh trong toàn-quốc. Người chủ-động thứ ba là Millicent phu-nhân, vợ hóa ông Fianona, làm lãnh-sự ở Nam-Mĩ mới mất, người nhan-sắc thanh-tao, tính-tình cao-thượng, thật là một bực qui trong tình-chủng. Tình cờ họp ba người ấy với nhau mà dan-díu thành duyên. Ông Robinson có lợi-quyền ở khắp hoàn-cầu, nhân có việc ở Mĩ sang Paris. Đi tầu gặp bà Millicent, cũng nhân chồng mới mất, việc nhà bối-đối sang Âu-châu thăm người bác ruột để tìm đường nương cậy. Đây phải rõ tính-tình tâm-sự hai người mới hiểu được cái nhân-duyên nó dun-dủi người nọ với người kia, cùng nguyên-ủy cả truyện sau này ; vì chưng phàm mọi sự sảy ra ở đời, dù sự ngẫu-nhiên cũng có nguồn-gốc ở trong lòng người ta, thực như trong truyện *Kiều* nói :

Sự rằng : Phúc họa tại Giời,
Cỗi nguồn cũng ở lòng người mà ra.

Nếu trong lòng ta đã không dành nơi sẵn để đón cái việc sảy ra, thì cái việc sảy ra tất không sảy vào ta. Cái nhẽ tâm-lý như thế. Vậy người làm truyện trước khi thuật truyện thường hay kể cho ta biết cái tâm-lý những người chủ-động trong truyện là nghĩa thế. Như tâm-lý ông Robinson trong truyện này là tâm-lý một người Mĩ, mà là một người thượng-lưu trong dân Mĩ. Dân Mĩ tính thực-địa, tin rằng ở đời này chỉ có tiền-bạc là cái nguyên-lực mạnh nhất, sự gì cũng nhờ đấy mới thành được, cho nên lấy sự kiếm tiền-bạc là việc trọng nhất và cần nhất trong đời người. Bởi thế dân Mĩ hiểu sự bán-buôn, phàm mọi việc đều lấy cái phương-diện bán-buôn, cái tỉ-lệ tiền-bạc mà xét đoán, cho nên trong cách văn-minh có điều thô-lược mà không được lọc-lõi. Nhưng trong khi giao-thiệp với các nước Âu-châu, văn-minh cổ hơn, thường nhận biết cái khuyết-điểm của mình, mà ghen các dân Âu-châu những sự tinh-thần, những cách sành-sỏi hơn mình. Bọn thượng-lưu trong

nước thường là những nhà « triệu-phú » (*millionnaires*) như ông ROBINSON, khái-nhiên muốn gây cho nước một nền văn-minh đối được với cái văn-minh các nước Âu-châu. Lấy việc đó làm một việc nghĩa-vụ, lại vừa là một cách dùng của nhiều quá cho sứng-đáng, cho tôn-trọng. Đó là cái tinh-cách ông ROBINSON làm dân nước Mĩ. Ông ROBINSON làm người thì là một người có vụ-lợi nhưng có hiếu nghĩa, mà lại có độ-lượng. Vụ-lợi là bởi tính-chất người Mĩ như thế, thích cạnh-tranh mà ham được cho mình. Cái tư-cách cạnh-tranh ấy thì ông ROBINSON thực đã hoàn-toàn, vì như một ông đại-tướng giỏi trong trường lợi-quyền. Bởi thế tuy xuất-thân hàn-vi mà không bao lâu gầy thành một nền tư-bản nhất nhì trong thế-giới. Bây giờ đã giầu đến thế cũng không hề chễ nải công việc, lại càng cần-mẫn hơn xưa : vì tính hoạt-bát hiếu-sự cũng có, nhưng cũng vì ông hóa vợ, mất người bạn đàn-bà quí-báu từ thủa hàn-vi, mà thành một sự buồn cho cả đời, nên lấy công-việc làm khuây. Ông ROBINSON cũng giống như các người Mĩ khác mà không có cái tư-tưởng về tinh kịch-liệt như người Âu-châu. Người Mĩ coi cái tình như một việc tự-nhiên, không đủ khiến cho người ta bối-dối sốt-sắng vì đấy. Cho nên từ ngày hóa vợ tâm-sự ông vẫn bình-tĩnh như thường. Khi xuống tầu sang Âu-châu, trong lòng không có cái tư-tưởng gì khác công-việc thường.

Trong lòng MILLICENT phu-nhân thì bấy giờ thực lắm nỗi ngổn ngang : nỗi nhà bối-dối, nỗi thân võ-vàng. Phu-nhân thủa nhỏ bồ-côi sớm, nhớn lên bị ép uổng không gặp người tri-kỷ, từ khi làm vợ người thì công nọ việc kia, thân tình mà nhất-sinh chưa được nếm mùi tình. Phu-nhân vốn người đẹp, nhưng không đẹp ra cách sỗ-sàng lăng-lỏa như chàn vạn đàn bà thời nay lấy nhan-sắc làm cái mồi cho sự tình-dục, cái địch cho tình phô-trương, mà đẹp ra lối thanh-tao, đẹp bởi tinh-tình hơn bởi nhan-sắc, đẹp ẩn cho mắt phàm mà lộ cho kẻ hữu-tình, tức là cái đẹp nội-dung mà không phải đẹp ngoại-dung, đẹp không phô cho mọi người biết, nhưng đã biết thì lòng nào cũng phải siêu mà không bao giờ chán, vì cái đẹp ở trong mà ra, « càng nhìn càng đắm, càng ngắm càng say », chớ cái đẹp ở ngoài phụ vào thì không chịu lâu được con mắt tinh-đời. Vậy lần đầu ông ROBINSON mới gặp phu-nhân trên tầu thì con mắt tinh-đời ông đã nhận biết ngay phu-nhân là một giống người phi-thường. Từ đó hai người mỗi ngày một thân, ông biết tình-cảnh bà mà ái-ngại, thương thân ngọc mà phải lầm-than, người quí báu như thế mà phải bận lòng lo-nghĩ đến những kế làm ăn ; bà thì tâm-phục ông như một người anh-hùng lỗi mới, lấy tài buôn-bán, trí kinh-doanh mà nhất-thống được cả địa-cầu. Ông nhân thể mời bà sang Paris chơi. Ông sang Paris có nhiều việc, nhưng chủ-ý muốn tiếp truyện quan-ba DE TOURNOËL ở Phi-Châu về, để bàn kế khai-khẩn cái đất ở Trung-Phi quan-ba mới chiếm-lĩnh được. Nguyên đầu đuôi việc ấy như thế này : Quan-ba DE TOURNOËL coi một đội quân thám-hiểm ở Phi-Châu có tìm được một cõi đất chưa ai biết, ở xen vào giữa thuộc-địa của mấy nước Âu-châu. Quan-ba bèn chiếm-lĩnh, cắm cờ Đại-Pháp, định đặt cơ-sở một nền thuộc-địa mới cho Mẫu-Quốc. Quan khéo giao-thiệp với các tù-trưởng thổ-dân, không mấy lâu mà oai quyền khắp trong một xứ. Nếu được phép Chính-phủ tự-do kinh-lược, được thêm quân-lính dẹp yên suốt cõi, thì đất này thật thành một mối lợi-quyền rất to chớ nước Pháp về sau. Vậy từ bẩm về bộ khẩn xin mọi việc. Chính-phủ

Pháp bấy giờ đương gặp lúc nhu-nhược. Thấy đất mới giáp với thuộc-địa nước Anh nước Đức sợ nhân việc này mà can-thiệp đến hai nước ấy, sinh sự chiến-tranh chăng, không dám y nhời xin của quan-ba, và lập-tức điện sang truyền phải triệt quân về ngay. Quan-ba được tin, tức-giận thay mà buồn-bã thay! Thế ra công-lao mình bấy nhiêu lâu thành ra vô-ích, mà nước nhà vì một bọn chính-trị ngu-dốt dột-dát mất một cái địa-vị to trong cuộc cạnh-tranh thời nay. Vì từ khi các nước biết tin quân Pháp đã đến chiếm đất ấy thì nước nào cũng lăm-le muốn đến tranh; nếu bây giờ tự-dưng kéo quân về thì giở lại tất không kịp nữa. Vậy bắt về thì ông phải về, nhưng quyết hết sức tìm đường chống-chế cho thành-công, mở mắt cho bọn dượng-dạo biết cái lợi to sắp mất, cổ-động cho quốc-dân biết một việc quan-hệ đến quốc-thể. Nay về nước đã mấy tháng rồi, ngày ngày chạy bộ nọ sang bộ kia mà việc vẫn chưa xong.

Ông Robinson buôn bán to, quen thuộc những nơi chính-giới nhiều, mật biết rằng việc tất không xong, vì chính-phủ Pháp quyết ý không muốn sinh sự ở Phi-châu. Ông vốn người hiếu-sự, trong suốt địa-cầu hễ nơi nào có mối lợi-quyền gì chưa ai biết thì nghĩ ngay được kế thu-đoạt lấy. Mấy tháng nay, nhất là từ khi quan-ba Pháp phải triệu về, ông vẫn chú-ý vào miếng đất châu Phi ấy, liệu biết rằng nếu khai-khẩn khéo thì mai này tất phát-đạt to và thanh-lợi nhiều. Nhưng đến lập-nghiệp ở những xứ ấy thì phi người quen xứ-sở, quen thổ-dân lắm không vào được, mà người quen như thế thì hiện chỉ có quan-ba De Tournoël có quyền-thế đủ khiến cho người bản-xứ phải sợ. Vậy muốn đặt-lợi xứ ấy tất phải thông-đồng với quan-ba mới xong. Nay viên ấy đã phải gọi về như thế mà liệu không được đi nữa thì tưởng đem công việc bàn-tính cùng tất ưng ngay, không khó gì. Chủ-ý ông sang Paris là thế. Không ngờ quan-ba De Tournoël là một người rất cao-thượng, yêu nghề quân, yêu nước nhà một cách khác thường, và thậm ghét cái thế-lực thô-bỉ của những nhà buôn bán tiền-bạc. Cho nên nhất-định không nhận nhời nhà tư-bản Mĩ, dù thế nào cũng không chịu bỏ cái nghĩa nước mà vị lợi đi làm nô-lệ cho người ngoài. Ông Robinson nói không đắt nhời mà chỉ không chịu bỏ những việc mưu-toan ở Phi-châu, bèn cố tìm một người có thể thay chân được quan-ba Pháp. Còn như viên ấy thì vẫn cứ dùng dằng ở Paris, dù mong-mỏi chạy chọt cũng chưa thấy được đem quân về Phi-châu. Trong mấy tuần thất-vọng ấy nghĩ đến chính-sự trong nước mà buồn thay. Phàm những người chính-trị bổn-phận là phải giữ cho thế-lực lợi-quyền nước nhà, mà thật không được một người nào có tay quả-quyết, có trí phát-khởi, dám chịu trách-nhiệm những công việc nhớn; người nào cũng chỉ biết suy-nụy tắc-trách cho xong việc thì thôi, mà dưới thì quốc-dân nông-nổi, xét-đoán sai-nhầm. Giữa lúc bực-dọc ấy, quan-ba nhân tình-cờ gặp Millicent phu-nhân mấy lượt, khi ở nhà hát, khi ở nhà bạn chung. Hai người mới biết nhau đã tương-tri nhau lắm, tưởng như quen thuộc đã lâu, phảng-phất như đã trông thấy đâu trong mộng. Nhân ông Robinson có một người chị em bạn đồng-bang lấy một nhà công-tước Pháp có cái lâu-đài cổ đẹp ở đất Jossé, định mời ông cùng các bạn-hữu đến qua chơi mấy bữa. Millicent phu-nhân cũng được dự mời cùng ông Robinson. Nhà công-tước chồng bà Mĩ, thì thủa trẻ lại là bạn đồng-học với quan-ba De Tournoël, cho nên cũng mời cả quan-ba đến dự-tiệc. Thế là lại nhân một việc tình-cờ mà ba người chủ-đồng trong truyện họp nhau lại một nơi, để kết một truyện

tình thật là kỳ-thú thêm vào truyện cạnh-tranh lợi-quyền kể trên kia. Ông Robinson khi mới biết bà Millicent thì chưa có gì gọi là tình, nhưng càng thân nhau thì mỗi ngày lại càng sinh lòng quyến-luyến, đến sau mê hẳn muốn lấy làm vợ. Song ông là người cương-trực, tính trầm-nghị, không hay khinh-xuất, làm gì cũng suy-nghĩ, vả lại tự-phụ không muốn để cho cái tình nó áp-chế được, cho nên trong bụng yêu mà ngoài mặt vẫn như thường. Từ khi thấy quan-ba de Tournoël hay săn sóc với phu-nhân, thì trong lòng cũng có ý ghen thầm. Vả hai người từ cái việc Phi-châu vẫn không đắc-ý với nhau : người Mĩ thì khinh người Pháp yếu hèn không dám quả-quyết làm việc to ; người Pháp thì khinh người Mĩ thô-bỉ việc gì cũng lấy cái lối buôn bán mà xử-đoán, và không biết rằng ngoài tiền-bạc, ngoài cái lợi trông thấy, còn nhiều sự cao-đích hơn, không tiền nào, lợi nào sánh tầy. Còn phu-nhân thì tình đã quyết với quan-ba, mà ý còn lưỡng-lự. Tình đã quyết vì hai người mới trông nhau đã trực-giác ngay rằng chính là người trong lòng vẫn mong-mỏi mộng-tưởng xưa nay, và ngoài nhau thì không có cái gì đáng yêu, đáng sướng nữa. Nhưng đến việc lấy nhau thì lòng bà còn phân-vân, chỉ vì một nỗi này : là về phần bà thì cả gia-sản ở Mĩ-châu không còn mấy tí nữa, không bơ-vơ cũng sắp tay không rồi, nếu lấy ông thì lại thêm một cái gánh nặng cho ông, mà ông thì gia-tư cũng ít, lại đương gặp một buổi khó-khăn, chỉ sống vì một cái nghĩa-vụ cao, mà nay người ta cố-ý ngăn-trở cho không thành được. Vậy sự kết duyên tất phải hoãn đến mai sau.

Đương bấy giờ thì sẩy ra hai sự bất-kỳ : một là ông Robinson có việc sang Ai-cập, nhân mời các bạn-khách cùng lên tầu riêng sang chơi cổ-địa ; phu-nhân cũng phải nhận đi. Hai là tòa nội-các Pháp mới đổi quan ; ông thuộc-địa thượng-thư muốn lấy lòng quan-ba de Tournoël định cử một việc mật sang Ai-cập, thực là chỉ có ý cho suôi cái truyện đất mới châu Phi kia đi, chính-phủ không muốn theo đuổi đến cùng. Quan-ba biết ý lừa mình thế, trước còn không nhận, sau nghe tin Millicent phu-nhân cùng ông Robinson đi chơi Ai-cập, mới chịu đi, là có ý mong lại gặp nhau mà gắn bó cuộc trăm năm, cho khuây nỗi công-danh trắc-trở, chớ không phải tin gì công việc hão-huyền. Đến Ai-cập thì nghe tin phu-nhân đã cùng ông Robinson đi chơi bể rồi. Bây giờ mới đến cái đoạn ngờ vực nhau : phàm tình càng mặn bao nhiêu thì lại càng lắm nỗi nghi-ngờ bấy nhiêu, hình như người tình-nhân thấy cái tình mạnh quá sợ lòng mình mang không nổi, ngờ lòng người cũng như mình, tự-hoặc đến nỗi tưởng-tượng cái sợ cái ngờ ấy như sự-thực quả-nhiên, mà cóp nhặt những nhời dồn tiếng nói, những sự ngộ-nhận, những điều thiên-kiến, làm chứng cứ rõ ràng. Lắm khi tuyệt-tình cũng vì những cớ hão-huyền ấy.

Vậy quan-ba nghe tin phu-nhân vắng đương khi các bạn còn ở Ai-cập cả, thì nghĩ ngay tất đã có gắn-bó với ông Robinson rồi, vì lợi mà quên tình cũ. Giận lắm bèn lập tức đi việc công, lên tận miền thượng-du Ai-cập, quyết chí không về nữa, chỉ viết một cái thư than-trách rất thiết-tha. Thực ra thì phu-nhân vốn có một người chị em-bạn ở khỏi Ai-cập, lâu nay mới gặp, có mời sang chơi, cho nên phải để bạn ở Ai-cập mà đi, chớ có đi tầu cùng ông Robinson đâu. Bởi vậy khi nhận được thư của quan-ba, đau-đớn siết thay ! Thế ra tình ngay mà ra lý cong, khiến cho tình-nhân ngờ vực. Hay là người kia ham việc công-danh, muốn rứt tình ân ái, đặt truyện oan này để bỏ cho dễ ? Trong dạ phân-vân không biết

nghĩ ra làm sao. Giữa lúc bấy giờ thì ông Robinson thầm-yêu trộm-dấu mãi không thể cầm lòng được nữa, ở đâu vụt đến bầy tỏ nỗi lòng cho bà hay. Bà thì nửa giận người xưa, nửa thương tình cũ, chưa dám quyết thế nào. Trong bà còn bạn bè ai cũng khuyên nên nhận nhời ông Robinson, không những là ông giầu có, nhưng ông lại là người có lượng, tất biết qui-trọng một cách sứng-đáng. Phu-nhân vẫn chưa thuận mà chung-quanh đã có ý ép-uổng, nếu để một mình thì khó đoán định tự-do được. Giữa bấy giờ quan-ba ở thượng-du về. Hai người trông thấy nhau bao nhiêu sự ngờ-vực như tiêu-tán cả, lửa tình tuy bị xa cách mà lại nồng nàn hơn xưa. Bấy giờ thì cái hình ảnh ông Robinson tưởng cách đến mấy nghìn dặm, không trông thấy nữa.

Nghĩ tình ông này mới ái-ngại thay: công-phu gắn bó trông đã sắp kết-quả đến nơi, tưởng mĩ-nhân đã sắp vào tay, ai ngờ giữa lúc ấy lại sang tay kẻ khác.

Nhưng người đàn-bà chủ-động trong truyện này không phải là người tầm-thường, mà hai người trượng-phu cũng thật là đáng tên trượng-phu. Ba người không được mãn-ý với nhau là bởi những nhẽ ngoại ý cả, mà là những nhẽ cao-thượng, không phải những sự ghen-ghét hẹp hòi, cho nên hễ rõ tâm-sự nhau thì tất phải cảm-phục nhau và hòa-hợp không khó gì. Như phu-nhân tình thiên về quan-ba Pháp, không phải là ý không mến đại-thương Mĩ. Chỉn vì chữ tình là mối ở ngoài hoặc cao hơn ý-muốn người ta, kết buộc người ta bởi cái nhân-duyên xa-xôi, lòng người không dự định được. Phu-nhân với quan-ba cũng có cái nhân-duyên xa-xôi như thế, mà cái tình nó buộc hai người cũng tức như một sự thiên-định vậy. Cho nên phu-nhân yêu quan-ba bất quá chỉ là thuận cái khuynh-hướng tự-nhiên trong lòng, mà cái bụng mến phục ông Robinson không hề vì đấy mà giảm bớt đi chút nào. Từ khi bà mới quen ông đã biết ngay ông là bực thượng-hạng nhân-vật trong thế-giới bây giờ, một cái nguyên-lực rất mạnh để biến hóa cái mặt địa-cầu này, và kính-phục ông vô-cùng. Ông cũng biết ngay bà là một giống người phong-thú thi-vị, ví như cái hoa thơm-tho, cái ngọc giải-phiền trong thế-giới khổ-tâm lao-động này, và quyến-luyến bà vô cùng. Cái cảm-tình hai bên lúc đầu như thế, mà đến sau cùng cũng không di-dịch. Còn như ông Robinson dữ với quan ba de Tournoël thì thực là hai văn-minh, hai lý-tưởng đối nhau, mà không phải hai người hiềm nhau vậy. Ông Robinson là đại-biểu một thế-giới mới, đương hăng-hái về đường tiến-thủ cạnh-tranh; quan-ba de Tournoël là đại-biểu một thế-giới cũ còn nhiệt-thành về nghĩa bảo-tồn quốc-túy. Hai người đều thành thực như nhau, rồi sau biết rõ tất mến nhau bội phần.

Vậy Millicent phu-nhân nay đã quyết-ý kết duyên với quan-ba de Tournoël tất phải đến giải tâm-sự cùng ông Robinson, một là để ông đừng mong đợi nữa, hai là để « sạch-lòng » (1) với ông là một người bạn chắc chắn, rất đáng kính-phục, không muốn vì một điều ngộ-giải mà thành hiềm nhau. Không những thế; phu-nhân lại còn chủ một mục-đích cao hơn và khó hơn nữa: là muốn làm thế nào hòa-hợp được hai trượng-phu với nhau. Việc khó khăn thay! Một tay đàn-bà làm sao cho nổi? Không phải rằng phu-nhân cậy gì nhan-sắc có thể siêu được bụng anh-hùng, nhưng trong lòng

(1) Sạch lòng là dịch theo tiếng tây nghĩa là để cho trong lòng được trong sạch, phân minh, không có điều hối-hận ám-muội gì ứa.

thâm-tin rằng làm tất được, vì một cái tình thanh-cao, thâm-thiết như thế tất phải khiến được mọi người đẹp lòng, và không được để một người nào vì đấy riêng chịu khổ-sở. Vậy phu-nhân không cho tình-nhân biết, mật xuống tận tầu ông ROBINSON mà kể hết đầu đuôi, lại xin ông một điều : là vì lòng ân-ái cũ đừng ngăn-trở đường công-danh của quan-ba DE TOURNOËL, nghĩa là đừng tranh quyền-lợi với quan ba ở đất Phi-châu nữa. Ông ROBINSON nghe bấy nhiêu nhời như ngậm đắng nuốt cay, tưởng-tượng như cái núi cao vỡ-lở rơi xuống từng mảnh. Người sao nham-hiểm đến thế! Thế ra không những ăn-ở bội bạc với mình, bỏ mình mà đi với kẻ khác, lại còn nhẫn tâm mà sui mình nhường quyền-lợi cho kẻ cừu-địch. Lòng tức giận này bao giờ cho nguôi được? Song nhời phu-nhân nói rất đoan-chính phải chăng, nhẽ phu-nhân kể rất thiết-tha cảm-động, hình-dung nhan-sắc phu-nhân lúc đối đáp rất yểu-điệu đáng yêu, đến nỗi êm được lòng ông. Trước ông tức-giận quá, sau nghĩ đến danh-dự nước nhà, muốn cho thế-giới cũ biết rằng thế-giới mới cũng có người cao-thượng, cũng có kẻ anh-hùng, dù đau-đớn trong lòng cũng cố gắng mà chịu nhời phu-nhân.

Cả cái thiên kết truyện này rất là hay và cảm-kích. Xin dịch một đoạn ra sau này, là đoạn ông đại-thương Mĩ đã định nhận nhời MILLICENT phu-nhân, bèn đến nói truyện với quan-ba DE TOURNOËL. Ông ROBINSON sau khi tiếp truyện phu-nhân, trước khi quyết định nhận nhời, thật đã trải một cuộc « tâm-chiến » (*combat intérieur*) rất đau đớn mà kết-cục sau này thực là vinh-hiển cho ông bội-phần.

Ông thân đến tận nhà chọ quan-ba ở, trước mừng phu-nhân cùng quan-ba đã định-hôn, nhời dẫn-dị như lúc bình-thường không có việc gì với nhau, rồi nói với quan-ba rằng :

« Quan ạ, tôi chỉ được dành một tí lúc này thôi, nhưng tôi muốn nhân đây bàn giải với quan một sự ngộ-nhận khi trước mình. Ta đã mấy tháng nay không gặp nhau, không thương-thuyết lại về việc Phi-châu được. Việc đó thật đã khởi đầu sấu, thật là không ra gì. Vả lại quan cũng không đồng ý với tôi ; ý tôi trái với cái tính cao-thượng, lòng ái-quốc của ông. Tôi cũng biết rằng trong việc đó có mấy điều ông cho là quan-trọng hơn cả mà tôi không kịp xét đến. Tính tôi hễ đã mê về việc gì thì không hay cân nhắc đến những điều dị-nghị, cũng kiêng nể những sự mất lòng, ông cũng biết, nó là cái thói quen như thế!... Vả lại tôi phải những người nhà không tin cẩn nó báo sai. Thôi chẳng nói làm gì nữa, bây giờ là truyện cũ rồi, tôi không lưu-tâm đến nữa. Trước tôi có định sai một đội thám-hiểm, nay tôi vừa cho hoãn không sắp sửa nữa. Nguyên ý tôi muốn cho đi thám-xét những mỏ vàng mỏ bạc ở đất Dar Rounga ; nhưng xem ra cái lưu-vực ấy thuộc vào đất ông đã có quyền chiếm-lĩnh trước, mà tôi thì bây giờ lại đương bận nhiều công việc khác. Vả lại — ông ta vừa nói vừa tủm-tỉm cười — tôi đâu dám ra tranh thế-lực với nhà nước Đại-Pháp. Trước kia tôi tưởng nhà nước không làm gì, cho nên tôi mới muốn làm trước ; nhưng cứ tin tôi nhận được ở Paris, thì chính-phủ có ý lại cử ông sang Phi-châu để hết sức theo-đuổi việc khai-khác xứ ấy. (Ông ROBINSON nói đây là ngỏ trước cho quan-ba biết cái ý ông muốn khuyên nhà nước Đại-pháp như thế.) Vậy về cái việc ta thương-thuyết đã sáu tháng nay thì chỉ xin ông nhớ cho rằng : Nay ông sắp sang kinh-lược quản-trị xứ ấy, thì nếu bao giờ có cần đến cái sức kinh-tế của tôi, tôi xin sẵn lòng giúp. Nên hay không nên đều tùy ông xét định. Sau này vì những công cuộc đặt ra mà nên

thịnh-vượng, thì tôi cũng chỉ xin được một phần quyền-lợi thôi. — Ông Robinson lại nói thêm mấy câu trịnh-trọng rằng : Nhất là tôi muốn để lại với ông hôm nay cái ghi nhớ rằng : tôi đây, tôi đương đứng nói với ông đây không có cái ý gì ngoài ý muốn thành lòng giúp ông; tôi đây biết kính-trọng cái quyền-lợi chính-đáng của ông ; từ nay không bao giờ còn thấy tôi đến ngăn-trở việc ông nữa ; ở Phi-châu cũng vậy... ở đâu cũng vậy...

Quan-ba De Tournoël bấy giờ mới vỡ truyện, mới biết rằng phu-nhân đã giấu mình mà đến trước điều-đình cùng nhà Mĩ-thương rồi. Xem mặt phu-nhân hớn-hở lại thêm rõ nhời nói ông Robinson. Dù vậy còn ngần ngại chưa chịu thua. Đáp rằng :

« Nghe ông nói bấy nhiêu nhời tôi cũng biết là nhời nói chính-trực, thành-thực. Tôi chỉ ước tin được như thế thôi. Nếu việc chỉ quan đến lợi riêng tôi thì tôi bằng ngay ở nhời ông quyết. Nhưng việc quan-hệ đến quyền-lợi nước tôi; dù là phải, dù là nhầm, tôi trộm tưởng rằng cái quyền-lợi ấy sắp phải nguy-hiểm ở nơi tôi phải coi giữ; mà việc đã quan đến trách-nhiệm tôi thì lòng tôi săn-sóc không bao giờ sợ quá lo. Tôi không thể để cho cái quyền-lợi nước tôi phải tùy theo cái ý muốn thay đổi của một người, Phòng khi phản-giản, để tôi lại phải lo-lắng đến nữa, thì ai là người bằng cứ cho ?

« — Đã có tổ-tiên bằng-cứ cho, ông ạ. Ông cha ông đã giúp ông cha tôi khỏi nô-lệ [1]. Bởi đó mà phàm người Mĩ ai cũng mang một cái nợ với nước ông. Tôi dã quá quên điều ấy trong khi nghề những việc thị-phi nó suýt quấy đối ông với tôi. Tôi thú thật thế cũng không thẹn gì. Từ khi tôi làm nghề buôn bán bao giờ tôi cũng thấy có cái can-đảm dám thú-nhận những sự nhầm-lỗi của tôi. Nếu tôi đã thực lòng nói với ông như thế mà ông còn chưa tin thì tôi ắt cũng không coi cái xét đoán ông ra gì nữa. tôi nghĩ sao tôi nói vậy. Thế thì từ nay ông có chịu cho tôi nhận cái nợ của nước tôi làm nợ riêng của tôi, và nhớ cho rằng tên Archibald Robinson có tiếng là người giả nợ hậu, không ?

« Viên quan-ba đứng nghe, mặt nhìn mặt người đương nói bấy nhiêu câu. Bao nhiêu nỗi ngờ-vực, điều ngộ-nhận, trước cho là phải, bấy giờ thấy dần-dần tiêu-tán cả. Nếu chỉ có một mình người cừu-địch hôm qua đứng đối-diện với mình, thì dễ cũng chưa chịu thoái ngay; nhưng ngoảnh lại thấy phu-nhân. Trước ông quan-án tao-nhã mà nghiêm nhặt là người đàn-bà yêu ấy thì bỗng thấy chột dạ, không nghĩ đến sự phản-đối nữa, chỉ sợ mình lại rõ ra mặt kém người địch-nhân kia họ mới ra tay khắc-kỷ một cách nhớn-nhao như thế. — Bèn chìa tay cho ông Mĩ, ra cách thân yêu mà rằng :

« Đại-huynh đã lấy tình-thực mà xử với tôi, tôi cũng lại xin lấy tình-thực mà đáp lại. Ông nói bấy nhiêu nhời khác nào như mang chúng tôi ra ngoài cái thế-giới già-cỗi của chúng tôi mà vào cái thế-giới trai-trẻ của các ông, ra ngoài những điều ước-lệ phiền-phức trong xã-hội mà vào cái cảnh-trạng thiên-nhiên. Cái cảnh-trạng ấy cũng có điều hay. Này ngay lúc bây giờ chẳng phải là một giây phút ít có mà người ta chịu bỏ cái lòng thiên-kiến để giãi bầy lòng ruột cho nhau biết, chịu bỏ những lối-lăng trẻ-con là cái lối-lăng hiếu-kỳ mà phục lại cái tính-chất thực, cùng cái cách cao-thượng trong tâm-tình người ta, ư ? Ông có lòng quảng-đại mà lại với tôi ; dù cái nguyên-cớ nó đưa ông lại

(1) Người Pháp có công giúp người Mĩ đánh được nước Anh và xưng độc-lập. Xem bài diễn-thuyết của ông Russier về việc nước Mĩ nhập cuộc với Đồngminh, lược-dịch trong *Nam-phong* số 2 trang 125.

thế nào mặc lòng, tôi cảm-biết rằng không vì lòng tư-kỷ, và từ nay tôi nợ ông cái lòng tin-cẩn, tình yêu-mến tôi. Ông thấy tôi hay mất lòng, hay dễ giận. Nếu nay tôi lại thế thì ra tôi không bằng ông. Tôi đã xét nhầm ông: xin ông thứ cho tôi. Nước tôi người ta hay đa-nghi; là vì nước tôi đã trải lắm phen khổ-sở. Cái hi-vọng của các ông với cái hi-vọng của chúng tôi nó khác nhau, khác bởi tính-cách, khác bởi mục-đích. Các ông như người đương trai-trẻ, khí-lực sung-túc, chỉ khổ vì một điều: là chưa được cái tự-cao thấy sau lưng mình có một cuộc lịch-sử vẻ-vang, các ông vội tô-tạo lấy cái lịch-sử ấy cho con cháu các ông, và phương-kế gì các ông cũng dùng được cả. Như chúng tôi thì chúng tôi khổ vì không thể truyền được cho con cháu cái hương-hỏa những sự nhớn-nhao vinh-hiển của ông cha chúng tôi đã gây dựng nên; cho nên nay còn giữ được tí gì cố chết mà bảo-tồn lấy. Như tôi đương nói với ông đây, tôi hay nghi-hoặc là bởi cái thần may-rủi mới hé cho tôi được chút cười nụ lúc ban đầu, nay đã ra ý không chiều chuộng; ở cái may-rủi cũng ở người đời, tôi chỉ còn dợi những sự trắc-trở. Vả lại, thế là không phải mà cũng là phải, tôi vốn có cái tính thiên hay ghét cái thế-lực to-tát của tiền-bạc.

« Ông Robinson nói: — Phải, ông cho đồng tiền là bao giờ cũng làm hại. Nó cũng là cái khí-giới như cái gươm của quan, quan ba, ạ. Cái này, cái kia đều làm thương người, gặt sác hi-sinh trong những trường chiến-đấu làm cho nhân-loại được tiến-bộ. Kẻ ngu-xuẩn, người dút-dát thấy thế mà khiếp sợ, và cả những kẻ tự xưng là vị nhân-loại, thực là phản-đối với sự tiến-hóa của nhân-loại vậy. Ông với tôi, ta là đại-biểu cho hai cái sức mạnh, của ông là cái đàn-anh, cao-đích lắm, tôi kính-phục, của tôi không tất-nhiên là đê-tiện. Đồng-tiền có thể can-đảm, khôn-ngoan, đại-lượng được...

« Quan ba de Tourbnoël lại nói tiếp ngay rằng: — Nhời ông nói ông đã vừa chứng rõ ràng đấy: tôi đây cũng được nhờ ông mà rộng thêm ý-kiến cho hợp với nhẽ phải. Cái giá-trị đồng tiền là ở như cái cách người ta dùng; khinh-miệt hay tôn-sùng cái cần-cốt yếu-cần cho sự hoạt-động người ta ấy, đều là vô-lý cả. Dù là cục vàng, dù là lưỡi thép, cái khí-dụng gì cũng nên được cao trọng, nếu biết đem nó ra để phụng-sự một cái lý-tưởng cao. Ông có nhớ lần đầu ta nói truyện, sáu tháng nay không? Ông với tôi, hai người cùng nhầm cả, vì ta đem đối với nhau hai cái sức mạnh đáng phải điều-hòa hỗn-hợp làm một. Người nào muốn đem đối nước ông với nước tôi, cũng là nhầm như thế cả, mà nhầm một cách thô-bỉ. Thế-giới cũng đủ rộng cho hai dân ta cùng theo đuổi mà không trái nhau những công việc riêng. Nếu có phải ước điều gì cho sự hay về sau của cái thế-giới này thì nên ước thế nào, cho cái khí-lực trẻ của các ông với cái lý-tưởng già của chúng tôi kết-liên với nhau thành một cuộc đồng-minh bền-chặt. »

Thế là chỉ một tay đàn-bà mà hòa-hợp được hai trượng-phu cừu-địch, dung-hóa được hai thế-giới phản nhau.

Ôi! cái thế-lực của chữ tình, cái oại-quyền của chữ sắc, cái phong-thú con người yểu-điệu, cái ảnh-hưởng một bực tài-tình!

Phạm Quỳnh

L'essentiel, dans la vie,
aussi bien pour les nations
que pour les individus,
est de n'être pas vulgaire.
La France ne l'a jamais été,
la France ne peut pas l'être...
C'est pourquoi,
même si la France dans cette guerre
avait eu tort,
j'aurais aveuglément épousé son parti
Comment ne l'épouserais-je pas
par deux fois
et les yeux largement ouverts
puisqu'elle a raison ?

(*Un Américain*)

Ở đời,
dù làm người,
dù làm nước,
cốt nhất là đừng có dê-tiện.
Nước Pháp thực không có dê-tiện bao giờ,
nước Pháp không thể dê-tiện được...
Bởi thế
mà trong cuộc chiến-tranh này,
từng sử cái lỗi là ở nước Pháp,
tôi cũng nhắm mắt mà về bè với nước Pháp.
Huống chi nước Pháp
lại có nhẽ phải,
thì tôi lại chẳng nên
đương to hai mắt ra
mà nể phục nước Pháp
bội phần, ru ?

(Nhời một người Mĩ)

TRIẾT-HỌC BÌNH-LUẬN

PHƯƠNG-PHÁP-LUẬN

Sách triết-lý của Pháp-nho Descartes nhất-danh là « Sách dạy dùng trí-tuệ cho phải đường cùng tìm chân-lý trong các khoa-học » (1)

PHẠM QUỲNH *dịch nôm*

CHƯƠNG THỨ NHẤT

TÓM LƯỢC ĐẠI-Ý. — *Người ta ai cũng có nhẽ phải, cốt là dùng cho phải đường. — Bởi vậy sự hơn kém nhau chỉ bởi cách dùng nhẽ phải, không phải ở nhẽ phải. — Mỗi người nên đặt lấy một cái phương-pháp để khiến nhẽ phải mình cho phải đường. — Ông Descartes muốn thuật cái phương-pháp riêng của ông, trước kể duyên-do thế nào mà ông sáng-nghĩ ra phương-pháp ấy. — Ông theo văn-học từ thủa nhỏ, thấy văn-học thực là không đủ giúp cho sự luyện-tập cái nhẽ phải của mình. — Các khoa-học, các sách-vở, ông thiệp-liệp hết cả. Nhưng ông nhận ra học rộng, đọc sách nhiều, mà không đối-chiếu với sự thực thì cái học ấy cũng là viển-vông mà thôi. — Ông kể tật riêng của mỗi môn-học thời bấy giờ : hùng-biện, thi-học, số-học, thần-học, triết-học. v. v., không thấy môn nào là đủ hết tin được. — Nên hết tuổi đi học, ông quyết chí đi chơi, cho rộng thêm kiến-thức, định đến khi đã lịch-duyệt sự đời thì quay về mà tự-nghiệm trong người mình.*

Nhẽ phải là vật ở đời chia đều hơn cả ; vì thiên-hạ ai cũng tự nghĩ mình có đủ nhẽ phải, thậm-chí những người về các khoản khác rất là khó cho bằng lòng được mà đến khoản ấy cũng không muốn ước hơn cái phần mình có. Không phải rằng thiên-hạ có nhầm cả đâu, nhưng thực là chứng rằng cái nhẽ phải là cái sức biết xét-đoán phân-biện điều phải điều trái vốn nó ở trong người ta ai cũng như ai ; vì thế ý-kiến người ta khác nhau không phải là bởi người này có nhiều nhẽ phải hơn người kia, chỉ là bởi mỗi người khiến cái tư-tưởng mình ra một cách khác mà không quan-sát một sự-vật như nhau. Vì có cái trí tốt cũng chưa đủ, cốt là phải dùng nó cho phải đường. Người cao-thượng làm nên công-đức nhớn cũng có thể phạm phải tội-lỗi to được ; mà người đi rất trậm nếu đi phải đường có thể đi nhanh hơn là người hoặc chạy hoặc đi sai đường.

Về phần tôi, tôi không dám tự-phụ rằng tôi có cái trí hoàn-toàn gì hơn người thường. Thường có khi tôi lại ước được cái tư-tưởng cũng nhanh-nhẹn, cái tưởng-tượng cũng rõ-ràng phận-minh, cái ký-ức cũng rộng-rãi mẫn-tiệp như kẻ nọ người kia, vì tôi thiết-tưởng người ta có gồm được bấy nhiêu điều mới gọi là có cái trí hoàn-toàn vậy. Đến như nhẽ phải là cái nó phân-biệt người ta với giống vật, người ta khác giống vật chỉ bởi đó, thì tất-nhiên người nào cũng phải có đủ bấy nhiêu nhẽ phải mới là người, thực là hợp với ý-kiến chung của các nhà triết-học nói rằng phàm sự hơn kém chỉ thuộc về « ngoại-hình », không thuộc về « nội-thể » của mỗi người trong một giống.

---

(1) Xem bài bàn về ông Descartes trong *Nam-Phong*, số 2, trang 100-104.

Nhưng tôi cũng chẳng ngại gì mà dám nói rằng từ thủa nhỏ tôi đã may-mắn quá được bước vào con đường chính, nhân đấy suy-nghĩ mà dựng được một cái phương-pháp riêng. Tôi vốn tài hèn trí mọn, lại sống ở đời có hạn, không biết sự tri-thức của tôi tăng-tiến được đến đâu là cùng, nhưng cái sức tới được đến đâu tôi cũng có thể dùng cái phương-pháp ấy mà tới đến đấy được. Vì tuy tự xét mình tôi vẫn không dám cậy mình chút nào, chớ không những là dám tự-phụ nữa, và lại lấy con mắt nhà triết-học mà xét những sự-nghiệp của người ta thì thấy không có một việc gì là không uổng công vô-ích cả, song nhờ cái phương-pháp ấy tôi đã thu-hoạch được nhiều sự kết-quả, nên nghĩ đến công theo đuổi cái chân-lý cũng có tiến-bộ mà tôi lấy làm thỏa dạ vô cùng, lại hi-vọng đến sự tương-lai mà dám chắc rằng trong các công-việc người ta ví còn có một việc là hay là trọng thì cái việc ấy tức là việc tôi làm này vậy.

Dù vậy cũng có nhẽ tôi nhầm, đồng tôi cho làm vàng mà thủy-tinh cho làm kim-cương. Tôi vẫn biết rằng người ta xét cái gì quan-hệ đến mình thường sai nhầm là chừng nào, cùng bạn-bè mình xét hay cho mình cũng lại không đáng tin là chừng nào nữa. Nhưng tôi cũng lấy làm một sự khoái-trí mà muốn bầy tỏ ra trong bài luận này cái đường lối tôi đã theo, cùng vẽ cái đời tôi ra như bức tranh, để cho ai nấy có thể xét đoán được, mà tôi thì nghe nhời thiên-hạ bình-phẩm lại được một cách học mới thêm vào với những cách tôi thường dùng xưa nay.

Như thế thì chủ-ý tôi trong bài này không phải là dạy cái phương-pháp cho mọi người phải theo để dùng trí-tuệ mình cho phải đường, nhưng chỉ là giải cái cách tôi dùng trí-tuệ của tôi thế nào mà thôi. Người nào đã làm ra mặt khuyên dạy kẻ khác tất tự cho mình là khôn-khéo hơn người, nếu còn khiếm-khuyết điều gì thì đáng lỗi điều ấy. Nhưng tôi chỉ định làm sách này như kể một truyện vui hay làm một bài ngụ-ngôn, trong có một vài điều nên bắt chước, cũng có lắm điều không nên theo, thì tôi mong rằng sẽ có ích cho một vài người mà không hại cho ai, ai cũng sẽ biết lượng cho cái lòng thành-thực của tôi.

Tôi theo học văn-chương từ thủa nhỏ, bởi người ta khuyên tôi có học văn mới am-hiểu được những sự có ích cho đời, nên tôi rất ham muốn học lắm. Nhưng đến khi đã hết cái thời-kỳ học mà người đời thường cho liệt vào bực danh-sĩ, thì bấy giờ tôi đổi hẳn ý-kiến; tôi thấy trong bụng có nhiều điều nghi-ngờ nhầm-hoặc, tưởng như cái công-phu học-vấn không được ích-lợi gì, chỉ thấy càng học càng biết rõ rằng mình dốt mà thôi. Song mà trường tôi học ấy thực là trường danh-tiếng nhất ở Âu-châu, tưởng trong hoàn-cầu còn nơi nào có người tài-giỏi thì tất là ở đấy vậy. Người ta học cái gì tôi cũng học, thậm-chí học các khoa dạy ở nhà trường còn chưa lấy làm phỉ-chí, gặp quyển sách gì bàn về những sự rất kỳ rất lạ cũng xem qua cả. Bởi thế nên tôi cũng tự biết người ngoài xét tội thế nào, thấy người ta không đến nỗi cho tôi là kém các bạn đồng-học, tuy trong bọn ấy đã có một vài người sắp lên bực làm thầy vậy. Lại thêm thời-đại ta là một đời văn-vẻ, nhiều những bực tài-giỏi, chẳng kém gì các đời trước. Bởi thế tôi mới dám tự-tiện suy tôi mà xét đến kẻ khác, thiết-nghĩ rằng ở đời không có một cái học-thuyết nào sứng-đáng với lòng mình hi-vọng xưa nay.

Song không phải là tôi không thích những sự học-tập ở nhà trường. Tôi biết rằng cần phải học cổ-ngữ mới hiểu được cổ-thư; tôi biết rằng sách truyền-kỳ xem thường vui-thú, tỉnh-táo được

tinh-thần ; tôi biết rằng những việc hiền-hách trong sử-ký làm cho cao cái trí người ta lên, nếu biết đọc cẩn-thận thì có thể giúp mà luyện được cái trí phán-đoán ; *tôi biết rằng phàm đọc quyển sách hay cũng tựa-hồ như ngồi đàm-luận với những bực danh-sĩ đời xưa đã làm ra sách ấy, mà đàm-luận một cách lọc-lõi, vì những bực ấy chỉ cho ta biết cái tư-tưởng hay nhất của mình mà thôi ;* tôi biết rằng thuật hùng-biện có cái sức mạnh, cái vẻ đẹp vô-cùng ; tôi biết rằng thi-học có lắm vẻ thanh-tao mà êm-dềm tuyệt thú ; tôi biết rằng số-học có lắm sự biến-báo tối diệu, vừa có thể giúp được cho những người hiếu-kỳ, mà vừa tiện-lợi cho các nghệ-thuật, đỡ được công cho người đời ; tôi biết rằng những sách bàn về phong-tục có nhiều điều dạy điều răn về sự đạo-đức, thực là có ích; tôi biết rằng môn thần-học dạy cho người ta lên được thiên-đường ; tôi biết rằng triết-học cho ta cái thuật muốn nói gì cũng y như thực, khiến cho người ngu cũng phải cảm-phục ; tôi biết rằng luật-học, y-học, cùng các môn học khác làm cho người học được vẻ-vang phú-quí, mà nói tóm lại thì môn học nào cũng nên nghiên-cứu cả, dù những môn học rất mê-hoặc, rất giả-dối cũng nên biết để rõ cái chân-giá của nó cùng biết giữ mình cho khỏi nhầm.

Nhưng tôi thiết-tưởng tôi học cổ-ngữ, đọc cổ-thư, xem truyền-kỳ, xem sử-ký, đã đủ lâu rồi, mà ngồi đàm-luận với người đời trước cũng tức như đi du-lịch vậy. Nên biết qua phong-tục các nước khác, để xét-đoán phong-tục nước mình cho chính-đáng hơn, mà đừng tưởng rằng cái gì trái với tục mình là nhầm là sấu cả, như những người không trông thấy gì bao giờ thường tưởng như thế. Nhưng đi du-lịch nhiều quá, rồi đối với nước mình thành như người khách ; cũng như hay thóc-mách những việc đời xưa thường không am-hiểu những việc đương thời. Ấy là không kể những sách truyền-kỳ hay bịa-đặt ra nhiều việc lạ, cho là có thực mà thực thì không có ; sách sử-ký rất đích-thực cũng vậy, không thay đổi, không tô-điểm thêm cho việc hay hơn thì cũng bỏ bớt đi những việc tầm-thường không hiền-hách, thành ra các việc thuật lại không được y như sự thực, người nào lấy gương lịch-sử mà đặt phép xử-thế tất mắc vào những sự quái-đản bất-kinh như trong sách tiểu-thuyết, mà mưu-toan những công-việc quá sức mình.

Tôi rất chuộng nghề hùng-biện, mà tôi cũng yêu nghề làm thơ, nhưng tôi thiết-tưởng hai nghề ấy là cái tài riêng trong trí, không phải là kết-quả của sự học. Người nào biết suy-lý mạnh, biết dung-hóa cái tư-tưởng của mình mà sếp-đặt cho phân-minh rõ-ràng, thì người ấy nói gì tất cũng dễ làm cho người ta hiểu được, dù nói tiếng *bas-breton* (tức như ta gọi « tiếng kẻ nọi ») mà không từng học từ-chương bao giờ cũng chẳng hề gì. Lại những người biết khéo sáng nghĩ ra những sự vui thú, biết diễn những sự ấy ra cho thật văn-vẻ thật êm-dềm, thì người ấy tức là nhà làm thơ giỏi, dù không thuộc thi-pháp cũng chẳng hề gì.

Tôi thích học nhất là số-học, vì cái nguyên-lý nó chắc-thực mà sác-nhiên, nhưng tôi chưa thấy nó thực-dụng được việc gì, chỉ thấy giúp được các nghề máy móc mà thôi ; tự lấy làm lạ rằng cái nền-gốc nó vững-vàng chắc-chắn như thế mà làm sao từ xưa đến nay chưa ai sây-dựng được cái gì cao-đích hơn. Chẳng bì với những sách-vở nói về phong-tục của các nhà « ngoại-giáo »[1] ngày xưa, tôi thường ví như cái lâu-đài

(1) Ngoại-giáo, là không thuộc về đạo Thiên-chúa.

to nhớn đẹp-đẽ, nhưng sây lên trên đống cát đống bùn. Những sách ấy tán-dương các đức-hạnh, cho là những điều đáng kính đáng chuộng hơn cả mọi sự ở đời, nhưng không dạy cho biết những đức-hạnh ấy thế nào, lắm khi lấy tên tôn-trọng ấy mà che lấp những sự xấu-sa bại-hoại.

Tôi kính-trọng môn thần-học của ta, mà tôi cũng mong-mỏi được lên Thiên-đường như ai; nhưng tôi đã từng nghiệm mà biết chắc rằng cái đường lên thiên-đường ấy, không phải là cứ người học giỏi, dẫu người chí-ngu cũng bước lên được; đến như những nhẽ mầu-nhiệm của tôn-giáo để dạy cho cái phép lên Thiên-đường, thì là những sự cao quá cái tri-tuệ của người ta, tôi không dám đem sự suy-lý hèn mọn của tôi mà xét đến, thiết-tưởng rằng muốn xét những nhẽ ấy tất phải có Giời giúp sức cho một cách lạ-lùng, hay là phải là bực thần thánh hơn người mới được.

Đến như triết-học thì cũng lại không đủ tin nữa. Cứ xét một điều từ xưa đến nay biết bao nhiêu người tài giỏi chuyên-trị triết-học, mà hiện nay chưa có một sự gì là không còn nghi-ngờ, không còn cãi-cọ nhau, thì tôi cũng đủ biết mà không dám tự-phụ mong học được hơn các người trước. Lại xét khi nào nhiều nhà triết-học cùng bàn về một sự gì, cái ý-kiến khác nhau là chừng nào, mà trong bấy nhiêu ý-kiến không có một cái nào là thực cả, thì phàm cái gì mới có bề ngoài là thực thôi, tôi cũng cho là hư cả.

Còn như các môn học khác, nguyên-lý nó cũng do triết-học mà ra, thì tôi thiết-tưởng rằng cái nền ở dưới đã không được vững vàng, cái nhà sây trên sao có bền chặt được. Tuy học các môn ấy thường được phú-quí lợi-lộc, nhưng cái đó cũng không đủ khiến cho tôi học, vì nhờ giời tôi không đến nỗi phải dùng sự học-vấn làm một nghề-nghiệp để kiếm tiền. Tuy tôi không dám lên mặt khinh đời mà bỉ những sự vinh-dự của đời, song tôi cũng không trọng cái vinh-dự vì giả dối mà được. Sau nữa, đến những cái học-thuyết sằng, thì tôi tưởng đã đủ biết cái giá-trị nó rồi, không sợ hoặc phải những sự giả-dối lừa người của bọn luyện-đan, bọn chiêm-tinh, bọn yêu-thuật, cùng đại-để những kẻ phô-phang làm ra mặt mình biết những sự thực không biết.

Thế cho nên đến tuổi thoát-ly được cái quyền áp-chế của thầy-học, lập-tức tôi bỏ hẳn nghề văn-học. *Định chỉ nghiên-cứu cái học ở trong người mình cùng cái học trong quyển sách nhớn của thế-giới*, tôi bèn dùng hết tuổi thanh-niên của tôi để đi du-lịch: xem chơi những nơi triều-miếu quân-doanh; giao-du với những người các hạng các cách; kinh-nghiệm nhiều việc; tùy cái cơ-hội đưa rủi đến cho mình mà tự thí-nghiệm lấy mình; dù việc gì sây ra ở nơi nào cũng suy-nghĩ để mong ích-lợi cho sự học của mình. Vì tôi xét ra rằng phàm người nào suy-xét việc gì quan-hệ đến mình, sự lợi-hại đến ngay mình, mình xét nhầm việc sây ra tất phải chịu thiệt, thì sự suy-xét ấy thường chắc thực hơn là cái người văn-nhân ngồi trong buồng giấy đàm-luận những sự cao-kỳ, không thành hiệu-nghiệm gì, chỉ được một cái kết-quả là có nhẽ sự đàm-luận ấy càng viển-vông bao nhiêu lại càng lấy làm tự-cao bấy nhiêu, vì đã phải dùng mất nhiều trí-thuật mới làm cho ra vẻ sự thực được. Mà tôi thì tôi chỉ ham biết phân-biệt được điều phải điều trái để xét công-việc tôi cho khỏi nhầm, cùng cư-xử ở đời cho chắc-chắn.

Chắc rằng trong khi tôi quan-sát những thói ăn cách ở của người ngoài, tôi cũng chưa thấy cái gì là chắc-chắn cả, chỉ thấy phong thói người ta cũng mỗi người một khác như ý-kiến các nhà triết-học tôi xét khi xưa vậy. Thành ra

chỉ được một sự ích-lợi, là trông thấy nhiều sự mình thường cho là trái nhẽ thường, các dân-tộc khác lại công-nhận là hợp nhẽ phải, thì mới biết rằng phàm cái gì theo tục, theo thói quen, là không nên quá tin vậy. Nhờ đó tôi mới dần dần giải thoát được nhiều sự sai nhầm, nó làm cho mờ-ám cái trí sáng-suốt tự-nhiên của mình, khiến cho mình không thấu được nhẽ phải. Nhưng sau khi tôi đã học trong quyển sách của thế-giới như thế trong mấy năm rồi, cũng đã thu-hoạch được ít nhiều sự kinh-lịch, thì một ngày tôi mới quyết-chí quay về học trong người tôi, mà dùng hết tinh-lực để kén-chọn lấy đường lối nên theo, thiết-tưởng thế còn thành-hiệu hơn là khi chân chưa bước ra khỏi nước, mắt chưa trông ra ngoài quyển-sách vậy.

(Chương thứ nhì đến kỳ sau)

* * *

Nhời bàn của người dịch. — *Ông Descartes gọi « nhẽ phải », tức tiên-nho ta gọi là « thiên-lý ». Thiên-lý là của giời phú-dữ cho mọi người, không ai là không có. Nhưng thiên-lý thường bị vật-dục mờ-ám mà không được thập-phần sáng-suốt. Công-phu sự học-vấn, sự giáo-dục là phải phát-minh cái thiên-lý ra mà đè-nén cái vật-dục lại. Như thế thì đông-nho với tây-nho cũng cùng một tư-tưởng vậy. Nhưng đông-nho có ý thiên về một bề đạo-đức, mà không chủ sự học-vấn như tây-nho, nên chưa từng dụng tâm tìm một phương-pháp chính-đáng để cứu xét cái chân-lý. Vả tiên-nho ta cũng không có cái quan-niệm về hai chữ « chân-lý » như tây-nho. Tây-nho gọi « chân-lý » thì ta gọi là « chí-đạo », là cái bực cao-nhất trong đạo-đức, không phải là cái nhẽ sác-nhiên trong sự-vật. Bởi thế cho nên về đường cách-vật, tây-nho nói tường hơn đông-nho nhiều. Cứ đọc một chương thứ nhất sách « Phương-pháp-luận » của ông Descartes này thì đủ biết vậy. Ông đối với sự học thực là mang một lòng thành-thực vô cùng. Ông thường nhận người ta ai cũng có nhẽ phải mà không mấy người biết dùng, nên ông khái-nhiên muốn lự tìm lấy một phương-pháp để dùng cái nhẽ phải cho phải đường. Ông đã thiệp-liệp kinh-sử, ông lại dụng công du-lịch, ông lại chú-ý quan-sát trong nội-tâm mình, nhất cử, nhất động, nhất quan, nhất niệm, đều là chỉ vì một sự học, cứ thế trong mấy mươi năm mới tìm được cái đường-lối chân-chính để giúp cho sự học của mình cùng giúp cho kẻ học về sau.*

Trong chương thứ nhất này ông kể cái lịch-sử sự học-vấn của ông, cùng bởi sao mà sự học-vấn ấy không đủ làm cho ông tận-tín, không đủ khiến cho ông mãn-nguyện ; nhời văn thực là chiền-miên mà uyên-áo vậy.

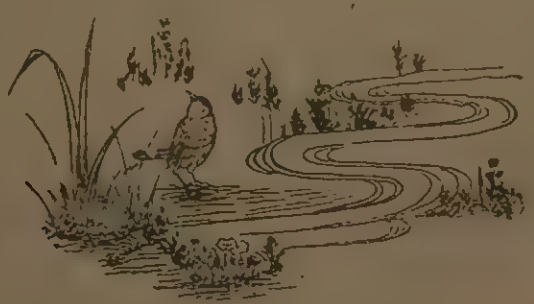

Hoa trong gương,
Giăng dưới nước,
Đi một bước,
Trăm nỗi ngổn-ngang luống những,
Dì sao được?

Ngập-ngừng nửa ở nửa về,
Giăng đã sế.
Gió lạnh thoảng đưa ngoài ngõ,
Cùng ai thề?

★
★ ★

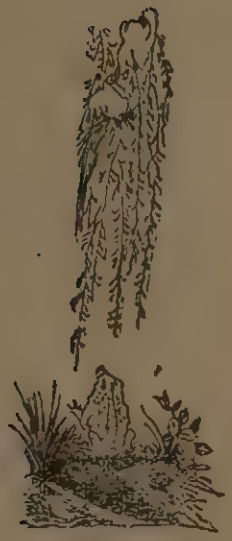

Bóng giăng thanh,
Mầu cỏ xanh,
Cùng ai tơ tưởng luống năm canh?
Gió đưa liễu rủ mành?

Chốn Tây-xương,
Chàng họ Trương,
Vì đâu dan-díu mối tơ vương,
Nhãng bỏ việc văn-chương?

KHOA-HỌC BÌNH-LUẬN

MÁY BAY, TẦU BAY

Chèo không cưỡi gió, mọc cánh lên tiên, từ xưa đến nay loài người ta vẫn khổ tâm vì cái mộng-tưởng ấy. Những người mê-hoặc về tiên-thuật thì tin những phép nấu thuốc luyện-đạn, muốn theo khói bốc mà bay bổng lên mấy từng mây. Những kẻ hiếu-kỳ thì đóng cửa làm sách, ngồi không mà bịa đặt ra những truyện phá mây đạp gió. Đều là những sự không-tư hư-tưởng cả, chưa từng thấy thực-nghiệm bao giờ. Mãi cho đến thế-kỷ thứ 18, mới có hai anh em họ. Montgolfier người nước Pháp, đặt ra lối « khí-cầu » dùng để thả trên không mà đi được. Ấy nghề bay thực là khởi-đoan từ đấy. Người Âu-châu tự thời bấy giờ, hoặc phỏng theo lối ấy, hoặc nghĩ đặt lối khác, đua nhau mà chế-tạo. Có người không tiếc sinh-mệnh, hao-phí tinh-thần, tổn-hại của cải, không biết bao nhiêu mà kể. Kịp cho đến ngày nay, các thức máy bay chế càng ngày càng tinh-sảo, ứng dụng càng ngày càng được nhiều, như trong cuộc chiến-tranh này ích-lợi cho việc hành-chiến kể sao cho siết ; cũng là nhờ công-phu những nhà chế-tạo ấy nối gót nhau mà xuất-hiện tự hai ba trăm năm nay vậy.

Những nhà cưỡi máy bay ngày nay, trong khi rẽ gió xuyên mây, phiêu-phiêu trong khoảng không giời đất, khi thấp khi cao, khi quanh khi liệng, tự sánh mình như ông Trang Chu trong giấc mộng-bướm, cũng phải ghé thay cho tài-trí con người ta đã biến được cái mơ-tưởng đời xưa ra sự-thực ngày nay.

Trong bài này ta xét qua lịch-sử nghề bay ở các nước Âu-châu, kể từ cái khí-cầu ngày xưa cho đến cái máy bay bây giờ ; rồi ta nói lược về cách chế-tạo các thứ máy bay mà kết-luận về sự ứng-dụng cái khí-giới mới ấy trong cuộc chiến-tranh ngày nay.

I

Bàn về tầu bay phát-nguyên tự khí-cầu

Sự phát-minh ra khí-cầu. — Trước khi có « khinh-khí-cầu », người ta đối với khoảng không trên giời, thường sinh nhiều cái dị-tưởng. Có người nói rằng ở nơi cao nhất trên không-khí cũng phẳng như mặt đất, cao lên mấy độ nữa thì đến một từng nhẹ hơn không-khí, có thể bơi mà đi như người ta bơi trên mặt bể vậy. Lại có một nhà Gia-tô người Ý-đại-lợi tên là François Lana [1] nói rằng các vật-thể trong không-khí thường chịu sức nổi của không-khí ; sức nổi ấy tùy theo với cái dung-tích nhớn nhỏ của vật-thể. Nếu vật to mà ở trong lại rỗng, thì chịu sức nổi của không-khí càng mạnh, tất vượt bổng lên. Tức cũng là ứng-dụng cái nguyên-lý của ông Archimède [2] ngày xưa. Bèn nghĩ muốn chế ra bốn quả tròn bằng đồng

(1) 1631 — 1687.
(2) Nhà số-học người Hi-lạp sinh năm 287 trước Thiên-Chúa.

rất mỏng, trong rỗng, thả lên trên không, tất chịu cái sức nổi của không-khí mà bổng lên, mang được cả người theo. Tính mang nặng được 1 nghìn 2 trăm cân thì phải làm một quả đồng thẳng giữa đến 25 thước, mà vỏ cực mỏng. Quả to bằng ngần ấy mà vỏ mỏng quá thì tất bị không-khí áp-phá mà dẹp bẹp mất. Nhưng nói rằng quả hình tròn, bề nào cũng chịu cái áp-lực của không-khí bằng nhau thì không lo gì. Xem đó thì biết khoa vật-lý-học về thời bấy giờ còn kém lắm vậy.

Ít lâu về sau mới khởi ra cái lối « nhiệt-khí-cầu », là khí-cầu thả bằng hơi nóng. Sáng-nghĩ ra lối ấy là hai anh em họ MONTGOLFIER, người nước Pháp. Người anh tên là JOSEPH sinh năm 1740, mất năm 1810, người em tên là ETIENNE sinh năm 1745, mất năm 1799. Hai người cùng ở Annonay, chuyên nghề làm giấy đã nổi danh tiếng. Một ngày ngồi nhìn khói trong lò cuồn-cuộn bốc lên, nghĩ lấy một cái túi to, thu khói vào trong rồi thả lên, tất nó bay cao được. Bèn lấy giấy làm túi, thông khói vào thì quả thấy nó bổng lên thật. Bấy giờ mới lấy vải khâu thành một cái túi tròn cực nhớn, rộng đến hơn một trăm thước. Ở dưới có miệng, đốt củi cho thông khói vào trong. Khói vào đầy thì túi tròn bay bổng lên, đứng trên không được mươi phút đồng-hồ rồi mới rơi xuống gần đấy. Hồi tháng 6 năm 1783, đem ra thực-nghiệm lần thứ nhì ở Paris, có nhà qui-tộc tên là VOIRAIS đến xem, lấy làm phục lắm, khen là một sự sáng-chế tự cổ kim chưa thấy bao giờ.

Cái nhiệt-khí-cầu của anh em họ MONTGOLFIER tuyên-truyền đi các nước, bọn học-giả đã lấy làm chú-ý lắm. Đồng-thời ở Paris có một nhà vật-lý-học tên là CHARLES lấy làm phục cái khí-cầu của MONTGOLFIER muốn bắt chước làm một thứ giống như thế. Bèn chế một quả cầu, ngang giữa 13 thước, thu khí nhẹ vào trong; lại sợ có chỗ tiết-lậu ra, lấy nước sơn đặc phiết ngoài. Ngày 13 tháng 8 năm ấy, bầy quả cầu ở nơi ngã-tư gọi là « Chiến-thắng cù » (*Place des Victoires*). Phí mất 5 trăm cân lưu-toàn, 1 nghìn cân sắt vụn, để chế khinh-khí, dùng một cái ống để thông vào trong quả cầu. Khinh-khí đã đầy, quả cầu cứ dần-dần bổng lên. Người trong phố-phường bây giờ đến xem đông lắm, rất là cồ-võ. Mỗi ngày truyền giấy báo khinh-khí trong quả cầu dương lên bao nhiêu, rút đi bao nhiêu. Người đến xem sùm đông chung quanh như kiến. Suốt trong thành-phố sôn-sao cả lên, thậm chí ông thị-trưởng sợ người dân trễ nải công việc, được ba ngày phải bảo đem ra cách đấy ba dặm, ở nơi « Giản-vũ-trường » (*Champ de Mars*). Đêm hôm ấy ông CHARLES cho thêm khinh-khí vào, sang hôm sau khi đầy, quả cầu kéo đứt giây mà bay cao lên, vụt bay tới 3 nghìn thước. Người các nơi nghe thấy nói chạy lại xem rất đông, ai cũng ngửng đầu lên mà nhìn. Vụt giời đổ mưa, nước thấm ướt quần-áo mà người đứng xem vẫn không chịu tản về. Lần ấy quả cầu bay được hơn 40 phút, rồi mới dần-dần rơi xuống. Khi rơi vào giữa cánh đồng nhà quê. Người làm ruộng ở đấy trông thấy cái quái-vật ở trên giời xuống như thế lấy làm kinh-ngạc, không biện được là cái gì, tưởng là điềm gở đem dập nát phá tan ra.

Ấy đại-khái lối khinh-khí-cầu phát-hiện ra đời bấy giờ như thế.

Khí cầu mới bắt đầu chở người. — Từ đấy khí-cầu thực-nghiệm mỗi ngày một nhiều, cái qui-mô rồi cũng mỗi ngày một to-tát mãi ra. Ngày 19 tháng 9 năm 1783 ấy hai anh em họ MONTGOLFIER, lại lấy cái nhiệt-khí-cầu, ngoài sơn ngũ-sắc, thử diễn trước mặt Pháp-hoàng cùng các nhà qui-tộc đến xem. Muốn chứng rằng cũng có thể mang

người lên được, bèn buộc thêm một cái võng ở dưới quả cầu, rồi đặt con gà con cừu vào đấy. Thả quả cầu ra, bay lên đến hơn 500 thước cao. Khi rơi xuống, con cừu con gà đều vô-dạng cả. Nhân đó mới biết không-khí ở trên 500 thước cao, cũng như ở dưới này, cho giống sinh-vật ở vào đấy, không đến nỗi thương sinh. Bấy giờ mới khởi ra cái niệm muốn đem người đi theo với khí-cầu. Ngày 15 tháng 10, một nhà bác-vật tên là Rozier, chèo thử một cái khinh-khí-cầu có giây buộc chắc-chắn, bay lên trên không, thấy như thường, không có khó chịu tí nào. Từ đó mới bắt đầu dùng khinh-khí-cầu để mang người vậy. Ngày 21 tháng 11 năm ấy, ông Rozier lại thử một lần nữa, nhưng lần này dùng quả cầu không buộc giây. Lên ước 500 thước, lâu được 25 phút đồng-hồ, rồi rơi xuống cách đấy 9 trăm thước, cũng an-nhiên vô-sự như lần trước. Lần thực-nghiệm ấy thế-nhân lấy làm khen phục lắm. Mười tháng về sau, ông Charles cùng với một người nữa ngồi một quả khí-cầu lên cao đến 2 nghìn thước.

Năm sau lại có người chế một cái nhiệt-khí-cầu, ngang giữa 1 trăm thước, cao 1 trăm 30 thước, thả bay lên cao đến hơn 3 nghìn thước.

Từ đấy nước Anh, nước Mĩ, nghe tiếng đua nhau mà bắt chước.

Bấy giờ nước Anh có một người tên là Tytler, ngày 27 tháng 8 năm 1784, ở nơi công-viên thành Edinburgh, ngồi một quả khí-cầu bay lên, ước được 350 thước cao. Tự người ấy đi thử thế, rồi cả nước Anh cổ-võ muốn theo. Ngày 15 tháng 9 năm ấy, lại có một người nữa tên là Lunardi, thử diễn khinh-khí-cầu trước mặt Anh-hoàng cùng bọn quí-tộc. Quả cầu ấy chu-vi 30 thước, ngoài mặt lại phụ thêm một đôi chèo, để khi lên khi xuống cầm vào đấy cho chắc. Lên được một ít thì một cái chèo rơi xuống. Trong đám người xem có một người đàn bà nhầm tưởng là Lunardi bị ngã, thất-kinh hồn vía. Rồi sau thành bệnh ở tâm, không được mấy ngày chết.

Sau khi Lunardi diễn thử ở nước Anh như thế, năm sau lại kế khởi một người nữa tên là Blanchard, muốn tự cửa Douvres ở đất Anh lên khinh-khí cầu mà qua eo bể sang cửa Calais ở đất Pháp. Cùng với một người Y-sinh nước Mĩ tên là Jeffries ước-định chọn ngày 7 tháng giêng năm ấy khởi-hành. Sau đi đến nửa đường, an-nhiên rơi vào trong một quãng rừng rậm bên bờ bể kia.

Ngày 15 tháng 6, họ Rozier nước Pháp bắt chước người Anh, cũng muốn tự đất Pháp đi bằng khinh-khí cầu qua bể sang đất Anh. Bèn dùng một quả khinh-khí-cầu ngang giữa 39 thước, lại buộc phụ một quả nhiệt-khí-cầu ngang giữa 10 thước nữa, dùng phép điều-tiết khí nóng để giúp cho khinh-khí-cầu bay bổng lên nhanh hơn. Đương khi bay lên, ước được hơn nửa giờ đồng-hồ, quả nhiệt-khí-cầu giữ không được cẩn-thận, cháy lan lên quả cầu trên, hai quả cùng cháy. Ông Rozier bất-hạnh phải chết một cách rất thảm vậy.

Từ đấy những người dùng khí-cầu để cứu-nghiệm những từng cao trên không-khí, hoặc đi chơi bằng khí-cầu để lấy cái cảm-giác kỳ-thú, không biết bao nhiêu mà kể. Có người hiếu-kỳ đến đương đêm thả khí-cầu, đem pháo ngũ-sắc lên đốt trên không cho thiên-hạ xem. Lại thậm-chí có người ngông đến thế này nữa : Năm 1873 có mấy người Mĩ ở thành New-York hâm-mộ người Pháp người Anh đã thực-nghiệm khí-cầu giỏi như thế, trong bụng thấy hào-hứng, chế một cái khinh-khí-cầu dung-tích đến 4 vạn thước đứng (*mètres cubes*), muốn dùng để đi qua bể Đại-tây-dương mà sang tận Âu-châu ! Đương thời bấy giờ có bọn bác-học

xướng ra cái thuyết rằng ở trên thượng-tầng không-khí, ngoài một vạn thước, thường có thứ gió thổi luôn không dứt. Mấy người Mĩ tin như thế, tưởng nhờ được gió thuận, lo gì mà chẳng tới được. Đến khi đem ra thử thì thấy còn khuyết-điểm nhiều lắm, đành phải phát-tiết cái hào-hứng ra nước bể Tây-dương vậy.

Khí-cầu ứng-dụng được những gì. — Khí-cầu mỗi ngày chế một tinh-sảo, rồi sau không phải là một cái đồ chơi nữa mà đem ứng-dụng ra được nhiều việc. Trước xét về đường học-thuật được ích-lợi thế nào. Các nhà khoa-học thấy khí cầu đã giúp được việc, muốn đem ra lợi-dụng để khảo-nghiệm các môn học của mình. Có người nói sự lợi-dụng ấy đã bắt đầu từ năm 1783, nhưng không được tường. Cứ thực thì mãi đến năm ngoài 1800 mới có một nhà bác-học Pháp dùng khí-cầu để khảo-nghiệm điện-học lực-học ở trên không, xướng ra cái lý-thuyết rằng cái hấp-lực của địa-cầu càng xa mặt đất thì càng kém bớt đi. Người đương thời rất là công-kích cái lý-thuyết ấy. Đến sau, lại có hai nhà bác-học chước-danh nữa tên là Biot và Gay-Lussac cùng lên khí-cầu để tái-nghiệm mới biết rằng cái lý-thuyết ấy chưa được sác. Hai nhà lấy không-khí tự 6 nghìn 5 trăm, 6 nghìn 6 trăm dư thước cao mà hóa-nghiệm, so-sánh với không-khí dưới gần đất ta cũng không thấy khác gì mấy tí.

Năm mươi năm về sau, nước Pháp lại có một nhà thiên-văn có danh-tiếng nữa, chọn khi giời sấm chớp gió to, thả một quả khí-cầu lên để nghiệm cái biến-tượng trong khí-giới thế nào. Lên cao đến hơn 7 nghìn thước, thì thấy hàn-thử-biểu xuống tới 36 độ dưới băng-điểm.

Năm sau có một hội ở nước Anh mấy lần dùng khí-cầu để thử xem người ta lên được đến đâu là cùng, thì nghiệm ra rằng càng lên cao thì cái khí ấm càng giảm bớt đi, cứ 165 thước là giảm bớt một độ.

Nhưng trong lịch-sử sự đăng-không, có một tích bi-thảm nhất là việc ông Tissandier, cùng hai người bạn Sivel và Crosé năm 1875. Ba người cùng đăng một quả khí-cầu, ở trên không đến 22 giờ đồng-hồ, trước còn nghiệm được nhiều điều hay về nhiệt-độ không-khí cùng về phương-hướng các gió. Sau lên quá đến hơn 7 nghìn thước thì ba người mê-mẩn cả đi. Không khí ở đấy nhẹ quá, không đủ áp-lực mà đương với áp-lực trong người, mạch-máu trương to mà vỡ nứt cả ra. Đến khi xuống thì hai người kia chết, duy còn ông Tissandier là sống.

Gần đây, dùng khí-cầu để khảo-nghiệm học-lý còn có nhà bác-học Đức tên là Berson, năm 1894, lên cao đến 9 nghìn 1 trăm 50 thước ; hàn-thử-biểu xuống đến 47 độ dưới băng-điểm. Người ta nói lên đến đấy là cực-điểm, xưa nay chưa có người nào tới được cao như thế.

Lại còn có một thứ khí-cầu nữa gọi là « lượng-không-cầu » (*ballons-sondes*), không biết xuất-hiện ra từ bao giờ. Thứ cầu ấy để thả không, không có người, cho lên đến cùng-cực những nơi người ta không thể chịu được, để nghiệm xem thế nào. Trong cầu chỉ để một cái khí-áp-biểu (*baromètre*), một cái hàn-thử-biểu (*thermomètre*), có kèm thêm cái tự-ký-biểu (*enregistreur*) nữa. Một lần thả lên cực cao, trong tự-ký-kiểu cao đến 1 vạn 5 nghìn thước, và lạnh đến hơn 70 độ dưới băng-điểm.

(Tiếp theo kỳ sau)

Phạm Quỳnh

VĂN-UYỂN

VĂN CŨ

Bài văn của ông Hoàng-tử Cảnh tế ông Bách-đa-Lộc

Hỡi ôi! mấy năm dư tri ngộ, tính chửa rồi trong cuộc chinh tru: năm mươi lẻ xuân-thu, sao nỡ rẽ ngoài vòng cực-lạc. Lấy ai nhờ giúp dựng việc nhà, lấy ai cậy lo chung việc nước. Nhớ đức Thượng-sư xưa, suốt dải kiến-khôn, khỏi trên nhân-vật. Học kinh thánh mảng theo đạo thánh, từ tây thiên chẳng đoái công danh; giữ tính giời mong hóa dân giời, qua đòng thổ vui niềm nhân đức. Trải năm lạnh thu sương nhiều thửa, đứng chơ gáng tiết bách-tòng; rửa cột phàm nước trí một bầu, đâu đó nghiêng lòng qui-hoác. Duyên giải-cấu liền vày cửa bác, yên gia-tàn từng ngàm ngượi « lộc minh »; vận trung-hưng chăm giúp triều nam,cơ liệu địch đã săn-sàng hổ-lược. Tục người khác mà tâm lòng chẳng khác, chia vàng đã rõ bạn tương-tri; thù nước riêng mà tấc dạ chẳng riêng, rèn đá quyết vá giời Việt-quốc. Ngỡ thấy nhà Lưu vận ách, đất Hứa-xương rộng dãi, đã khó ngan giặc quỉ Tào-man; từng than thế Hán thiếu binh, nơi Tân-giã hẹp-hòi, lại khôn dụng đồ chim Gia-Cát. Cũng thuyền bá Việt, dìu dắt đưa lá ngọc cành vàng; kẻ nỗi gian-chuân, nhục-nhân trải non xanh bền bạc. Ra Thổ-châu,vào Phú-quốc,giặc sau lưng theo đuổi,cùng nhau hẩu khôn chước giải nguy; đỏ khởi phục, liệu tá-bình, con dưới gối lìa trao, muôn việc đã dành lòng ký thác. Vì người mưu hết sức, ngừng lệ phàn tiệc khách đòng nam: hiểm sự cả khác lòng, ráp mình ẩn góc giời tây-bắc. Thức nhấp lo toàn triệu bịch, mảng tai nghe yên đặng nguy Lâm: hòm mai nuôi dưỡng Hàu trữ, ráp cánh nhẹ trông miền tử khuyết. Một nhà tương khánh, ơn lão trượng siết bao; thửa trước huân đào, điềm tiên-tinh sáng quắc. Ra công giúp của, khi loạn li từng đỡ ngạt nước nhà; nỗi gót đi tai, việc triều chính đã in nhau gan mật. Nhổ cơm trên cảm tình cao đệ, trí cả đành giúp một cánh tay; nắm gạo từng làm núi Phục-ba, thề giặc thấy rõ đòi con mắt. Dải Duyên-khánh bồn bề sa-mạc, lòng bền gia gáng, giúp đòng-cung khỏe sức chống thành; thu Qui-nhơn một lũy Bàn-đỏ, thề vận màn che, khiến Tây-tạc cúi đầu quay bước. Ra Bên-đá đưa nên bệnh quỉ, bệnh lại thêm dũ nhật dũ tăng; về Kỳ-sơn cầu chuộc thuốc-tiên, thuốc khôn giúp tư nhân tư tật. Ôi! tôn-khách băng chừng, thiên-đường nhẹ bước! Sao khách Tử-lang sớm xế, đoái nhìn lệ luống mòng mênh; tòa nhà Quang-vũ

đeo sầu, trạnh tưởng lòng càng thổn-thức. Chắp miệng ngẫm được thành Nhạc-bồi, song thành kia dễ tạo, tuy rằng mừng chẳng lấy làm mừng: võ về than chếch bạn tây song, tưởng bạn ấy khôn cầu, vậy nên tiếc không người nỗi tiếc. Ngày sáu khắc mảng lo chắp-chính, vậy càng ngày mát Thuần mây Nghiêu; đêm năm canh chợt nhớ cô-nhàn, chẳng êm dựa gối loan nệm hạc. Cám là cám một mai đại cử, ngõ dùng mưu giết giặc, ai hầu cùng ngồi chốn át-duy: thương là thương muôn dặm viễn phương, vì tình việc cho ta, chết chẳng được về nơi quê vực. Mồ tha hương luống gửi, chập chùng gò đất bi-ai; tin cô lý chưa thông, bằng lăng phương giới phiêu-lạc. Nào thửa nước Lang-sa thành Vọng-các, đường xa dặm thẳm, mấy thu giới ai được gặp nhau; bây giờ miền âm giới cõi dương gian, kẻ mất người còn, ba tấc đất mà không thấy mặt. Trăm mình khó chuộc, gác tía đà mất đứng trí năng; một giấc chẳng về, cung xanh lại không ai vũ dực. Đổi con trẻ cho mà dậy đó, lối cổ nhân dầu hãy rành rành; rứt nghĩa này chẳng gác về đâu, trông Thiên-giới gót đà phần-phật. Phận tàn-chủ xẻ chia hai ngả, bồi hồi xiết trạnh lòng đau; tả ân tình lạo-thảo một văn, điều tệ tạm dùng lễ bạc. Công nặng đó của thêm nặng đó, ngàn vàng chưa dễ đền bồi; còn tưởng nhau chết cũng tưởng nhau, trăm thửa hãy còn ghi tạc. Than ôi! thương thay!

CHỮ « TÀI »

Ông Nguyễn-khắc-Hiếu, hiệu Tản-đà, có gửi cho bản-báo một bài văn suôi thích chữ « Tài ». Ông lấy chữ tài từ bực « tài-liệu » trong vật-chất, mà suy đến « tài-trí » trong loài người, kết-luận rằng cái tài dù ở đâu cũng là đáng quí đáng trọng, phải biết dùng, không nên bỏ phí. Cách lý-luận của ông thực là độc-ngột, có vẻ kỳ-thú. Xin đăng toàn văn sau này.

Con tạo-hóa là một giống tối đa-tình, cho nên hay sinh tài. Tài nhỏ thời một thân được yên vinh, tài nhớn thời ích lợi cho đàn, cho nước, cho thế-giới; cho nên có tài được có giá. Quí lắm thay! Tài nhỏ thời che trở cho một thân, tài nhớn thời gánh vác cho đàn, cho nước, cho thế-giới; cho nên có tài phải có lụy. Ngại lắm thay!

Tài là một vật quí, cho nên tạo-hóa có bụng tiếc: tạo-hóa có bụng tiếc cho nên không mấy kẻ được toàn tài. Tài là một vật cần cho nên tạo-hóa có bụng rộng: tạo-hóa có bụng rộng cho nên không mấy kẻ đến vô

tài. Không mấy kẻ toàn tài, không mấy kẻ vô tài, mà người cao kẻ thấp, kẻ giọc người ngang, giải rác, phô bầy, diễn một cuộc đời trên trái đất.

Nay muốn nói loài người xin mượn nói trước các loài vật; muốn nói các loài vật xin mượn nói trước các đồ dùng. Chữ tài dễ thấy nhất là ở đồ dùng. Xem như các vật làm đồ dùng: có vật hình nhớn mà tài nhớn, như tầu thủy, xe hỏa; có vật hình bé mà tài bé như cái đanh, cái khuy; có vật hình bé mà tài nhớn, như đá nam-châm, như có máy-súng; có vật hình nhớn mà tài bé, như bù-gin giữ dưa; có vật hình thanh mà tài thanh, như mực tầu, bút thủy; có vật hình thô mà tài thô, như côi-xay, cối-đâm; có vật cần dùng mà không quí, như nồi đất, dê đan; có vật quí mà không cần dùng, như hòn ngọc chặn giấy. Cho nên đồng, sắt, chì, kẽm là tài, đá vôi, đất-sét cũng là tài; trâu, bò, voi, ngựa là tài, con ong cái bướm cũng là tài; đinh, lim, trác, gụ là tài, dâu, gai, mía, bói cũng là tài. Các đồ dùng thế, các loài vật thế, con người ta cũng thế.

Người là một giống động-vật con tạo-hóa tôi chung-tình, cho nên cũng một loài mà tài chái nhau xa. Người làm ruộng, kẻ đi học, người làm thợ, người đi buôn, các nghề này nghiệp khác đã mỗi phải đi mỗi đường; mà các bực phi-thường cũng lại lôi nào ra mặt ấy. Ông Kha-luân-bô đi giò bể, tìm thấy châu Mỹ-châu; ông Ngõa đác ngồi nhà, nghĩ ra máy hơi nước; ông Mạnh-đức-tư-cưu cầm bút chép pho sách « Vạn-pháp-tinh-lý »; ông Hoa-thịnh-đôn tám năm tranh-chiến, độc-lập nước Hoa-kỳ; ông Đa-lạp-sát đào eo-đất Tuy-tư để thông bể Địa-trung-hải. Anh-hùng hào-kiệt thế-giới bao người, kì kì quái quái, ai giống chi ai. Cho hay giời sinh ra người để làm việc cho đời. Đã có cái hơn người, phải có cái hơn người. Có giá bởi thế, có lụy cũng bởi thế.

Nước ta là một nước quân quyền, khi trước lại chuyên trọng văn-học, cho nên tranh nhau danh giá ở khoa-mục, ở phẩm-tước; từ ngày nhà nước Đại-Pháp là một nước dân-chủ sang bảo-hộ, mà tư-tưởng bình-đẳng cũng chảu sang cõi đất Đông-dương. Người nước ta từ nay về sau tranh nhau danh giá lại có trọng ở chữ tài, kẻ có tài được lấy mình làm trọng; và đương dịp tân tới thực buổi nhu tài, thời những kẻ có tài cũng nên biết lấy mình làm trọng. Đã trọng thế, hổ nỡ khinh?

Huống chi con người ta không phải là chim hồng chim nhạn; thời không thể bay bổng trên từng xanh mà thu nam xuân bắc; không là hươu là nai thời không thể chui lau lách sậy mà theo nhau lững đững trên rừng xanh. Thiên-hạ hiềm chi người thanh cao mà tuyệt-đời là một nhẽ khó. Mang một nhẽ rất khó mà chái ý con tạo-hóa, chẳng thà

cũng theo lòng con Tạo mà gánh vác cùng ai. Nay muốn vì những kẻ tài-tử chung gửi một lời : Dù nhau quang gánh với đời, mà cho thiên-hạ chẻ cười cũng hay.

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

THƠ

Xuân quang hữu cảm.

(Làm năm Bính-Thìn)

Hết đông thời lại sang xuân,
Nhẽ thường tạo hóa xoay vần cho nên.
Xong *ất-mão* đến *bính-thìn*,
Năm giời tuy đổi người quen vẫn còn.
Hồng-bàng mầm rễ còn non,
Còn đường tiến hóa hãy còn đương đi.
Hãy còn sông Nhị, sông My,
Hãy còn Nam, Bắc, Trung kỳ còn lâu.
Bể Đông-dương hãy còn sâu,
Tản-viên Tam-đảo còn mầu núi xanh.
Bạch-đằng sông hãy còn linh,
Lam-Sơn núi vẫn uy danh còn dài.
Ngày xuân súc cảnh hứng hoài,
Sẵn nghiên sẵn bút chúc vài bốn câu :
Chúc cho sông núi dài lâu,
Mặt giời cứ đứng, địa cầu cứ đi.
Chim muông cứ tổ tìm về,
Cỏ cây vẫn cứ có hoè có cành.
Da giời sắc nước cứ xanh,
Mặt giăng vẫn cứ xoay quanh địa cầu.
Nước nhà muôn tuổi dài lâu,
Anh em máu mủ cùng nhau một lòng.
Bao nhiêu tai ách sạch không,
Đè kia vững tựa tượng đồng Bôn-Be.
Nông, công, thương, sĩ mọi nghề,
Cũng điều thịnh vượng không bề khó khăn.
Chuông tạp-chí, trống tân-văn,
Ơn nhờ bảo-hộ xa gần điều vui.
Chúc dân, chúc nước, chúc giời,
Tiện đây cũng có vài lời chúc ai.

Đã sinh tài sắc ở đời,
Mắt xanh mở rộng xem người chớ tinh.
Tiên thần cũng một chữ tình,
Chọn người tri-kỷ có sành mới ngoan.
Người tài-tử khách hồng-nhan,
Kể sao cho siết muôn vàn ái ân !

NGUYỄN-MÀN-CHÂU

Bài hát dân tiễn quan phải giáng.

Tiễn đưa một chén quan hà,
Hỏi ông rằng: tỉnh, hay là ông say ?
Hơi men chưa nhấp đã cay !
Vì tình xin cạn chén này làm người.

Tích hỉ công chi lai,
Kim tiếc công chi khứ !
Sự khứ lai lai khứ bởi vì đâu ?
Kể sao cho siết nỗi ly sầu !
Càng tình nặng ơn sâu càng tưởng nhớ,
Mưa huệ xiết bao nhiêu chan chứa,
Hai năm thừa sái khắp một phương giời.
Dải Nghĩa-giang bia miệng còn dài.
Nhời ca tụng há riêng ai thiên vị.
Sao thế nhỉ, bỗng sao ra thế nhỉ ?
Ngẫm mà xem hành chỉ bởi vì ai.
Cất chén quỳnh xin tạm làm tươi,
Duyên hội-ngộ còn giời còn có lúc.
Này hai chữ cao thăng xin chúc,
Tiếng chúc thay hai vạn sáu nghìn người.
Mai sau còn lắm sự vui !

MAI-LỘC

Thơ mầng Báo.

Ngọn gió *Nam-Phong* ngọn gió hay!
Quốc-dân mầng buổi về vang này.
Câu văn lời mới thanh tao nhỉ!
Khúc hát thời xưa ý-vị thay!
Êm-ái giọng Nam chen giọng Bắc:
Tưng-bừng người tỉnh gọi người say.
Bụi trần thoảng hết cơn hờn giận,
Lửng-thửng chơi xuân sắp đến ngày.

Thơ chơi giăng.

Mượn gió *Nam-Phong* nhắn chị *Hằng*,
Xuống đây chơi tết, tết chơi giăng.
Bạn già chuốc chén cười say tỉnh,
Bọn trẻ hổ khoan nói líu-lăng.
Bóng tuyết giăng xưa nguyên một vẻ,
Vườn thu cảnh đẹp mấy mươi từng.
Bức chanh tạo hóa chơi chung cả.
Nào dễ làng thơ kém thú chăng!

HỮU-HIỀN

Bản-báo tiếp được tập thơ văn của một thầy học-trò trường Bảo-hộ, họ Nguyễn, người còn thanh-niên lắm, — năm nay mới có 17 tuổi — mà văn-chương nôm xem đã có tư-cách riêng. Xin lần-lượt đăng trong mục này, mỗi kỳ vài bài, trước là để đẹp lòng Nguyễn-sinh đã chịu khó tập quốc-văn, sau là để kích-lệ trong bọn thiếu-niên-học-giới nước ta, may ra xuất-hiện được tay văn-nhàn thi-khách nào chăng. Xem ra quốc-văn ta có thể mong-đợi ở bọn thanh-niên ấy nhiều: thực là một triệu-chứng rất hay vậy.

Tiếc vì Nguyễn-sinh quá khiêm, cố vặn bản-báo đừng đăng cả tên. Nhưng mong rằng rồi nguồn thơ mạch văn mỗi ngày một dồi-dào, thế nào cũng có dịp giới-thiệu cho các bạn đọc báo biết.

Giăng thu

Giới thu sẻ, giăng thu chiếu tỏ,
Hé vầng mây nhìn rõ non sông.
Đất Nam một cõi mênh mông,
Non cao chớn chở, ruộng đồng bao la.
Ta chợt hỏi: « Nguyệt già mấy tuổi?
« Vì cớ sao thay đổi khuyết tròn? »
Nguyệt rằng: « Bằng tuổi nước non,
« Đổi thay luân truyển, thêm, mòn, đầy, vơi.
« Cao cao ta đứng ta cười,
« Cười người kiêu-bạc, cười đời éo-le.
« Có khi ngọn xuối ghềnh khe,
« Lúc xem hoa cỏ, khi nghe gió đàn.

« Ngày nay hạ quá thu sang,
« Bóng ô nhạt vẻ, hoa tàn mầu tươi.
« Hết nóng nực, đến thời ngâm vịnh,
« Hãy cùng ta ngắm cảnh tang-bồng. »
— « Lĩnh nhời vào cuộc thú chung,
« Cho cam thợ Tạo đợi mong từ ngày.
« Dầu mai một nước mây man mát,
« Cũng yên rằng gánh vác cùng ai.
« Về sau non nước còn dài,
« Mấy đời thái-trị, mấy đời giăng thu. »

Học-trò đêm khuya nhớ nhà và nghĩ về việc học quốc-văn

Đêm băn khoăn mơ màng chẳng ngủ,
Những nghĩ về chốn cũ ra vào.
Một mình thổn thức tâm bào,
Khi sao sum họp, giờ sao một mình ?
Buồn nhìn hồ rộng mông mênh,
Âm-đầm bóng liễu gập ghềnh sáng sao.
Buồn tưởng đến giời cao đường quạnh,
Lối đi về thanh vắng bữa qua.
Mấy hàng phẳng phất quanh nhà,
Hồn buồn vơ vẩn non xa mấy từng.
Gác buồn hãy xem trong học-giới,
Cuộc đổi xoay hiện tại bên mình :
Đã lo mà lại thêm kinh,
Khác nào chiếc lá lênh đênh giữa vời.
Tri Nam trải mấy đời đèn luyện,
Hai nghìn năm một quyển sử-xanh.
Biết bao xoay sở cạnh tranh,
Luân thường đã rộng học hành lại sâu.
Trải đến nay mấy cầu thay đổi,
Đã từng phen lặn lội lênh đênh.
Ngày nay thử xét thể tình,
Chữ người còn rõ, chữ mình thì không.
Giỏng ta chẳng phải giỏng viết mướn,
Ta có hồn há mượn hồn ai ?

Than ôi, có bóng không người,
Có tay không viết cọ nhời không thưa.
Chữ tầu biết nhưng chưa rộng thầu,
Chữ Pháp thì liền-lẩu gọi là.
Bi-bô dỗi trẻ nạt già,
Nghĩ càng thêm hổ nói ra cũng phiền.
Rồi lấy ai báo đền công trước,
Rồi lấy ai nối được nghĩa sau ?
Lòng giời dun dủi may đâu,
Có thầy Đại-Pháp bắc cầu đưa ta.
Tìm tòi lối sáng dắt ra,
Cái công đức ấy thực là nên ghi.
Trong ba mươi sáu nèo đi,
Nếu không thuộc lối có khi lạc đường.
Bỗng đâu trận gió Nam-phương,
Bay qua thổi sạch tuyết sương một vầng.
Hỏi ai : có đáng mừng chăng ?

Học-trò trường Bảo-hộ
(năm thứ hai, ban A)

TẠP-TRỞ

Bàn thêm về trường Pháp-Chính

Gần đây tòa Chính-trị phủ Toàn-quyền có trao cho bản-báo một cái thơ của cụ tuần Thái-bình nói về trường Pháp-Chính. Bản-báo đã y nguyên-văn mà đăng bên chữ hán cùng phụ mấy lời ý-kiến riêng theo sau để tỏ những chỗ không đồng ý với cụ lớn. Nay xin trích dịch ra như sau này.

I

THƠ CỦA QUAN TUẦN THÁI-BÌNH.

«...Tôi thiết tưởng cái lối quan-trường nước tôi càng ngày càng tệ, là không phải vì sự khoa-cử mà sinh ra tệ, tệ ấy cốt ở tại người. Bởi sao? Cái lòng liêm-sỉ đã không còn, mà thói tham-nhũng thì đã truyền-nhiễm lâu vao trong lòng người vậy. Bọn cựu-hủ như chúng tôi thì vừa già vừa cậm, muốn nói muốn khóc, cũng không bổ ích gì cho đời, nhưng mà thử xem các bậc thiếu-niên ngày nay, cách ăn mặc văn-minh, giọng nói năng văn-minh, mà công việc làm thì không một chút nào là văn-minh cả. Vì thế nghĩ đến hậu-vận nước chúng tôi mà thêm buồn.

«Nhà nước vẫn cần về sự tác-thành nhân-tài để giúp nước; đổi cách thi, lập trường học, nghĩ cũng đã hết lòng thật, nhưng mà thành không được mấy, ấy là vì người đời không biết liêm-sỉ, cho cuộc công-danh như một sòng cờ-bạc, hễ nhảy vào được thì lo vơ vét cho nhiều; như thế thì tài nào mà chẳng sinh tệ!

«Nay nhà nước định cải lập một trường Pháp-chính cao-đẳng ở Hà-nội, hợp cả học-sinh trong nước mà dạy vào một, hễ tốt-nghiệp thì cho là hạng Cử-nhân, bổ làm tham-biện các công-nha. Còn người nào muốn được bổ phủ huyện thì phải đến thi ở Huế, thì đậu mới được bổ. Cứ như cách ấy thì khi bắt đầu tôi mới nghe đến, trong bụng cũng lấy làm phải lắm, nhưng đến sau nghĩ kỹ lại thì e có hai điều không tiện:

«1° Là không vừa với cái trình-độ của người trong nước. Nhân-tài nước tôi không phải là không có người thông-minh, nhưng mà chữ Hán với chữ Pháp, không có thể học cho kiêm thông được. Nếu học cho được một cái văn-bằng Pháp-chính cao-đẳng tốt-nghiệp thì đã hết sức rồi, lại còn phải học chữ Hán mà đi thi, thế có ích gì; ấy là một điều không tiện.

«2° Là mở ra một cái đường tốt cho người học làm quan. Không cứ là người phẩm-cách thế nào, hễ vào trường Pháp-chánh thì trong óc đã có một cái mê-mộng quan-trường, nay bị ngăn trở vì sự kinh-thi, thì thế tất phải tìm cách mà lo cho đậu. Đương lúc bây giờ là cái thời kỳ đạo-đức cùng công-lợi, ganh nhau làm tiêu-trưởng, nếu mở chống ra một cửa, thì chạy chọt đủ chăm đường, tài gì mà ngăn ngừa cho được; ấy là một điều bất tiện nữa.

«Không những thế mà thôi. Cách dụng-nhân đời xưa không có câu nệ một lối. Nước tôi cũng không phải chỉ lấy sự khoa-cử mà dùng người, có người do chân lại-điền mà làm đến thủ-tướng, như là ông NGUYỄN TRI-PHƯƠNG, có người do chân lính-mộ mà làm đến Tổng-đốc, như là ông ĐÀO HỮU-CHÍ,

hai ông ấy sau cũng lập được công-danh lớn, có tiếng trong triều ngoài quận, cùng với những người khoa-bảng như là ông PHAN THANH-GIẢNG, ông PHẠM PHÚ-THỨ, mà đứng tên trong liệt truyện danh-thần. Bởi vì khi trước trọng sự liêm-sỉ, mà cách làm quan cũng chỉnh đốn, cho nên mới thu được cái hiệu đắc-nhân như thế. Nay định bổ quan thì phải thi ở Huế, thế chẳng là hẹp lắm ư?

« Không cứ là cách thi ấy thế nào, nhưng cứ như nhời đã cho tôi biết: hoặc là vào học ở Huế, hay là tự mình học lấy biết một ít chữ Hán mới đi thi được. Thế thì lấy đôi ba bài văn chữ Hán làm cái thang bước cho sự làm quan trong ba mươi năm giời, tôi chỉn e rằng chữ Hán chưa thông, mà miễn cưỡng lấy đậu, thì không những là không ích mà lại sinh tệ. Vả chăng chỉ nhờ ở trong ba trường vào thi ấy, nếu đậu được thì ăn no mặc đủ cả đời, thế thì cái kết quả sẽ khiến cho người ta đều say mê về sự thi ấy nữa.

« Hán học là uyên-vi, nếu muốn bảo-tồn, thì phải lập ra một khoa học chuyên-môn riêng về Hán-học mới được. Bây giờ chữ Quốc-ngữ đã phát đạt, người bàn việc học ai cũng công-nhận cho chữ Quốc-ngữ là bản-vị về đường dậy phổ-thông. Học cách-trí thì học chữ tây, học luân-lý thì học phụ thêm chữ Hán, phải như thế mới vừa cái não-trí của người trong nước.

« Nếu cưỡng mà bắt học cả hai thứ chữ, thì khác nào hai tay bắt cá, chụp bên này, vớ bên kia, rồi ra cũng chẳng được gì. Xét như một sự các cậu Ấm đi hạch chữ hán, còn không thể thương được, huống chi sự thi-kinh lại là một cái vấn-đề rất lớn.

« Bây giờ muốn cho tiện-lợi, tưởng nên như thế này ; Người nào đã do trường Pháp-chính-cao-đẳng tốt-nghiệp rồi thì bổ cho làm chức tham-biện các sở, cho học-tập chánh-sự, đợi đến 30 tuổi, thì chiếu theo lệ « cử-tri » năm Minh-mạnh, người nào có quan trên tiến-cử, mới được bổ phủ-huyện, cho làm việc một năm, mà thi hành cái cách « nguyệt-khảo tuế-hội » 月考歲會 (tức là một tháng lược khảo một lần, đến một năm thì tổng kế lại), hễ ai ương hèn không làm việc được, thì trở về làm chức tham-biện, mà người tiến-cử cũng phải bị xử-phân.

« Còn như thăng lên đến quan tỉnh bắt đầu từ quan án-sát, phải có thi, như là cách nhà nước thi năm hạng quan cai-trị, trường thi thì lập ở kinh và lại phải có một lần đình-đối 庭對 chiếu theo lệ « dẫn-kiến » cho trọng sự thể. Còn sự bổ quan thì không câu-nệ người Nam người Bắc, cho hợp lẽ công-bằng.

« Nói tóm lại bây giờ muốn trọng nết liêm-sỉ, răn cách kiêu-hãnh, thức tỉnh cái mê-mộng của bọn quan-trường, thì nhờ ở một cái báo có sức mạnh để mà giám đốc sự nam-chinh. Báo *Nam-phong* như mạnh thật, tôi tuy bất tài, dám xin đứng phất cờ gõ trống....

« *Ký tên :* PHẠM-VĂN-THỤ »

II

MẤY NHỜI BÀN THEO

Chúng tôi được đọc cái thơ của cụ Tuần Thái-bình gửi lên phủ Toàn-quyền, bàn về sự lợi hại trường Pháp-chánh cao-đẳng, mà cụ lớn lại tổng-kết mấy nhời buộc về báo *Nam-phong* của chúng tôi. Báo chúng tôi mới xuất bản ra, mà may đâu được để vào tai một nhà đại-chính-trị, chúng tôi thực lấy làm vinh-hạnh lắm ; vì thế chúng tôi xin nối theo những ý-kiến trong thơ cụ-lớn đã nói mà bày tỏ ra ý-kiến riêng sau này, thiết tưởng cụ-lớn cũng sẵn lòng mà dạy bảo lại.

Cụ lớn lấy cái kiến-thức có kinh-nghiệm, mà bàn về cách dụng-nhân bây giờ, vẫn thực là châu-đáo. Trước

hết kể ra cái tệ-lập của quan-trường, phần thì thương cho vận-hội tổ-quốc, phần thì thương cho bọn thiếu-niên sau này.

Vả chăng cụ-lớn cũng là một người ở trong quan-trường, mà không thể nhịn được, phải đem cái tình-trạng của đám quan-trường mà bầy tỏ cho chánh-phủ biết, thế thời cái tình trạng của quan-trường thế nào, chúng ta nghĩ đến đủ hiểu được, không cần phải nói. Nay tôi chỉ bầy tỏ cái ý-kiến riêng mà thương lượng châm-chước những lẽ phải trái, không phải là tôi dám có ý biện bác; thật là chỉ muốn góp nhặt một đôi lời về phần dư-luận mà thôi.

Cách nhà nước lập ra trường Pháp-chánh cao-đẳng thế nào thì tôi đã nói qua trong bài xã-thuyết chữ hán kỳ thứ nhì rồi. Cứ như trong thơ cụ-lớn nói sự học trường Pháp-chánh và sự thi ở Huế thì có hai điều không tiện, điều bàn đó cũng rất là chính-đáng thật, nhưng mà lấy ý tôi nghĩ ra thì e cụ-lớn lại nghĩ nhầm rằng trường Pháp-chánh cao-đẳng sẽ lập sau này cũng như là trường Sĩ-hoạn, trường Hậu-bổ đã lập khi trước, cho nên mới lo sợ như thế. Cái cách-thức của trường Pháp-chánh dậy thế nào, sau này xin sẽ nói đến, nay tôi chỉ lấy sự học Pháp-chánh và sự đi làm quan là khác nhau mà giải rõ ra đây.

Học Pháp-chánh chẳng qua là một cái khoa-học thuộc về đường thực-nghiệp, không khác gì như trường học thuốc, trường công-chánh, trường nông-lâm, vân. vân. Sự học Pháp-chánh lại là ở trên bậc học phổ-thông; không phải như khi trước đã gọi rằng học chánh-trị mà hãy còn phải học luân-lý và cách-trí. Bởi thế cho nên bây giờ định lấy học-trò vào học trường Pháp-chánh phải có bằng trung-học tốt-nghiệp mới được, vì là cái mục-đích nhà nước cốt ở rèn đúc cho người An-nam có tư-cách nhà tư-pháp nhà chánh-trị.

Sao mà học Pháp-chánh cũng cho là thực-nghiệp-học? Vì là học được nghề thật-dụng để ra làm việc quan, như là chỗ y-viện thì có người y-sanh, chỗ công-cuộc thì có người kỹ-sư, chỗ nông-cuộc thì có người cán-sự, thế thì lẽ nào ở chỗ công-nha lại không có một người nào bằng với cái trình-độ như là y-sanh, kỹ-sư, cán-sự, để mà làm việc công ư! Mà người ấy là ai? tức là mấy ông tham-biện mới sau này. Muốn rèn đúc ra các bậc tham-biện ấy, thì phải có trường học Pháp-chánh. Tôi xin nói trước rằng học sinh tốt-nghiệp trong trường Pháp-Chánh mà ra, thì mới được *tư-cách làm việc quan*, chứ chưa cho là đã có *thể làm ông quan ngay được*.

Cái mục-đích của trường Pháp-chánh sẽ lập ra chỉ ở rèn-đúc những nhân-tài có thật-dụng, thế thì lấy chữ nào để dạy cũng được, hễ có thích-hợp thì thôi. Nếu nước ta bây giờ đã có sách giáo-khoa bằng chữ quốc-ngữ mà dủ dạy về đường Pháp-chánh, thế thì lấy chữ bản-quốc mà dạy người bản-quốc, thực là dân-tiện, nhưng mà cái vấn-đề ấy phải đợi đến năm mươi năm về sau mới có thể nói được. Còn như bây giờ vì cho dễ đón thầy giáo và chọn sách dạy thì chữ Pháp là tiện. Huống chi lấy học-trò có bằng Phổ-thông cao-đẳng tốt-nghiệp vào học, thì cũng có thể bớt được sự học tiếng, mà chỉ chuyên học về đường Pháp-chánh.

Học-trò Pháp-chánh đã chưa nhận cho là có tư-cách làm quan, thế thì người làm quan lại là một bậc người ở trên bậc học Pháp-chánh; muốn cho chứng-minh ra bậc người ấy thì phải dùng cách thi mới biết được, lấy cách thi mà dùng người, thì là cái lệ chung của các nước, vì là không những thi

mà chứng ra người có tài, lại còn nhân đó mà khiến cho dân phải công nhận là một người đã có cái tư-cách làm quan, thế thì sự hành-chánh mới có cái thế-lực tôn-trọng được.

Vậy cách thi sau này là thi những người có tài ứng-dụng về sự Pháp-Chánh, chứ không phải như khi trước chỉ thi lấy văn-chương. Vả lại cái tư-cách làm quan không những là chỉ có cái học Pháp-Chánh mà thôi, lại phải có cái tài ứng thế, cho nên sự thi ấy tưởng cũng phải hỏi những vấn-đề ứng dụng như là sự hành chánh, sự tư-pháp trong khi lâm thời và những điển-lệ Bản-triều cùng là tình-thể các xứ để xem cái tài ứng biến của mọi người ra thế nào. Sự thi ấy vì sao mà phải phụ thêm một đề chữ Hán? Bởi vì cách viết chữ của dân ta bây giờ cũng chưa được thống nhất, sự giáo dục thì có thể thi hành cho bọn học-sinh, mà chưa có thể biến bá ra khắp cả dân trong nước được, mà người làm quan thì chính là trực-tiếp với quốc-dân. Đã trực tiếp với quốc-dân thì phải cho thông rõ các lối chữ của quốc-dân đương dùng bây giờ, ví dụ như: có một người dân 50 tuổi trở lên muốn đi kêu quan việc gì mà chỉ có thể viết được một cái đơn chữ hán; hay là có một việc kiện mà phải đính theo những văn-tự trước đời Tự-đức; nếu ông quan ngồi trên công-đường mà không liếu rõ những đơn-từ giấy má ấy thì xử đoán thế nào được? Thế cho nên định phụ một đề chữ Hán, cốt là cố ép buộc cho người đã học tốt-nghiệp rồi, phải dụng công nghiên-cứu đấy mà thôi. Cứ như ý cụ-lớn, thì cụ-lớn chỉ e như sự thi khi trước, ba trường cũng toàn thi bằng chữ Hán, cho nên mới cho là không tiện, nhưng thế thực là trái hẳn cái bản-ý của chánh-phủ, chánh-phủ định chỉ dùng chữ Hán làm một đề phụ-thí, chứ không phải là chánh-đề. Nước ta bây giờ chưa có thể hóa cả dân trong nước mà làm thành một lớp dân mới được, vả lại sự hành-chánh và sự tư-pháp không có lẽ bỏ dân cũ mà không trông nom đến. Thế cho nên người làm quan phải dụng những bậc có thông-tài, để thủ ứng với xã-hội. Huống chi tất cả những điển-lệ của Triều-đình hãy còn dùng chữ Hán, có lẽ nào người đã ra làm quan mà không quan-hệ với Triều-đình dư? Tôi thiết tưởng như nhời Cụ-lớn nói, thì chỉ thuộc về tư-cách người làm việc, mà không phải là thuộc về tư-cách người làm quan vậy.

Chiếu như cách chánh-phủ định bây giờ thì người nào cũng phải có bằng Pháp-chánh cao-đẳng tốt-nghiệp mới được vào thi, thế thì trước do trường học để luyện cho có học chuyên-môn; sau do sự thi để nghiệm cho có tài ứng-biến; tưởng cách dùng người như thế cũng đã chu-chí lắm. Nay cụ-lớn lại sợ sự thi thường có cái tệ kiêu-hãnh được đậu mà không hợp lẽ công bình, tôi thiết tưởng dân nước ta quả như nhời cụ-lớn nói rằng không có liêm-sỉ, thế thì thi ở Huế mà tệ hãy còn ít, không thi ở Huế mà tệ lại còn nhiều. Vì sao? Sự thi ở Huế, thì trên có Đế-quyền giám-đốc và nhà nước Bảo-hộ chứng kiến cho, các quan trường thì đặt một hội-đồng, đầu bài theo một cách, thế thì thể-thống thật là nghiêm minh, mà tư-cách dùng người cũng nhất chí được. Nếu có người nào bụng không tốt, tính bề kiêu-hãnh mà lập công danh, nhưng mà quan trường nếu có muốn giúp đỡ cho, hãy còn vì ở gần dưới Đế-quyền và tai mắt nhà nước Bảo-hộ mà có lòng kiên-sợ, cũng không dám chắc là không tệ, nhưng nếu có sinh tệ nữa cũng chẳng qua là phần ít mà thôi. Còn như không thi thì cái tệ biết thế nào kể cho xiết được.

Cụ-lớn lại dẫn chứng cách dụng nhân của Quốc-Triều khi trước, như

là : ông Nguyễn Tri-Phương do chân lại-điển mà làm đến Thủ-tướng, ông Đào Hữu-Chí do chân lính-mộ mà làm đến Tổng-đốc, mấy ông ấy cũng được vào bậc danh-thần, nào có cần phải thi cử để dùng người. Tôi xin đáp lại rằng: sự ấy là cái ơn tri-ngộ của vua đối với thần-dân, nhưng mà phải có người được như ông Nguyễn, ông Đào mới hưởng được cái ơn tri-ngộ ấy. Còn như quốc-dân bây giờ cụ-lớn đã cho rằng đường công-lợi hơn mà đường đạo-đức kém, thế thì tài gì cả nước được hạng người như ông Nguyễn, ông Đào tất cả mà hòng lấy sự tri-ngộ làm một sự phổ-thông cho cách dụng-nhân ư ?

Lại chiếu theo ý cụ-lớn muốn dẫn cái lệ « Cử-tri » năm Minh-mệnh mà định rằng quan phủ huyện thì do ông thượng-hiến đứng cử, rồi sau mỗi tháng mỗi năm đều có khảo xét lại. Tôi thiết-tưởng lệ ấy thi hành năm Minh-mệnh thì được, mà thi hành ngày nay thì không tiện. Vì sao ? Cụ-lớn đã cho thời buổi bây giờ là lòng liêm-sỉ đã mất mà cuộc danh-lợi lại thành ra một sòng cờ bạc rồi, thế thì cái lương-tâm của xã-hội thế nào cũng đã biết rõ. Mà ông thượng-hiến cũng là một người trong xã-hội, ông thượng-hiến ấy nếu là bậc công minh, thì cũng có thể dùng để làm quan trường chấm quyển thi được. Nay sự thi ở Huế, cụ-lớn hãy còn không lấy làm chắc được, mà cụ-lớn lại dám chắc ở sự cử-tri của các quan thượng-hiến hay sao ?

Sự chấm quyển thi lấy đậu, là hợp cả đồng ý của các quan trường ; sự cử-tri thì chỉ bằng theo ý riêng một ông thượng-hiến ; quan trường với học trò thì vẫn không quen biết nhau bao giờ ; chứ còn như ông thượng-hiến với người thuộc-lại thì vẫn là thân nhau lắm. Không quen biết thì dụng tình khó, thân nhau thì dụng tình dễ. Huống chi người thuộc-lại thường ở với ông thượng-hiến, cái tính-tình ông ấy thế nào tất nhiên đã biết rõ, nếu phùng-nghênh cho khéo thì chắc được cử-tri. Nay thử kể Trung-kỳ và Bắc-kỳ, hơn ba mươi tỉnh, tất có hơn ba mươi ông thượng-hiến, vô luận là dụng tình hay không, ông nào làm thượng-hiến mà lại không muốn tác-thành một hai người thuộc-lại của mình, thì trong một năm đua nhau mà cử-tri, chánh-phủ cũng không có chỗ mà dùng cho hết người. Tôi lại e rằng những người có học-vấn tài-trí mà không biết cách chiều luồn, thì không ai thèm biết đến mà cử cho, thế tất người ấy cũng phải chịu mai một cái đời người hữu dụng, mà không thể xuất đầu được.

Nếu nói rằng sau khi cử-tri thì lại có cái cách khảo từng tháng một, từng năm một, nhưng mà ai đứng khảo, tất nhiên cũng là các ông thượng-hiến đứng khảo. Thế thì khiến cho người bắt đầu ra đi làm quan, đã phải chiều luồn ở trước khi cử-tri, rồi lại còn phùng-nghênh ở sau khi cử-tri nữa, hết tháng này đến tháng khác, hết năm này đến năm khác mà cái tư-cách của người mới bắt đầu ra làm quan chẳng hóa ra mệt nhọc lắm ư !

Nếu nói rằng có luật xử-phân để mà tài-chế các ông thượng-hiến, nhưng tôi xin hỏi : khi bấy giờ thì đứng xét ra mà xử-phân, có phải là cũng một ông thượng-hiến khác nữa không ? Nếu người làm quan mà có tài phùng-nghênh khi khảo chánh, đã được ông thượng-hiến cho rằng tốt, thì làm sao biết được cái liệt-tích của người ấy mà nghị theo luật xử-phân. Nói tóm lại thì cụ-lớn thấy sự thi-cử ngày trước nhiều điều tệ, muốn viện theo cái lệ cũ để hòng có trừ tệ, nhưng thiết-tưởng cụ-lớn thử nghĩ lại thì cũng đủ hiểu cách cũ ấy lợi hại ra thế nào.

Nhà nước Bảo-hộ bây giờ đương muốn sự chánh-trị nước ta cho được nhất-trí, thế cho nên phải đặt khoa thi để cầu cái tư-cách người làm quan cho

được nhất-trí. Bấy lâu nay cái cách dùng người đã phân vân bất nhất, may đâu nước ta bây giờ trên có Trưởng-quân trị vì, thì nhà nước Bảo-hộ muốn liên-lạc sự hành chánh sự tư-pháp trong hai kỳ để giúp đỡ Đế-quyền nước ta mà chỉnh-đốn tất cả mọi việc, thế cho nên mới định rằng hễ người nào muốn xuất thân đi làm quan, thì phải thi ở Huế. Ay là cái thâm-ý nhà nước đối với Đế-quyền nước ta, thật là trịnh trọng lắm. Huống chi chiếu theo như cách các quan tây thì vào hạng cai-trị, hễ mấy ông tham-biện Đại-pháp mà thi đậu, thì được công nhận có tư-cách làm quan mà bổ vào hàng các quan cai-trị, đến sau thì được tuần-tự mà thăng chức, không còn phải thi nữa. Thế thì cách thi ở Huế sau này thật là hợp như thể lệ ấy, nay cụ-lớn lại định rằng hễ thăng đến quan tỉnh bắt đầu từ quan Án phải đi thi ở Huế, thế chẳng là thêm phiền lắm ư? Vả chăng khi ra hành-chánh, thì tức là đã vào hàng quan lại bắt đầu từ quan Phủ Huyện mà kể đi. Nay cụ-lớn định rằng, thăng đến quan tỉnh mới khảo-thí thế thì khi làm phủ huyện lại không kể đến hay sao. Lại ví dụ như thi mà không đậu, thì người ấy đã không có cái tư-cách làm quan, khi bấy giờ có thể lại cho làm phủ huyện được nữa không, hay là có thể bãi cho về mà trừ tịch ra ngoài hàng quan-giới; ấy là một cái vấn-đề khó nghĩ thật. Nếu nói rằng sự thi ấy là chỉ đặt ra cho trọng thể, chứ không cần phải nhận cho là được tư-cách làm quan với không, thế thì có cần gì mà phải lập một khoa thi chiếu lệ như thế dư?

Tổng kết lại thì cụ-lớn vì thấy cái quan-niệm của người mình thuộc về sự đi học và sự cầu quan hãy còn say mê về đường danh lợi; cụ-lớn lại thấy cách học từ-chương và lối khoa cử ngày trước không có ích-lợi chi cho đời; cho nên muốn nhất-đao lưỡng-đoạn mà bỏ hết cái tệ tập ấy. Nhưng mà tôi thiết-tưởng không phải sự học ngày trước là sinh tệ, không phải lối viết chữ ngày trước là sinh tệ, cũng không phải sự khoa cử ngày trước là sinh tệ, tệ là ở lòng người vậy. Tôi xin có một nhời tỏ với anh em đồng-bào ta như thế này: *Học Pháp-chánh chẳng qua là một nghề học chuyên-môn, không phải là vào trường Pháp-chánh mà đã tự nhận mình đã có cái địa-vị ở trong quan-giới.* Sự khảo thí là cốt nhận được người đã học chuyên-môn, mà có tài ứng dụng, cũng như là các nghề chuyên-môn khác nhận cho được vào hàng bác-sĩ vậy. Không phải là trong nước chỉ có một đường thi cử ấy được làm ra vinh hiển phú quí, mà ở ngoài đường ấy thì toàn không có sự nghiệp gì khác nữa đâu. Còn như làm quan là gánh một phần việc trong xã-hội, cũng như là nghề làm thuốc, nghề làm thợ, nghề làm ruộng, nghề đi buôn, đều là có ích cho xã-hội cả, không phải là cốt lo làm được ông quan, chỉ có quyền-lợi mà không có nghĩa-vụ, mà lại lo chắt lót cầu cho đủ vốn như trong thơ của cụ-lớn cho sự làm quan là một sòng cờ bạc vậy. Thế thì quốc-dân ta cũng nên tỉnh thức những cái mê-mộng ngày trước mà lo làm sao cho có thật dụng, không nên giữ lấy thói cũ mà phụ ơn tác-thành của nhà nước, và khiến cho mấy nhời hồ nghi của cụ-lớn lại thành ra mấy nhời chính đáng về sau này. Khuyên các bậc thiếu-niên nước ta, hãy lấy cách học hành và cái phẩm-cách ở đời mà tỏ ra rằng nhời cụ-lớn ngờ-vực thế là không phải; cụ-lớn được biết thế chắc hẳn cũng bằng lòng vậy.

NGUYỄN-BÁ-TRÁC

TIỂU-THUYẾT

TRUYỆN CÁI DẤU ĐỎ (1)

Tiểu-thuyết Pháp của ALFRED DE VIGNY

PHẠM QUỲNH *dịch ra quốc-ngữ*

CHƯƠNG THỨ NHÌ

(Tiếp theo kỳ trước)

Tôi chèo lên trên gác tầu hút nốt điếu thuốc, đứng mãi đến đêm.

Bấy giờ đi đến ngang quần-đảo Cát-duy-nhĩ. Tầu *Mã-lạp* đi đúng lệ 10 hải-lí một giờ, hướng gió thuận-tiện. Bình-sinh tôi chưa được trông thấy ở gần đường sích-đạo một đêm nào là đẹp bằng đêm hôm ấy. Mặt giăng mọc ở chân giời lên, to bằng mặt giời. Mặt bể hình như cắt vừng giăng ra làm đôi, nước trắng sóa như một cái thảm bằng tuyết trên rắc những hạt kim-cương. Tôi ngồi trên ghế vừa hút thuốc vừa nhìn. Viên quan « phiên » (2) và thủy-thủ cũng không ai nói năng gì cả, cùng nhìn cái bóng tầu ở dưới nước như tôi. Tôi không nghe thấy ai nói gì cũng bằng lòng, vì tôi vốn ưa tĩnh-mịch yên-ổn. Tôi đã hạ-lệnh cấm trong tầu không được ai làm rộn-rịp, không được thắp đèn lửa gì cả. Song mà tôi còn trông thấy ngay dưới chân tôi có một tí lửa đỏ. Tưởng bấy giờ nổi giận ngay lên được ; nhưng xét ra lửa sáng ở chỗ hai vợ chồng anh đi đầy, nên tôi muốn nhìn xem họ đương làm gì đã. Chỉ phải cúi đầu xuống một tí là trông qua cái cửa nhỏn mà nhìn vào trong buồng nhỏ của họ được. Tôi bèn thấy cái cảnh-tượng như thế này :

Chị ta thì đương quì mà cầu nguyện. Có một cái đèn nhỏ thắp sáng, chị ta mặc áo ngủ, tôi đứng trên trông thấy hai vai để trần, hai chân sinh-sắn cũng để trần, một đống tóc vàng tỏa-tuê. Tôi đã muốn tránh ra chỗ khác, nhưng nghĩ trong bụng rằng : mình là một nhà quân giả, có trông cũng chẳng hề gì. Nên đứng lại xem.

Chàng ta thì ngồi trên một cái hòm nhỏ, tay ôm đầu, nhìn vợ cầu. Chị ta ngẩng đầu cao lên như trông lên giời, tôi thấy hai con mắt to và xanh tầm ướt như mắt nàng Mã-đức-lôi-ni ngày xưa (3) Chị ta đương cầu thì anh chàng cầm lấy dầu ngọn tóc dài mà hôn sè-sẽ. Cầu xong thì làm dấu chữ thập, tủm-tỉm cười, như giáng người sắp được lên Thiên-đường. Tôi trông anh ta cũng làm dấu chữ thập như vợ, nhưng xem như có ý ngượng-ngập. Cứ thực thì một người đàn ông mà làm thế cũng lạ thật.

Chị ta đứng dậy, hôn chồng, rồi chồng không nói gì mà ẵm dặt nằm vào trong võng như người ta đặt đứa trẻ con nằm vào cái đu. Bấy giờ giời bức nực lắm : tầu chạy súc sắc như người đưa võng, êm-êm đã thấy như thiu-thiu ngủ. Chân sinh-sắn trắng nõn, vắt chữ-ngũ lên cao bằng đầu, áo ngủ trắng dài. Quả như một nàng tiên vậy !

---

(1) Xem *Nam-phong*, số thứ 2, trang.....

(2) Quan phiên là quan đến lượt, đến phiên phải coi tầu.

(3) Mã-đức-lôi-ni là một người đàn-bà có tội ở nước Do-thái ngày xưa, ông Gia-tô cảm-hóa cho theo đạo Cơ-đốc. Đời sau dùng tên ấy để chỉ những người đàn-bà có điều khổ-hận trong lòng.

Nửa ngủ nửa thức bảo chồng rằng : — Mình ôi, mình không buồn ngủ, à? Đã khuya rồi đấy, có biết không?

Anh ta cứ hai tay ôm trán, không giả nhời. Chị bé thấy thế có ý hãi-hùng, bèn thò cái đầu mĩ-miều trong võng ra, như con chim thò đầu ra ngoài tổ, rồi vừa nhìn vừa hơi hé mồm mà không dám nói gì.

Sau anh ta mới nói :

— Ái-khanh ôi! ta càng đi gần đến Mĩ-châu thì tôi lại càng thấy trong bụng buồn lắm. Tôi không biết làm sao, tưởng như cái thời-kỳ sung-sướng nhất trong đời ta là cái thời-kỳ đương đi bể này đây.

Chị ta cũng nói rằng : — Tôi cũng tưởng như thế, mà tôi muốn cứ được đi mãi không bao giờ đến nơi.

Anh ta chắp hai tay lại mà nhìn vợ, trông cái cảm-tình lúc bấy giờ không thể nào bình-dung ra được.

Anh ta nói : — Ái-khanh ôi! thế mà lần nào cầu-nguyện Thiên-chúa, ái-khanh cũng khóc. Tôi lấy làm phiền lòng lắm, vì tôi biết ái-khanh thương nhớ ai, tôi tưởng bây giờ ái-khanh nghĩ đến việc cũ mà tiếc.

Chị ta đáp lại, cái giọng buồn rầu lắm : — Tôi mà lại tiếc ư! Mình ôi, tôi mà lại tiếc vì đã theo mình đi, ư? Hay mình tưởng rằng tôi mới về với mình chưa được bao lâu mà tôi kém yêu mình chăng? Tôi tuy mới có 17 tuổi, nhưng tôi há lại không biết cái nghĩa-vụ một người vợ, ư? Mẹ tôi, các chị tôi, chẳng đã khuyên tôi rằng cái nghĩa-vụ của tôi là phải theo mình sang đất Mĩ-châu, ư! Mẹ tôi, chị tôi chẳng đã bảo tôi rằng cái nghĩa-vụ ấy cũng là một sự thường mà thôi? Tôi chỉ lạ rằng có gì mà mình lấy làm cảm động. Cái đó thật là một sự tự-nhiên. Tôi thấy mình nói bây giờ tôi không hiểu làm sao mà mình lại tưởng rằng tôi còn tiếc gì nữa. Nay tôi theo mình để sống cùng với mình, mà mình có chết thì cùng chết với mình vậy.

Chị ta nói bấy nhiêu câu, tiếng êm-ái như tiếng đàn. Nghe thấy mà tôi cảm-động cả trong người, nghĩ bụng rằng :

— Con người khá vậy!

Chàng ta đập chân xuống thở dài, vợ chìa cái bàn tay mĩ-miều, cái cánh tay để trần, cho mà hôn vào đấy.

Chàng ta nói : — Ái-khanh ôi! ái-khanh ôi, giả-sử ta chậm làm lễ cưới bốn ngày thì chỉ một mình tôi phải bắt, một mình tôi phải đi thôi. Hễ bao giờ tôi nghĩ đến nông-nỗi ấy thì tôi lấy làm hối-hận vô cùng.

Chị bé ta bèn thò ra ngoài võng hai cái cánh tay trắng đẹp như ngọc như ngà, để trần đến tận vai, rồi hôn-hít chồng vào trán, vào tóc, vào mắt, ôm lấy đầu như muốn mang giấu vào trong ngực. Hắn cười nụ như đứa trẻ con, nói vô-số những câu nựng-nịu của dàn-bà, tôi nhất sinh chưa được từng nghe bao giờ. Lại lấy ngón tay che mồm chồng đi mà nói một mình. Vừa nói vừa chơi, vừa lấy mái tóc dài làm như cái khăn mặt mà quệt nước mắt cho chồng. Hắn nói :

— Mình, nhỉ? Có một người vợ yêu đi với mình thế chẳng hơn ư? Tôi thì tôi bằng lòng đến Cai-yên. Ở đấy có người rừng, có cây dừa như trong tiểu-thuyết *Paul et Virginie*, có phải không? Rồi ta giồng mỗi đứa một cây dừa. Xem ai khéo làm vườn hơn ai. Ta dựng một cái túp nhỏ để hai đứa ở. Rồi tôi làm-lụng cả ngày, đêm nữa có việc làm tôi cũng sẽ chịu khó mà làm. Tôi khỏe mạnh ; này, trông cái cánh tay tôi này ; — này tôi nhấc nổi được mình lên. Đừng có cười tôi ; tôi biết cả thêu thùa khéo lắm. Ở đấy lại không có cái tỉnh nào cần dùng đến đàn-ba thêu-thùa, ư? Tôi dạy học vẽ, dạy đánh đàn cũng

được. Ở đấy người ta có biết xem sách thì mình làm sách.

Tôi còn nhớ anh chàng ta nghe vợ nói đến đấy, kêu lên một tiếng rất là thê-thảm mà rằng :

— Làm sách, làm sách, than ôi !

Rồi tay trái cầm lấy tay phải, vừa cầm vừa vặn chỗ cổ tay mà nói :

— Than ôi ! làm sách ! sao tôi lại biết làm sách làm gì ? Làm sách ! thật là cái nghề thằng dại vậy ! . . . Tôi quá tin cái nhời « ngôn-luận tự-do » của chúng nó ! — Không biết bấy giờ tâm-thần tôi đi đâu ? Ừ, mà tôi có làm cái gì ? Chỉ vì xuất-bản có năm sáu cái ý-kiến tầm-thường, kẻ ưa thì xem cho, kẻ chẳng ưa thì đốt đi, nào có ích-lợi gì, chỉ đủ khiến cho mình phải khổ-hại. Một mình tôi thì đã đành, nhưng mà mình kia, nhưng mà cái thân tiên này mới làm vợ ta chưa được bốn ngày giời, đã làm nên cái tội gì ? Ta không hiểu làm sao mà ta lại để cho mình quá yêu đến nỗi theo ta đến tận đây ? Ái-khanh ôi ! mình có biết ở đây là đâu không ? Mình có biết mình đi đâu không ? Ái-khanh ôi ! không mấy nỗi nữa mà một nghìn sáu trăm dặm xa cách mẹ, xa cách chị em . . . mà thế cũng chỉ vì tôi ! cái khổ ấy cũng là chỉ vì tôi !

Chị ta giấu đầu vào trong võng một chốc, tôi đứng ở trên trông thấy khóc; nhưng mà anh ta ở dưới thì không trông thấy mặt vợ: đến khi thò đầu ở trong võng ra thì mặt đã tươi cười để cho chồng khuây-khỏa.

Cười nức-nở mà nói rằng : — Này chúng mình bây giờ thật là cạn tiền; trông cái túi của tôi, chỉ còn chọi một đồng tiền vàng. Mình thế nào?

Anh ta cũng cười như trẻ con mà rằng:

— Thực tôi chỉ còn có một đồng-bạc, nhưng tôi lại cho thằng bé con nó mang hòm cho mình rồi.

Chị ta bứt ngón tay kêu tanh-tách mà nói rằng:

— Mà cũng chẳng cần gì ! Không lúc nào sướng bằng lúc không có đồng su trong tay. Tôi còn để dành được hai cái nhẫn kim-cương của mẹ tôi cho đây. Cái của ấy ở đâu cũng dùng được, có phải không? Bao giờ mình muốn bán thì ta đem bán nó đi. Vả lại tôi tưởng rằng ông lão chủ tầu nói tốt với mình như thế không phải là vị riêng chúng mình đâu, hẳn lão ta biết ở trong cái thư ấy nói gì. Chắc là cái giấy giới-thiệu ta cho ông tổng-đốc Cai-yên đấy.

Anh chàng nói: — Dễ thường thế, biết đâu đấy?

Chị bé lại nói rằng: — Có phải không? Mình hiền từ như thế, tôi chắc rằng chính-phủ chỉ bắt đầy đi ít lâu, mà không thù gì mình đâu.

Chị ta nói bấy nhiêu nhời khéo quá, lại gọi tôi là ông lão chủ tầu, tôi nghe thấy mà cảm-động êm ái cả trong lòng; tôi lại mừng thầm rằng có dễ chị ta đoán trúng về cái thư dâu đỏ kia. Hai người lại hôn nhau nữa; bấy giờ tôi mới đập mạnh chân xuống cái phản tấu để cho thôi đi. Tôi gọi to lên rằng :

— Này anh-chị kia, có lệnh phải tắt cả đèn lửa trong tầu. Tôi xin thổi cái đèn ấy đi cho tối.

Họ bèn thổi cái đèn đi, tôi nghe thấy vừa cười vừa nói sè sẽ trong só tôi, như hai đứa học-trò nhỏ. Tôi lại đi rạo chơi một mình trên gác tầu, vừa đi vừa hút thuốc. Các vì sao ở đường sích-đạo trông đủ mặt cả, ngôi nào cũng to bằng cái mặt giăng nhỏ. Tôi vừa nhìn vừa hô-hấp cái không-khí mát và lành.

Tôi nghĩ bụng rằng chắc hai đứa trẻ ấy đã đoán trúng được sự thực, mà tội hớn-hở cả người lên. Cũng có nhẽ rằng trong năm ông Giám-quốc có một ông nghĩ lại mà gửi hai đứa bé ấy cho tôi.

Tôi cũng không giải rõ nó ra làm sao, vì có những việc quốc-sự tôi

không bao giờ hiểu được, nhưng mà trong bụng tôi tin như thế, và không biết làm sao, tôi lấy làm bằng lòng lắm.

Tôi xuống dưới buồng tôi; tôi nhìn cái thư để sau bộ quần-phục cũ của tôi. Cái thư bấy giờ trông hình-dạng nó khác; tôi xem tựa-hồ như nó cười với tôi, mà mấy cái dấu thì như là sắc hồng cả. Tôi không nghi cái bụng nhân-từ của cái thư ấy nữa, tôi ra hiệu nhỏ để biểu cảm-tình với nó.

Dù vậy mà tôi lại cứ khoác cái áo lên trên; vì tôi trông nó vẫn có ý tức mình.

Mấy hôm sau không ai nghĩ trông đến cái thư ấy nữa, ai nấy đều vui vẻ; nhưng mà khi đi gần đến đường kinh-độ thứ nhất thì đã thấy không ai truyện-trò gì nữa.

Một buổi sáng, tôi thức dậy không thấy trong tầu động đậy gì cả, hơi lấy làm lạ. Cứ thực ra thì như tục-ngữ thường nói tôi chỉ ngủ có một mắt, thấy tầu không rung-truyền nữa thì mới mở cả hai mắt ra. Bấy giờ đương đi trong một quãng bể phẳng-lặng như tờ, chính giữa đường kinh-đạo bắc thứ 1, vĩ-đạo thứ 27 vậy. Tôi thò mặt lên trên gác tầu, thấy mặt bể chơn mỡ như một trĩnh dầu; bao nhiêu cánh buồm dương lên thì quấn cả vào cột buồm, như quả khinh-khí-cầu rỗng. Tôi nhìn thẳng vào cái thư mà tựa hồ như nói với nó rằng: «Đợi đấy, sắp đến lúc ta đem mày ra xem đây.» Tôi đợi mãi đến chiều, lúc mặt giời lặn. Song cũng phải đến mở ra xem mới xong: tôi bèn mở cái đồng-hồ, tôi lôi phắt cái phong thư đóng dấu ra. Tôi cầm nó trên tay đến một khắc đồng-hồ, ông ạ, mà tôi vẫn chưa dám đọc. Sau tôi nghĩ bụng rằng: «Thế này mãi thì cũng lạ quá thật!», tôi bèn lấy ngón tay cái đập vỡ ba cái dấu ra, còn cái dấu đỏ nhớn thì tôi bẻ vụn cho nó nát ra.

Đọc xong rồi, tôi còn xoa mắt mãi, tưởng rằng đọc nhầm.

Tôi lại đọc lại suốt cả cái thư, xong rồi lại đọc lại một lần nữa; sau tôi lại đọc ngược lại từ giòng cuối cho lên đến giòng đầu. Tôi vẫn không tin. Chân tôi như hơi muốn ngã nghiêng ra, tôi phải ngồi xuống, nét mặt tôi muốn như rung-động; tôi lấy một ít rượu mạnh bôi vào má, và để vào giữa bàn tan. Trông thấy mình lúc bấy giờ thảm như thế mà tự mình lại thương mình. Nhưng mà chỉ có một lúc thôi. Tôi bèn chèo lên gác cho hả hơi.

Nàng La-lôi-đức ngày hôm ấy trông mĩ-miều quá, mà tôi không muốn lại gần. Nàng ấy mặc một cái áo trắng nhỏ đơn-sơ lắm, cánh tay để chần cho đến cổ, tóc dài tỏa-tuê như mọi khi. Đương chơi đùa buộc cái áo vào cái thừng thả chìm xuống bể, rồi vừa cười vừa lấy cái áo ấy mà ngăn lấy những cây «nho bể,» tức là một cây ở bể giống như chùm nho, thường nổi trên mặt bể trong vùng nhiệt-đải.

Nàng kêu lên gọi chồng rằng: «Lại đây mà xem quả nho, lại nhanh lên!» Anh chàng chạy lại tựa vào vợ, cúi xuống, mà không nhìn vào nước, nhìn vợ một cách rất thương yêu.

(*Còn nữa xem kỳ sau*)

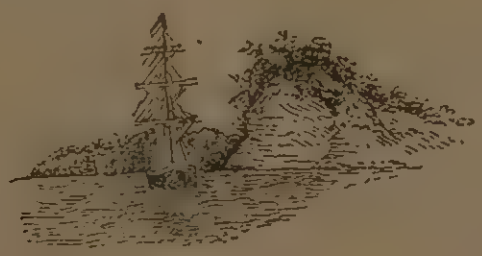

THỜI-ĐÀM

VIỆC THẾ-GIỚI

Trong bài *Thời-đàm* kỳ trước, bản-báo đã kể tường về mấy việc nhớn trong thế-giới từ đầu năm đến giờ, như việc cách-mệnh nước Nga, việc nội loạn nước Tàu. Vậy lần này các nhà đọc báo đã biết đầu đuôi ngành-ngọn các việc ấy rồi, thì chỉ phải thuật những việc sẩy ra trong thế-giới trong khoảng một tháng vừa qua. Bài *Thời-đàm* trước kết luận đến ngày 20 tháng 8, bài này bắt đầu tự ngày ấy cho đến ngày 15 tháng 9 này.

Việc chiến-tranh

Đứng đầu sổ các việc vẫn là việc chiến-tranh. Không những thế, mà sự chiến-tranh hiện nay thực là gồm cả các việc nhớn trong thế-giới, không có một việc nào xuất-hiện ra mà không có quan-hệ với sự chiến-tranh. Song cuộc chiến-tranh trong tháng mới rồi cũng vẫn còn phân-vân như mấy tháng trước, quân Đồng-minh được thắng-lợi ở nhiều nơi, nhưng chưa có trận nào quyết-chiến. Nay thời-tiết đã sang thu, tất từ giờ hai bên đánh nhau riết, kẻo đông đến khí-giới lạnh-lẽo sự hành-chiến sẽ bị ngăn-trở nhiều mà phải đình-hoãn đến tận mùa xuân sau. Như từ hạ tuần tháng tám đến trung-tuần tháng chín này thì các việc chiến-dịch nhớn là phần nhiều ở mặt quân Pháp cùng mặt quân Ý cả, còn các mặt khác vẫn nhùng-nhằng như thường, trừ mặt Nga đương bối rối về việc nội-biến nên bị quân Đức chiếm-cứ mất thành Riga là một cửa bể to trong bể Baltique.

Mặt Pháp. — Trước hết xét qua tình-hình mặt quân Pháp. Hàng trận ở mặt Pháp chia ra làm ba đoạn nhớn : đoạn trên tiếp-giáp nước Tỉ là nơi đồng-bằng Flandres, quân Pháp-Anh cùng giữ; đoạn giữa là miền sông Aisne ; đoạn dưới là hai bờ tả-hữu sông Meuse, nơi trung-tâm là thành Verdun. Ở đồng-bằng Flandres thì tuy nước lụt mà quân Pháp-Anh vẫn tiến lên mặt Langemarck, chung quanh thành Lens cùng phía tây Steenbeck. Ở đất Tỉ thì hai quân vẫn đánh nhau với quân Đức ở trên bờ sông Yser cùng miền phụ-cận thành Ypres. Tuy quân Đức đến phản-kích rất mạnh mà quân Pháp-Anh vẫn giữ được các trận-địa, mà lại tiến thêm được ít nhiều nữa. Nhưng đánh nhau dữ nhất vẫn là ở mặt thành Verdun. Hàng-trận ở đây dài đến 18 cây-lô-mét, sâu đến 2 cây-lô-mét, tự rừng Avocourt cho đến phía bắc Bezonvaux. Đánh nhau cả hai bên bờ sông Meuse, bắn cả đêm cả ngày, mỗi bên đến mấy nghìn khẩu đại-bác thi nhau mà phóng-pháo. Quân Đức chống lại cũng đã hết sức, đem 5 sư-đoàn quân dự-bị và dùng đến 400 pháo-đội để bắn đạn có khí độc vào quân Đồng-minh. Dù vậy mà quân Đồng-minh vẫn được phần hơn. Tổng-kế những sự thu-hoạch của quân Đồng-minh ở miền Verdun được những số như sau này : 7 nghìn 7 trăm chiến-tù (trong số có ngót 2 trăm quân-quan), 6 trăm quân bị-thương, 45 khẩu đại-bác, 2 trăm súng cơ-quan. Ngày 25 tháng 8 quân Pháp đánh vào khoảng giữa rừng Avocourt và núi Morthomme, chiếm cái gò số 304 là nơi hiểm-yếu nhất của quân địch, tiến lên được 2 cây-lô-mét. Cứ ý-kiến các nhà thông-tin Anh ở quân Pháp thì trận đánh gò số 304 ấy thực là một cái chiến-tích to của quân Pháp, nhờ đó mà chiếm

được các trận-địa tốt trên bờ sông Meuse. Hiện nay thì hai bên vẫn bắn nhau trên sông ấy dữ lắm. Quân Pháp đánh ở miền rừng Fosses và rừng Caurières càng ngày càng thấy đắc-lợi, quân địch phản-kích lại chỗ nào thì đánh tan chỗ ấy. Nói rút lại cái thế-trận ở mặt Pháp mỗi ngày một tấn tới hơn trước nhiều. Từ nay đến mùa đông còn đợi một lần quyết-chiến nữa. Quân Pháp đã đánh được nhiều trận nhỏ ở suốt giọc quân tất sẵn-sàng mà đánh dấn một trận nhớn để phân thắng-bại.

Mặt Ý. — Quân Ý vẫn tiến lên ở tả-ngạn sông Isonzo. Dùng hơn 2 trăm chiếc tầu bay để giúp sức cho bộ-binh mà phóng-pháo vào quân Áo. Đại-bác thì đem theo đến mấy nghìn khẩu, không kể trọng-pháo của Anh. Hiện đã tiến đến núi Hermanda, ở đấy quân Áo giữ kỹ lắm, dùng rặt những tinh-binh. Nếu đánh được núi ấy thì tiến vào thành Trieste, không khó gì. Nhưng cái chiến-tích hiển-hách nhất trong thời-kỳ mới rồi là sự chiếm-đoạt được những đường tụy-đạo, hầm-hố cùng hang-hốc ở núi Monte Santo. Cả sư-đoàn thứ 12 của Áo, thường gọi là « thiết-đoàn » (*division de fer*) bị phá-tan ở đấy. Quân Áo bị hại cùng hư-hỏng mất ngót 7 vạn người vì một trận ấy. Quân Ý lấy được núi Monte Santo thì không sợ nguy về mặt thành Gorizia nữa. Có điện ở kinh-đô Đan-mạch nói rằng chính người Áo cũng phải nhận rằng số quân Ý đánh ở trên sông Isonzo nhiều đến 65 vạn người. Bây giờ thì quân Ý vẫn tuần-tự tiến lên ở nơi cao-nguyên Banzizza cùng sườn núi San-Gabrielo. Nghe nói nước Ý đã gọi được đến 4 triệu 2 trăm vạn quân. Như thế thì chắc nay mai cũng có một phen quyết-chiến, sự kết-quả tất lợi cho quân Ý nhiều.

Mặt Nga, mặt Lỗ-mã-ni cùng các mặt quân khác. — Ở mặt Nga thì vì trong nước đương có biến-loạn, nên việc chiến-tranh không được lợi. Quân Nga mấy phen phải đánh lùi về. Ngày 4 tháng 9 thì có điện nói rằng thành Riga bị quân Đức chiếm-cứ, mà quân Nga thì vẫn phải lùi về phía bắc sông Aa. Nghe đâu quân Đức đã giữ các đường giao-thông, muốn tìm cách tiến vào tận Nga-kinh. Chính-phủ đã định thiên-đô, nhưng sau lại có tin nói hoãn lại vì hiện chưa có sự gì nguy-hiểm đến kinh-đô. Nói rút lại thì tình-thế về mặt Nga cũng có điều nguy lắm ; dưới này ta sẽ kể việc chính-trị trong nước hiện đương bối-rối là chừng nào.

Nhân mặt Nga đánh không đắc-lợi, nên ở mặt Lỗ-mã-ni, quân Lỗ cùng quân Nga cũng phải lùi nhiều. Hiện nay thì suốt giọc quân giữ thế thủ, đợi đến bao giờ cái tình-thế tốt hơn mới dám tái hành công-thế. Các trận-địa cốt-yếu vẫn giữ được.

Còn về các mặt quân khác thì cái tình-hình vẫn không thay đổi, không có sự chiến-dịch gì to đáng thuật cả. Ở mặt Tắc thì quân Bảo-cứ phóng-pháo vào thành Monastir, cháy mất một phần to trong tỉnh-thành. Hai quân vẫn đánh nhau ở phía Bắc Monastir. — Ở Salonique mới rồi cũng tự-nhiên mấy lần phát-hỏa, cháy mất quá nửa thành-phố, quân Đồng-minh đóng ở nơi phụ-cận thành không hại gì, nhưng người dân trong thành bây giờ khổ-sở lắm ; đến mấy vạn con người không có nơi ăn chỗ ngủ ; các nước Đồng-minh cùng nước Hi-lạp có cho đến phát-chẩn để cứu những người ấy. Người Hi-lạp thì nay thực là về bè với Đồng-minh rồi. Nhờ ông thủ-tướng Venizelos, trong nước đã đặt nghiêm luật, những dư-đảng của Đức cùng những bọn quấy dối nay đã trừ gần hết.

Nói tóm lại thì thuộc về cuộc chiến-tranh cái đại-thế trong tháng mới rồi, cũng không khác tháng trước mấy tí. Các hàng trận tuy có di-dịch một đôi tí,

lợi cho bên Đồng-minh, nhưng đại-đề vẫn chưa có thay đổi lắm. Thế nào từ giờ đến cuối năm cũng có một trận nhớn quyết-định thế quân hai bên. Có một điều nên mong-mỏi là cái nội-tình nước Nga ràng-rạng ra một chút thì sự chiến-tranh về phần Đồng-minh mới có thể tấn-tới được nhiều.

Việc chính-trị ngoại-giao

Việc nước Nga. — Hiện nay cái nội-tình ấy xem ra bối-dối quá chừng. Nước Nga đã qua khỏi mấy buổi nguy-cơ như ta kể trong bài *Thời-đàm* kỳ trước, tưởng đã thoát nạn, ai ngờ hết nạn ấy lại sắp đến nạn khác.

Lâm-thời chính-phủ thì vẫn ở tay ông Kerensky làm thủ-tướng. Ông người anh-hùng quả-quyết nên đã ra tay thiết-huyết mà bình được mấy nạn trước. Tưởng nước Nga từ nay được yên-ổn việc trong, đành lòng mà mưu sự chiến-tranh ở ngoài. Hồi hạ-tuần tháng 8 có tin đại-tướng Korniloff lên làm thống-tướng các quân-đội nước Nga. Đại-tướng vốn là người thuộc về đảng dân-chủ, vậy ai cũng nghĩ rằng đại-tướng cùng với thủ-tướng Kerensky là đồng-ý với nhau. Ngày 3 tháng 9 lại có điện Nga-kinh nói rằng lâm-thời chính-phủ đã hai ba lần biểu lòng tín-nhiệm với đại-tướng Korniloff, chuẩn các nhời xin của đại-tướng về sự chỉnh-đốn kỷ-luật trong quân-đội cho quân được nghiêm hơn trước. Mấy hôm sau thì thấy tin Lục-quân tổng-trưởng Savinkoff từ chức vì không đồng-ý với thủ-tướng Kerensky, mà thống-tướng Korniloff thì xem ra về bè với Savinkoff. Rồi vụt từ ngày 10 tháng 9 tiếp được luôn mấy cái điện kinh-ngạc như sau này, xem đấy thì biết nội-tình nước Nga thực là bối-rối, mà đầu đuôi mọi việc ta không được biết tường.

Điện *Havas* ở Paris, ngày 11 tháng 9 thì nói rằng: « Thống-tướng Korniloff « bắt thủ-tướng Kerensky phải giao « quyền chính-trị cho mình. Kerensky « không nghe, bắt Korniloff phải từ- « chức, tạm giao chức thống-tướng cho « đại-tướng Klombousky. Đặt quân-luật « ở thành Petrograd cùng các địa-hạt « phụ-cận. Chính-phủ mời đại-tướng « Alexeieff (là thống-tướng cũ) lĩnh « chức thống-tướng ; nghe như đại- « tướng không thuận. — Quân của « Korniloff tiến lên kinh-đô, đến cách « tỉnh-thành 2 trăm dặm. Kerensky « truyền cho phải dừng lại đấy, đợi « mệnh-lệnh. — Các viên tổng-trưởng « khác trong nội-các xin từ-chức cả, « để cho Kerensky được tự-do hành- « động. Viên đốc-quân ở Petrograd « cũng xin từ-chức. Kerensky sai tống- « giam nhiều người lắm. Dân-gian rất « là kích-động kinh-hãi. Sợ hai bên « quân-đội áp-chiến nhau. »

Hôm sau có điện Nga-kinh ngày 11 tháng 9 mới rõ thêm được một chút. Điện rằng: « Hội ủy-viên của các Hội- « nghị đảng công-binh cùng đảng dân « nhà-quê gửi tờ truyền cho các Hội « ủy-viên của lục-quân thủy-quân nói « rằng tướng Korniloff hiện đương « mưu dùng quân-đội để phá đảng cách- « mệnh và sai quân lên Petrograd để « bãi đổ lâm-thời-chính-phủ. Các quân- « nhân đừng nên tưởng nhầm rằng sai « lên kinh-đô thế là để phá đảng « quá- « kích » (*maximaliste*) lập mưu phản « nước đâu. Vậy các hội ủy-viên xin « với các hội quân-nhân đừng vâng « mệnh-lệnh của Korniloff cùng các « tướng đồng-đảng nữa. »

Xem đấy thì biết mưu của tướng Korniloff là muốn phá đổ lâm-thời-chính-phủ của Kerensky. Nhưng hiện chưa biết bởi sao mà lập ra mưu ấy.

Tin mấy hôm sau thì nói rằng kỵ-binh của Korniloff đã đến cách Nga-kinh 30 dặm. Đại-biểu của quân Khatát-khắc (*Cosaques*) đến đoan với Kerensky rằng sẽ hết sức giữ cho khỏi

nội-chiến. Có người đồn rằng KORNILOFF nói vì trong chính-phủ có nhiều người về đảng nước Đức nên mới định lên phá đổ đi. Không biết thực hư thế nào. Tin về sau này thì mỗi ngày một sấu.

Điện ngày 13 nói rằng quân Chính-phủ với quân KORNILOFF vẫn cách xa nhau, chưa có áp-chiến. Hiện đương điều-đình. Nhưng chính-phủ không chắc rằng KORNILOFF chịu thôi.

Một cái điện nữa thì nói rằng tình-thế còn phân-vân lắm, vì chỉ biết có tin một mặt chính-phủ mà thôi, không biết về bên KORNILOFF thế nào. Tướng KLEMBOUSKI lĩnh chức thống-tướng. Hai tướng KENIQUE và VOLONG đái-lĩnh quân mặt Tây Nam về bè với KORNILOFF. KORNILOFF thì hiện đã đến Gatchina, gần kinh-đô.

Lại điện *Havas* về sau thì nói rằng nhiều tướng về bè với KORNILOFF, chính thống-tướng KLEMBOUSKI cũng vào số ấy. KERENSKY lĩnh chức thống-tướng. ALEXEIEFF làm tư-lệnh-bộ tổng-trưởng. Tin sau cùng thì nói rằng KERENSKY cùng ALEXEIEFF còn đương điều-đình thương-thuyết với KORNILOFF, có nhẽ không đến lưu-huyết.(1)

Ấy việc nội-loạn mới ở nước Nga đến ngày 15 tháng 9 này, cái tình-thế còn đương nguy-hiểm như-thế. Không biết sau này phát-hiện ra những sự gì nữa. Ghê thay!

Bàn việc Nga thường nói đến tên thủ-tướng KERENSKY. Ngày nay cả Âu-châu suy-tôn thủ-tướng là bực đệ-nhất anh-hùng của nước Nga trong buổi biến-loạn này. Ông MARCOSSON là một nhà làm báo có tiếng ở nước Mĩ, hồi đầu việc cách-mệnh có đến Nga-kinh được tiếp-kiến thủ-tướng, sau thuật lại mấy nhời như sau này: « Người ta thường nói thời-thế tạo anh-hùng. Thủ-tướng KERENSKY thực « là một bực anh-hùng trong buổi đại « nguy-biến ở nước Nga bây giờ. Một « tuần lễ trước khi cách-mệnh, ở Nga-« kinh không mấy người biết đến tên; « bốn ngày sau khi cách-mệnh, thì không « người nào không đọc đến tên. Trong « tòa Nội-các KERENSKY là người trẻ « tuổi hơn nhất, năm nay mới có 35 « tuổi. Sinh ở Simbirsk, bố làm thầy dạy « học. Học pháp-luật ở Petrograd, rồi « vào tập-sự ở nhà một người luật-sư. « Khi còn ở nhà-trường vẫn có tiếng « là người hùng-biện. Tự ngày ra làm « thầy kiện chỉ chuyên bênh-vực cho « bọn thợ, lắm khi phản-đối với chính-« phủ cũ để giữ lợi-quyền cho đảng thợ. « Kịp đến khi cách-mệnh nổi lên thì tự « liệt vào bực đầu cả. Nguyên trước cũng « đã thuộc vào nhiều hội bí-mật của « đảng thợ, mưu sự cách-mệnh đã lâu « năm. Thủ-tướng tuy giữ cái chủ-nghĩa « quá-kích, nhưng đến khi đảng thợ « hống-hách quá, biết ra tay quả-quyết « mà ngăn-cấm lại được, điều hòa đảng « thợ với Nghị-viện mà lập ra lâm-thời « chính-phủ ngày nay; thực là tỏ ra tay « một nhà đại-chính-trị. Thủ-tướng đối « với chúng có cái oai quyền lạ, dễ thu-« phục được nhân-tâm. Lần thứ nhất tôi « mới được tiếp-kiến phải đợi mất ít lâu. « Sau thủ-tướng chạy ra nói rằng: « Xin « ông thứ lỗi cho, để ông đợi lâu quá. « Tôi vừa mới tiếp một đội quân ở hàng « trận về. Họ chưa về đến nơi đã xin vào « với tôi ngay, tin tôi như một ông giáo-« sư vậy. » Ấy cái thế-lực của thủ-tướng « mạnh như thế. Trông hình-thể thủ-« tướng rất là tiều-tụy, như một cái nhà « đồ, người gầy gò xanh-sao, tưởng cả « người chỉ sống về hai con mắt cực to « mà cực sáng; mỗi lần diễn-thuyết kịch-« liệt thường ngất người đi một lúc. Xem « như thế thì khả tri cái nhiệt-thành « hăng-hái biết chừng nào vậy ».

(1) Điện ngày 19, 20 thì nói tướng KORNILOFF đã chịu ra hàng.

Việc nước Pháp. — Việc nội-chính nước Pháp cũng vừa mới qua một buổi khó-khăn. Tòa nội-các cũ, ông RIBOT làm thủ-tướng, nhân có nhiều viên xin từ-chức, xem ra không đồng-ý nhau, tuân-lễ trước trình giấy Tổng-thống xin thôi. — Sự đó là duyên do tự cái án người chủ nhật-trình tên là ALMEYREDA, người ấy phải bắt để tra về việc nhận tiền hối-lộ của địch-quốc, bỗng tự-tử trong ngục-thất. Sau xét ra đầu đuôi việc hối-lộ ấy cũng là bởi chính-phủ khi trước cảnh-sát phòng-bị không cẩn-mật mới sinh ra thế. Nội-vụ tổng-trưởng biết mình có cữu vào đấy xin từ-chức. Bởi thế cả tòa Nội-các cũng phải xin thôi.

Tổng-thống POINCARÉ bèn giao cho Lục-quân tổng-trưởng PAINLEVÉ lập tòa Nội-các mới. Ông PAINLEVÉ vận-động trong mấy ngày không lập thành, vì ông về đảng xã-hội mà đảng xã-hội thì không ưng có phần vào Nội-các. Sau điều-đình mãi, ngày 12 mới có điện sang nói tòa Nội-các đã lập-thành như sau này :

Nội-các Tổng-lý, kiêm lục-quân	PAINLEVÉ.
Hình-bộ	PÉRET.
Ngoại-vụ	RIBOT.
Nội-vụ	STEEG.
Thủy-quân	CHAUMET.
Quân-giới bộ	LOUCHEUR.
Tài-chính	KLOTZ.
Thuộc-địa	BESNARD.
Công-bộ	CLAVEILLE.
Học-bộ	VINCENT.
Lao-động bộ (1)	RENARD.
Thương-bộ	CLÉMENTEL.
Nông-bộ	DAVID.
Quân-nhu-bộ	LONG.
Phái-khiển ngoại-quốc bộ	FRANKLIN-BOUILLON.

Tòa Nội-các này có một bộ mới là bộ « Phái-khiển ngoại-quốc » (*Missions à l'étranger*). Chưa rõ nhiệm-vụ riêng của bộ ấy là những gì. Cứ tên mà suy thì ý chừng chủ các việc phái-khiển người đi xem xét tình-thế các nước ngoài ; nhưng thiết-tưởng những việc ấy thuộc về bộ ngoại-vụ cũng là phải.

Một cái đặc-sắc nữa của tòa Nội-các này là ngoài bấy nhiêu viên đã kể trên còn đặt thêm bốn viên gọi là « quốc-vụ-khanh » (*secrétaires d'Etat*), không lĩnh chức gì riêng. Bốn viên ấy là : BARTHOU, LÉON BOURGEOIS, DOUMER, (2) JEAN DUPUY, được quyền sung vào « Chiến-vụ hội-đồng » (*Comité de guerre*) cùng với PAINLEVÉ (thủ-tướng kiêm lục-quân), RIBOT (ngoại-giao), CHAUMET (thủy-quân), LOUCHEUR (quân-giới). « Chiến-vụ hội-đồng » là chủ ý để giúp các bộ tư-lệnh tham-mưu của thủy-quân lục-quân trong việc sếp-đặt sự hành-chiến. Ngoài hội-đồng ấy còn đặt một « Kinh-tế hội-đồng » (*Comité économique*) có mấy viên này : DOUMER (quốc-vụ-khanh), CLÉMENTEL (Thương-bộ), DAVID (Nông-bộ), BESNARD (Thuộc-địa), CLAVEILLE (Công-bộ), LOUCHEUR (Quân-giới), LONG (Quân-nhu).

Ngoài những viên tổng-trưởng các bộ, có mấy viên thứ-trưởng (*sous-secrétaires d'Etat*), liệt tên như sau này :

Vệ-sinh ti (*Santé*)	GODART.
Phi-cơ ti (*Aéronautique*)	DUMESNIL.
Hành-chính ti (*Administration générale*)	MOURIER.
Tố-tụng ti (*Contentieux*)	MASSÉ.
Chế-tạo ti (*Inventions*)	BRETON.
Nội-vụ (trợ-biện)	PEYTRAL.
Tài-chính (trợ-biện)	BOURÉLY.
Thương-bộ (trợ-biện)	MOREL.
Thương-thuyền ti (*Marine marchande*)	DE MONGIE.

(1) Coi những công việc thuộc về bọn thợ, chữ tắt gọi là bọn « lao-động ».
(2) Ông DOUMER là nguyên Toàn-quyền Đông-dương trước.

Hải-chiến-phong-tỏa[1]
ti (*Blocus*)..... MÉTIN.
Mĩ-thuật ti (*Beaux-arts*) DALIMIER.

Việc nước Á-nhĩ-nhân-đình (Argentine) *với nước Thụy-điển* (Suède) *và nước Đức.* — Ngày 7, 8 tháng này, chính-phủ Hoa-thịnh-đốn (Washington) mới phát-giác ra một việc thực là tỏ cái mưu giảo-quyệt của nước Đức. Bá-tước LUXBOURG công-sứ Đức ở Buenos-Ayres là kinh-đô nước Argentine (Nam-Mĩ), thường làm những điện bằng chữ số, nhờ công-sứ Thụy-điển lấy dấu hiệu riêng của mình mà gửi về Thụy-điển cho ngoại-vụ-bộ để truyền sang cho chính-phủ Đức. Những điện ấy toàn là để báo tin các thương-thuyền của Đồng-minh và của Trung-lập ngày giờ nào đi cùng đi đến đâu để cho tầu ngầm Đức biết mà đến đánh đắm. Người Đức sợ rằng tự mình gửi thì cảnh-sát của Đồng-minh bắt được, nên làm cách giả-dối như thế để đánh lừa Đồng-minh. Nhưng nghe chừng nước Anh đã biết từ năm 1915 rằng bộ ngoại-vụ nước Thụy-điển vẫn thông-đồng với chính-phủ Đức để báo tin cho biết các tầu bè đi lại.

Dân nước Argentine biết việc đó lấy làm tức giận lắm, vận-động để phản-đối với người Đức và người Thụy-điển. Chính-phủ Argentine đã giao giấy thông-hành cho công-sứ Đức về nước, và gửi tờ kháng-nghị cho chính-phủ Đức. Ngoại-vụ tổng-trưởng Thụy-điển thì nói rằng công-sứ Thụy-điển nguyên không biết chữ số-hiệu của LUXBOURG dùng; nên chẳng hay trong điện nói những gì, mới dám nhận gửi hộ. Lại nói rằng sự đó là phát-giác ra tự nước Mĩ, chưa biết thực hư thế nào, phải kiểm lại cho đích-sác đã, rồi sẽ chất-vấn tại chính-phủ Đức. Hiện nay chưa biết chính-phủ Đức đáp lại nhời kháng-nghị nước Argentine thế nào.

Nhật-Bản với Mĩ. — Mới rồi nước Nhật có sai sang Mĩ một phái-bộ, đầu phái-bộ là tử-tước ISHII (tên chữ là Thạch-tỉnh), để điều-đình với chính-phủ Mĩ về các việc quan-hệ đến sự ngoại-giao hai nước. Việc quan-trọng nhất trong các việc ấy nghe đâu là thuộc về chính-sách nước Nhật-bản đối với nước Tàu.

Còn một việc nữa quan-hệ đến sự ngoại-giao hai nước, là việc nước Mĩ mới hạ-lệnh cấm không được xuất-cảng những sắt cùng thép trong nước để đem ra bán cho nước ngoài. Nước Nhật thì xưa nay vẫn phải mua sắt mua thép của Mĩ để dùng trong các xưởng thủy-quân của mình. Từ khi có việc chiến-tranh nghề chế-tạo ở nước Nhật tăng-tiến lên gấp mấy lần khi trước, nên lại càng cần sắt và thép của ngoài lắm. Đã tính nước Nhật mỗi năm chế được 60 vạn tấn, mà các nhà đúc sắt trong nước thì mỗi năm chỉ đúc được có 35 vạn mà thôi. Trong 35 vạn ấy 30 vạn đã là của riêng nhà nước để chế các tầu chiến của thủy-quân nước nhà. Vậy chỉ còn có 5 vạn tấn thì các công-ti chế-tạo đủ dùng sao được? Bởi thế lệnh cấm của nước Mĩ thực là làm nguy cho công-nghệ của nước Nhật. Các nhà chế-tạo Nhật có đệ đơn lên kêu với Tổng-thống Mĩ, nói rằng nước Nhật cần đến sắt cũng là để dùng mà làm tầu cho Đồng-minh, giúp Đồng-minh trong việc chiến-tranh. Chưa biết nước Mĩ xử-trí ra làm sao.

Việc nước Tàu. — Ngày nay nước Tầu tuyên-chiến với Đức-Áo thật là đã được một dịp hay dự vào cái đoàn-thể tự-do của thế-giới. Chính-phủ Bắc-kinh từ khi tuyệt-giao với Đức cho đến khi tuyên-chiến cách nhau hơn năm tháng, mà vì trong năm tháng để chậm trễ không nhất định ấy, khiến cho mấy chú lưu-dân của giống Nhật-nhĩ-man được nhân cái cơ-hội ấy mà xui cho nước Tàu sinh ra lắm việc

(1) Coi về việc vây trên mặt bể.

biến loạn. Những người đương-cuộc nước Tàu, nay nghĩ lại vẫn lấy làm tức giận người Đức. Tòa Tham-nghị-viện ở Bắc-kinh đã mấy lần hội-nghị quyết-định khai-chiến với Đức-Áo. Ngày 10 tháng tám, 10 giờ sáng, chính-phủ Trung-hoa giao một cái thư tuyên-chiến cho Công-sứ Hà-lan để nhờ Công-sứ Hà-lan chuyển giao lại cho chính-phủ Đức, vì là từ khi Tàu với Đức tuyệt-giao đến nay, việc giao thiệp của người Đức ở Trung-hoa, đều giao cho Công-sứ Hà-lan đại-lý cả. Tờ chiếu-hội của chính-phủ Trung-hoa giao cho Công-sứ Hà-lan như sau này :

« Nước Đức thi-hành cái chính-sách « tàu ngầm, trái hẳn với quốc-tế-công-« pháp, làm nguy-hiểm cho tính-mệnh « tài-sản của dân Trung-hoa. Vì thế « ngày 9 tháng 2 năm nay mới giao « tờ « kháng-nghị » cho chính-phủ Đức « và có nói trước rằng nếu kháng-nghị « vô-hiệu thì tuyệt-giao. Không ngờ đâu « sau khi kháng-nghị rồi, mà mấy nước « liệt-cường ở Trung-Âu hãy còn dùng « tầu ngầm mà đánh đắm những thuyền « buôn của các nước trung-lập và « nước giao-chiến, làm hại đến sinh-« mệnh của dân Trung-hoa. Vì cớ ấy « phải cho sự kháng-nghị là vô-hiệu, « ngày 14 tháng 3 tuyên-cáo sự tuyệt-« giao với nước Đức. Nhưng mà trong « khi bấy giờ chính-phủ Trung-hoa hãy « còn trông mong cho nước Đức thấy « lòng công-phẫn của thế-giới mà kiên « sợ, hoặc-giả không làm cái chính-sách « trái công-lý hại nhân-đạo như trước « nữa. Đến bây giờ thì không thể trông « mong được nữa, chính-phủ Trung-« hoa vì cái tôn-chỉ trọng công-pháp « và bảo-hộ cho tính-mệnh tài-sản của « quốc-dân, không thể để vậy mà ngồi « yên được. Vậy nên chính-phủ Trung-« hoa nay tuyên-cáo rằng : bắt đầu từ « 10 giờ sáng ngày 14 tháng 8 năm thứ « 6 của Trung-hoa dân-quốc thì Trung-« hoa vào cuộc chiến-tranh đối với nước « Đức. Phàm những điều-ước của nước « Trung-hoa cùng nước Đức giao-kết « như là : Trung-Đức điều-ước làm « ngày 2 tháng 9 năm 1861, Trung-Đức « thiện-hậu-chương-trình làm ngày 31 « tháng 3 năm 1860, và tất cả những « điều-ước, hợp-đồng hay là lời hợp-« ước khác nữa, không cứ là thuộc về « công việc gì, cũng đều bỏ đi cả. Còn « như cái điều-ước làm ngày 7 tháng 9 « năm 1901 và những lời quốc-tế-hợp-« nghị cũng đồng một tính-chất như thế, « mà trong có quan-hệ về sự nước Tàu « và nước Đức, thì cũng đều bãi-bỏ cả. « Chính-phủ Trung-hoa lại tuyên-bố « xin tuân theo các điều-ước Hải-nha-« hòa-bình-hội và những điều khoản « thuộc về sự văn-minh hành-động của « các nước trong khi tranh-chiến. Trừ « ra đã điện cho chính-phủ Đan-mạch « chuyển cho chính-phủ Đức biết, nay « lại xin quí Công-sứ chuyển đạt nhời « này với chính-phủ Đức ».

Đồng-thời chính-phủ Trung-hoa lại giao chiến-thư cho Công-sứ nước Áo nữa, tờ tuyên-chiến giao cho nước Áo, đại ý cũng như tờ tuyên-chiến giao cho Đức. Quan Tổng-thống Trung-hoa lại tuyên-bố cho dân trong nước biết và hạ mệnh-lệnh cho các cơ-quan trong nước chiếu theo những việc Chiến-thời-quốc-tế-công-pháp mà làm, như là : tiếp-quản những ngân-hàng của Đức, tịch-một những thuyền-hạm của địch-quốc và bãi-chức những người địch-quốc đương làm việc ở các sở trong nước v. v...

Qua đến ngày 17 tháng 8, các ông nguyên-thủ của Đồng-minh như là Pháp, Anh, Nhật, Mỹ đều có điện chúc mừng nước Trung-hoa đã lấy lòng quả-quyết mà vào phe với liệt-cường.

Còn như dân trong nước thì nghe đâu cũng vì sự tuyên-chiến ấy mà có ý lại muốn hợp lực cùng nhau để đối-đãi với ngoại-địch, mà điều-hòa dần dần được cái ý-kiến riêng

của các phe đảng. Xem như Quảng-đông mấy lâu đã tuyên-bố rằng tự-chủ, không phục-tòng chính-phủ Bắc-kinh; lại thêm đảng Tôn Dật-Tiên cùng hạm-đội thứ nhất hải-quân của Trình Bích-Quang 程璧光 tập hợp ở đấy, định xướng lập ra Nam-phương chính-phủ để chống cự với chính-phủ Bắc-phương, nhưng mà từ sau khi Chính-phủ Bắc-kinh tuyên-chiến với Đức, thì Đô-đốc Quảng-đông đã lấy tờ tuyên-bố của Tổng-thống Phùng Quốc-Chương mà yết ra khắp tỉnh-thành. Ta lại được tin rằng gần đây Lục Vinh-Đình 陸榮廷 là Tuần-duyệt-sứ Lưỡng-Quảng và Đô-đốc Quảng-đông Vân-nam cũng đều có đánh điện về Bắc-kinh mà tán thành sự tuyên-chiến. Tuy hiện bây giờ thì Tôn Dật-Tiên vẫn được bạn đồng-đảng cử làm Đại-nguyên-súy ở Nam-phương, nhưng thiết tưởng rằng Lục Vinh-Đình và Đường Kế-Nghiêu mà đã về phe với Bắc-kinh, thì Chính-phủ Nam-phương cũng khó thành lập nổi. Cứ theo tin tức cuối cùng thì nói rằng tình-thế hai bên cũng đã nhượng-bộ mà có thể điều-hòa được. Còn cái vấn-đề quốc-hội thì Bắc-kinh sẽ định thuận cho quốc-dân tuyển lấy nghị-viên mới. Nam-phương cũng không cố-chấp bắt phải khôi-phục quốc-hội cũ nữa. Đến như cái vấn-đề Tổng-thống thì Nam-phương chỉ chủ rằng Phùng Quốc-Chương nếu được thay Lê Nguyên-Hồng mà làm Tổng-thống, thì khi nào quốc-hội mới đã tập hợp rồi, Phùng Quốc-Chương phải đến nghị-viện tuyên-thệ mà làm lễ thụ chức. Xem như thế thì cái thời-cuộc phân-nhiễu trong nước Tầu, may có thể yên được. Tuy vậy cũng chưa có thể đoán định trước được, vì là cái chính-sách của bọn quốc-dân nước Tàu thường không nhất-định. Chỉ biết rằng trong nước Tàu bây giờ thì người Đức không thể nào mà lợi-dụng được cái âm-mưu gian hiểm để quấy rối nội-chính nước ấy cho ngăn trở sự kháng cự với mình.

VIỆC ĐÔNG-DƯƠNG

Việc khởi-loạn Thái-nguyên. — Trong thời-kỳ cuối tháng trước đầu tháng này, ở Bắc-kỳ có sảy ra một việc mưu-loạn tại tỉnh Thái-nguyên. Xét đầu đuôi việc ấy thì chẳng qua cũng là một sự xuẩn-động của mấy dứa cuồng-đồ, khu một vùng nhỏ trên thượng-du, không có quan-hệ gì đến cuộc trị-an trong bản-xứ. Nhờ quân nhà-nước kịp lên tiễu-trừ ngay, đảng giặc đã chạy tan-tác cả, còn dư-đảng thì nay mai thế nào cũng tầm-nã được hết. Hiện quan Toàn-quyền đã ký nghị-định đặt tòa Đề-hình để đệ những tên tùng-phạm thủ-phạm lên kết án. Mong rằng tòa Đề-hình sẽ dùng hết luật nghiêm mà trừng-trị những kẻ ngu-xuẩn cuồng-dại, lập tâm quấy dối sự yên-ổn trong nước.

Nam-kỳ mới xuất-hiện một tờ báo mới. — Kỳ này ta được cái hân-hạnh chào mừng và hoan-nghênh một bạn mới trong Lục-tỉnh. Bạn ấy là tờ báo « Quốc-dân diễn-đàn » (*La Tribune indigène*), xuất-hiện tại Sài-gòn ngày 20 tháng 8, bằng chữ Pháp. Tuy cái phạm-vi, cái thể-cách có khác, mà cái chủ-nghĩa, cái tôn-chỉ cũng là một với bản-báo, lại giống bản-báo mà là công-cuộc riêng của người bản-xứ, toàn người An-nam sáng-lập, người An-nam quản-trị, người An-nam soạn-thuật. Chủ-bút báo « Quốc-dân diễn-đàn » là ông Nguyễn-phu-Khai, có tiếng trong Lục-tỉnh là người học-vấn rộng. Mục-đích báo ấy là bênh-vực quyền-lợi cho người An-nam về đường chính-trị, về đường kinh-tế; mới xuất-bản đã thịnh-hành lắm, không những người bản-quốc xem nhiều, mà quí-quan cũng nhiều người lưu-

tâm chú-ý đến, khen là một sự-nghiệp hay và có ích của người An-nam.

Bản-báo muốn dịch mà giới-thiệu cho các nhà đọc báo ở Bắc-kỳ Trung-kỳ biết những ý-kiến hay trong bài chương-trình báo « Quốc-dân diễn-đàn »; tiếc vì bài dài quá, vả bản-báo cũng mới tiếp được trong Sài-gòn gửi ra, chưa thể dịch cả trong mục *Thời-đàm* này được. Đại-ý nói rằng đương lúc thế-giới đa-sự này, mở ra một tờ báo mới thực là để biểu cái tình thân-mật của người dân Annam đối với nhà nước Đại-Pháp. Dân An-nam nhờ nhà nước dạy-bảo, sự tiến-bộ về đường thực-tế, về đường tri-thức đã hiển-nhiên. Người An-nam ngày nay thực đã đến cái thời-kỳ muốn thông-hiểu các việc trong nước, muốn tỏ ý-kiến riêng, bầy lòng sở-nguyện với chính-phủ, lại muốn mong-mỏi ước-ao sự nọ việc kia ; vậy nhà nước cần phải biết bụng dân, dân cần phải hiểu ý nhà nước. Báo lập ra là để làm môi-giới cho dân với nhà nước vậy. Đối với dân thì báo có cái trách phải đưa giắt dân vào đường chính-đáng, giảm-đốc tài-chế cái lòng tham muốn sốc-nổi của người dân ; đối với chính-phủ thì báo là người đại-biểu dân, bầy tỏ cho chính-phủ biết những sự yêu-cầu chính đáng của người dân. Ấy cái mục-đích báo « Quốc-dân diễn-đàn » như thế, nếu đạt được mục-đích ấy thì thực là một nơi diễn-đàn công của cả dân An-nam vậy.

Vậy báo *Nam-phong* chúng tôi có nhời biểu đồng-tình với bạn đồng-nghiệp trong Lục-tỉnh, chúc mừng cho thành công-cuộc nhớn, thịnh-vượng lâu dài.

Báo « Quốc-dân diễn-đàn » xuất-bản mỗi tuần-lễ hai kỳ, ngày thứ 2, thứ 5, tại Sài-gòn. Các bài soạn bằng chữ Pháp, văn-chương chải-chuốt lắm, xem đấy thì biết các đồng-bào ta trong Lục-tỉnh nghiên-cứu Pháp-học đã thâm là chừng nào.

Những sự mưu-toan của quan Toàn-quyền ích-lợi cho bản-xứ. — Ngày nay quốc-dân ai cũng chú-mục vào quan Toàn-quyền Sarraut. Vậy thì ngài hiện ở Sài-gòn đương mưu-toan những việc gì, tưởng nên kể qua mấy nhời cho quốc-dân biết.

Cứ như nhời người thông-tin của bản-báo viết ra thì quan Toàn-quyền cận lai này thực đã làm được thành nhiều công việc nhớn nhao. Nghe nói từ sáng đến chiều ngài ngồi luôn buồng giấy mà giải-quyết các vấn-đề về cuộc kinh-tế trong nước.

Việc dựng-lập một đội tầu buôn cho xứ Đông-dương nay đã xong rồi. Ngày 13 tháng 9, ngài họp tại Sài-gòn những bực tai mắt trong thương-giới, vừa người Tây vừa người An-nam, để khởi-hành cái công-trình nhớn ấy. Ai ai cũng cổ-võ xuất tiền xuất vốn ra nhiều lắm. Hiện đã bắt đầu chế mấy chiếc tầu thứ nhất, khi nào xong thì chạy bằng hiệu cờ riêng của xứ Đông-dương ta. Các thuyền-viên của những tầu ấy thì sẽ lấy ở chân học-trò trường Cơ-khí Sài-gòn cùng trường Hằng-hải sẽ lập sau này. Thực là ích lợi cho người nước ta, từ nay cũng biết nghề đi bể như các nước khác.

Quan Toàn-quyền không những là lưu-tâm đến cuộc kinh-tế mà thôi đâu, ngài lại còn kinh-doanh nhiều việc khác nữa. Mới rồi ngài đã chuẩn việc cải-lương pháp-luật ở xứ Bắc-kỳ, khiến cho luật-lệ trong xứ ta từ nay được nhất-trí ; hiện ngài lại còn đương nghiên-cứu để sửa-sang lại thể-lệ về việc học ở trong nước, khiến cho chương-trình các trường ngày nay còn hỗn-độn nhiều, sẽ được nhất-trí mà theo một tôn-chỉ chung.

Nghe đâu thể-lệ ấy hễ khởi-thảo xong thì sẽ đệ trình Hoàng-thượng ta ngự-lãm. Hoàng-thượng duyệt rồi, trong mùa đông năm nay sẽ công-bố cho quốc-dân biết.

Hoàng-thượng ta đã nhiều lần cùng quan Toàn-quyền tỏ lòng thương đến dân trong nước, muốn cho cuộc khai-hóa được chóng tiến-bộ, nên Hoàng-thượng thực là hết sức giúp quan Toàn-quyền để làm hoàn-thành những công-cuộc hay mà ngài mưu-toan cho xứ ta. Quan Toàn-quyền muốn Hoàng-thượng đứng chủ-trương những việc cải-cách hày ngày nay, khiến cho ngày sau dân được hưởng kết-quả tốt tất đội ơn đứng minh-quân vô cùng vậy. Bởi vậy mà ngày đêm quan Toàn-quyền lo-nghĩ cho dân ta, cùng với những qui-quan am-hiểu tình-thế trong nước mà yêu-mến người An-nam, bàn định các việc, đến ngày thi-hành được hết, thì cuộc tương-lai của nước ta được vững vàng mà thịnh-vượng biết chừng nào!

Cái cảnh-tượng tốt đẹp rực-rỡ về sau này thực là công-nghiệp của Hoàng-thượng ta cùng quan Toàn-quyền SARRAUT vậy.